



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số: 31248

CUNG CẤP DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN VÀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHO NCSP (02/2026- 02/2029)

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

_____31248_____

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

CUNG CẤP DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN VÀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHO NCSP (02/2026- 02/2029)

Dự án (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

_____26/01/2026_____

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Bên Mời Thầu

Bùi Tiến Dũng
Giám đốc



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

E-TBMT	Thông báo mời thầu qua mạng
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu qua mạng
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu qua mạng
Chủ đầu tư/ Bên mời thầu/ NCSP	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN
Tổng công ty	TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
Quy định của Tổng công ty	Quy định về lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất và mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của Tổng công ty khí Việt Nam - CTCP
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ https://muasamcong.mpi.gov.vn/
VND	Đồng Việt Nam

**** Hồ sơ mời thầu này được xây dựng dựa trên:**

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) ngày 15/12/2000 được ký kết giữa 3 Chủ đầu tư của NCSP.
- “Quy định về Lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất và mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP” ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-KVN ngày 11/04/2024 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam
- Công ty cổ phần (PVGas);
- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023, Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.
- Các quy định pháp luật khác có liên quan



MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng



MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT, cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;
- Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính; và
- Mục 5: Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)
là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Chủ đầu tư và nhà thầu cần nhập các thông tin vào các biểu mẫu tương ứng phù hợp với gói thầu để lập E-HSMT, E-HSDT trên Hệ thống và *đăng tải các file đính kèm lên Hệ thống*.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.



Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng (theo Biểu mẫu hợp đồng)

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng (theo Biểu mẫu hợp đồng)

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên hệ thống.



Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức. 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu trong



lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

h) Nêu điều kiện trong E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà



	thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định; d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. 4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây: a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng; b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận; c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này; d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng điều kiện sau đây: 5.1. Là Đơn vị trực thuộc hoặc Công ty con của Tổng công ty. 5.2. Nhà thầu không thuộc Khoản 5.1 Mục này đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp; b) Hạch toán tài chính độc lập; c) Không đang trong quá trình giải thể hoặc đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản hoặc pháp luật của nước mà nhà thầu được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác; d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu vận dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu; e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; g) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngắn. 5.3. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;



	b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d và g, Khoản 5.2 E-CDNT.
6. Nội dung của E-HSMT	6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phần 4, cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: Phần 1. Thủ tục đấu thầu: - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật: - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng: - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. 6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT	7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSMT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ.



	Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. 7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu. 7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu. 7.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư, Bên mời thầu và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. 7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT. 7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT 10.2. Thỏa thuận liên danh <i>Hệ thống trích xuất</i> theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT; 10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo qui định tại Mục 16 E-CDNT;



	10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo qui định tại Mục 15 E-CDNT; 10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT; 10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có); 10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	12.1. Trường hợp E-HSMT quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét. 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.
13. Giá dự thầu và giảm giá	13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu điền giá vào Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất (cơ sở cho Biên bản mở thầu) <i>đồng thời Scan Bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 lên Hệ thống.</i> b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được chủ đầu tư thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ. c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng. d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong Bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV. 13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần

	của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây: a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự). b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform trên Hệ thống. 13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp hồ sơ dự thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam.
15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan	15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSDT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V. 15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ. 16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.
17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn qui định tại E-BDL. 17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong



	trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
18. Bảo đảm dự thầu	18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại E-BDL. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu



nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn



	10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng. 18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu. 18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây: a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự; b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm. 18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.
19. Thời điểm đóng thầu	19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT. 19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư

	và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá. 20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu. 20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.
21. Mở thầu	21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 01 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu;

	- Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.
22. Bảo mật	22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
23. Làm rõ E-HSDT	23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. 23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống. 23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện



	việc làm rõ E-HSDT. 23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu. 23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT. 23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu. 23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.
24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT; 24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT; 24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.
25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT	25.1. Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT. 25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT . 25.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.
26. Sai sót không nghiêm trọng	26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.



	26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư. 26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.
27. Nhà thầu phụ <i>(không áp dụng)</i>	27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ. 27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thỏa thuận liên danh. 27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). 27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc của gói thầu. 27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đấu thầu thì sẽ bị xử lý theo quy định e tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 27.6 Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT;

	thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.
28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	28.1. Nguyên tắc ưu đãi: a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính. b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng. c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu. 28.2. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại E-BDL. 28.3. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu: a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có); b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá. c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu; d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn; đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn ; e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn; g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút



	gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). 28.4. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 28.2 và Mục 28.3 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT. 28.5. Nhà thầu phải kê khai thông tin về loại hàng hóa được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 12 Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì dịch vụ của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. 28.6. Trường hợp dịch vụ do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi. 28.7. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu cung cấp không phải đáp ứng điều kiện về bảo đảm cạnh tranh trong nội dung đánh giá về tư cách hợp lệ và yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. 28.8. Các ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.
29. Đánh giá E-HSDT	29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT. 29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Bên mời thầu chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSDT. 29.3. <u>Quy trình 1</u> (áp dụng đối với phương pháp “Giá đánh giá” và “Giá thấp nhất”): a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III: - Đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT đối với các nội dung: + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:



- Đánh giá các nội dung: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá, nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT;
 - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên webform và tài liệu đính kèm để đánh giá;
 - Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.
 - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.
- c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.
- d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III
- đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.
- e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.
- 29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất” và các nhà thầu, E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào và không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất):**
- a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu không bao gồm thuế VAT, nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế VAT sau khi sửa lỗi, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bên mời thầu tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế VAT sau khi sửa lỗi, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
 - b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.
 - c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.
 - d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.
 - đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu.
- Trường hợp E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.
- 29. 5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:**
- a) Đối với các nội dung bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự



bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Tổ chuyên gia sẽ đánh giá nhà thầu “không đạt” ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;

c) Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;

d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (bao gồm cả trường hợp nhân sự, thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d Mục này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform

	và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá; e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm đã được đánh giá là “đạt” theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là “không đạt” thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ “đạt” thành “không đạt”. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.
30. Đối chiếu tài liệu	30.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm: a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT; b) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); c) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT; d) Tài liệu khác (nếu có). 30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. 30.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu Nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu. 31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III; 31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3



	Chương III; 31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL; 31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt, làm căn cứ phê duyệt trúng thầu theo qui định tại E-BDL.
32. Hủy thầu	32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, báo giá không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT; b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT; c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Tổng Công ty hoặc thực hiện trái với, quy định của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Giá dự thầu/ đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá của tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật cao bất thường so với dự toán gói thầu được duyệt mà Cấp có thẩm quyền xét thấy không cần thiết xử lý tình huống theo quy định; đ) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu; e) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; f) Thay đổi kế hoạch mua sắm, nhu cầu mua sắm, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. 32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 32.1 E-CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm đ và điểm e Mục 32.1 E-CDNT.
33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư;



	- Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu. 33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu. 33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
34. Thay đổi khối lượng dịch vụ	34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%. 34.2. Tùy chọn mua thêm: Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 Chương VIII

	cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.
36. Điều kiện ký kết hợp đồng	36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu. 36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Biểu mẫu hợp đồng thuộc Chương VIII. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.



Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN (NCSP).
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: CUNG CẤP DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN VÀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHO NCSP (02/2026- 02/2029) Tên dự án/ dự toán mua sắm: CUNG CẤP DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN VÀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHO NCSP (02/2026- 02/2029) Thời gian thực hiện gói thầu: từ tháng 2/2026 đến 02/2029 Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục E-CDNT 18.2 Chương này
E-CDNT 3	Nguồn vốn: <i>Vốn sản xuất kinh doanh.</i> (Áp dụng Quy định về lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-KVN ngày 11 tháng 04 năm 2024 của Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần)
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đầu thầu: Không ▪ Thời gian: __ giờ 00, ▪ Địa điểm tổ chức hội nghị tiền đầu thầu: CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN (NCSP) Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn, Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh ▪ Số điện thoại người chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị: Điện thoại: Choose an item. ext. Choose an item. Người liên hệ: Choose an item. – Chuyên viên mua sắm Phòng Hợp đồng & Cung ứng Vật tư Email: Choose an item.
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: theo qui định của Hệ thống https://muasamcong.mpi.gov.vn/
E-CDNT 10.8	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: <i>như yêu cầu trong E-HSMT</i>
E-CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: $\geq$ 60 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 40.000.000 VNĐ (Bốn mươi triệu đồng). Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần



	giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu.
E-CNDT 28.2	Cách tính ưu đãi: theo quy định của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi như sau: - Nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu đó để so sánh, xếp hạng.
E-CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/ Không đạt - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/ Không đạt - Đánh giá về tài chính: áp dụng Phương pháp giá thấp nhất
E-CDNT 29.3(đ)	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế VAT, sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
E-CDNT 31.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất.
E-CDNT 31.5	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: Giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
E-CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 10%; Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 10%.
E-CDNT 34.2	- Tùy chọn mua thêm: không áp dụng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt. - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 0%
E-CDNT 38.2	Người có thẩm quyền:



CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN

Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (0254) 3 864100;

Fax: (0254) 3 864099

Người nhận: Mai Thanh Huyền – Chuyên viên mua sắm

Phòng Hợp đồng – Cung ứng Vật tư

Email: Huyen.Mai@ncsp.com.vn

C/c: **Nguyễn Đắc Diệu Phương**

Trưởng nhóm Hợp đồng – Cung ứng Vật tư

Email: phuong.nguyen@ncsp.com.vn

Nguyễn Đình Định - Trưởng Phòng Kinh Doanh

Email: ding.nguyen@ncsp.com.vn



Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Giá chào ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu;
2. Thời gian có hiệu lực của E-HSDT đáp ứng yêu cầu của Mục CDNT 17.1;
3. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy;

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn **50** triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

4. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 07 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;
5. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;
6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;



7. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;
8. Có văn bản cam kết mở bảo đảm thực hiện hợp đồng theo qui định của E-HSMT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

2.1 Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại E-HSMT để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.



Bảng số 01**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

CÁC TIÊU CHÍ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM			CÁC YÊU CẦU CẦN TUÂN THỦ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	YÊU CẦU	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ 01/01/2021 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó: Hợp đồng tương tự là hợp đồng: - Có tính chất tương tự: Có tính chất tương tự về dịch vụ chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế. - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 270.000.000 VND (bao gồm VAT).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05



2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được quy định trong bảng dưới đây. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (không áp dụng)

TT	VỊ TRÍ CÔNG VIỆC	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/ trình độ chuyên môn
1				

GHI CHÚ:

- Nhà thầu kê khai lý lịch nhân sự theo Mẫu số 6A, 6B, 6C thuộc Chương IV, E-HSMT và nộp kèm bản chụp các chứng chỉ/ bằng cấp theo yêu cầu nêu trên.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị



loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về vật tư, thiết bị chủ yếu (không áp dụng)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
3		
...		

- c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

Mục 3. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật E-HSDT của nhà thầu như qui định tại bảng sau đây.

Bảng 04 – Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ	
		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
1	Nhà thầu cần phải có ít nhất 01 nhà kho tại thành phố Hồ Chí Minh để thuận tiện lưu kho hàng hóa sau và trước thông quan. Nhà thầu nêu rõ địa chỉ ít nhất 01 nhà kho như yêu cầu.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
2	Nhà thầu phải có kinh nghiệm trong tư vấn Hải quan, đặc biệt đối với các lô hàng có tên khó xác định, chưa rõ thuế suất nhập khẩu và thủ tục khai báo	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu



TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ	
		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
	Nhà thầu nêu rõ cách tiến hành tư vấn Hải quan để được Hải quan cập nhật và tư vấn Xuất Nhập Khẩu trước khi làm thủ tục thông quan		
3	Nhà thầu có hệ thống mạng lưới đại lý để thực hiện các Dịch vụ tại các địa điểm Chicago (Mỹ), London (Anh), Milan (Ý), Sydney (Úc), Singapore. Nhà thầu gửi kèm bản mô tả địa chỉ, người liên hệ của đại lý từng địa điểm theo yêu cầu.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
4	Nhà thầu cung cấp bản sao đầy đủ các chứng từ cần thiết cho việc Khai báo Hải quan cho 01 Lô hàng nhập khẩu ĐẦU TƯ Sản Xuất mà Nhà thầu đã thực hiện.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
5	Nhà thầu cung cấp bản sao đầy đủ các chứng từ cần thiết cho việc Khai báo Hải quan cho 01 Lô hàng Tạm xuất Tái nhập mà Nhà thầu đã thực hiện.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
6	Nhà thầu nêu cách giải quyết nếu phát hiện 01 lô hàng bị hỏng tại kho nhà cung cấp và tại Kho Sân bay hoặc Cảng biển VN.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
7	Nhà thầu nêu cách giải quyết nếu phát hiện 01 lô hàng không đúng Mã số hàng hóa theo Đơn Đặt Hàng của NCSP tại Đại lý ở nước ngoài	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
8	Nhà thầu cam kết thực hiện theo đúng qui định của pháp luật hiện hành và các qui định an toàn của NCSP như nêu tại Phạm vi công việc khi giao nhận và vận chuyển hàng hóa tới NCSP (bao gồm cho hàng hóa nguy hiểm, cháy nổ nếu có)	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
	KẾT LUẬN	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		<i>Đạt tất cả các nội dung/ yêu cầu nêu trên</i>	<i>Không đạt bất kỳ nội dung/ yêu cầu nào nêu trên</i>

Ghi chú:

- NCSP có quyền yêu cầu nhà thầu trình bản gốc của các bản sao chứng chỉ, hồ sơ,... để so sánh, đối chiếu trong quá trình đánh giá E-HSDT và thương thảo hợp đồng.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế VAT;
- Bước 2. Sửa lỗi theo qui định tại ghi chú (1) dưới đây;
- Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch theo qui định tại ghi chú (2) dưới đây;
- Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá (nếu có);
- Bước 5. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;
- Bước 6. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu không bao gồm thuế VAT sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

**** GHI CHÚ:**

1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong hồ sơ dự thầu bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:
 - a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo chi phí cộng phí, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm, trường hợp có sự không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;
 - b) Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi khi cộng trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở để sửa lỗi;
 - c) Trường hợp không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ thì giá dự thầu ghi bằng chữ là cơ sở để sửa lỗi, trừ trường hợp giá ghi bằng chữ không có nghĩa; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học thì giá ghi bằng số là cơ sở cho việc sửa lỗi sau khi được chuẩn xác (nếu có) theo điểm a và điểm b nêu trên;
 - d) Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định theo nguyên tắc này khác với số lượng nêu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục 2 – Hiệu chỉnh sai lệch về Phạm vi cung cấp dưới đây;
 - e) Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
2. Hiệu chỉnh sai lệch về phạm vi cung cấp:
 - a) Sai lệch về phạm vi cung cấp đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn:
Trường hợp nhà thầu liệt kê hạng mục công việc theo yêu cầu trong hồ sơ mời thầu nhưng không ghi đơn giá dự thầu và thành tiền cho một hoặc một số hạng mục công việc thì được coi là sai lệch thiếu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu.



Trường hợp hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu không được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu thì được coi là phần chào thiếu trong hồ sơ dự thầu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng các hồ sơ dự thầu. Hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu nhưng khối lượng ít hơn hoặc nhiều hơn so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu được coi là phần chào thiếu hoặc chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này.

Hạng mục công việc được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu không thuộc phạm vi công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được coi là phần chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp:

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thiếu một hoặc một số hạng mục theo quy định tại điểm a khoản này và không có đơn giá của các hạng mục này thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục này trong số các hồ sơ dự thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong hồ sơ dự thầu của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu để hiệu chỉnh sai lệch, làm cơ sở so sánh, xếp hạng nhà thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch thiếu chỉ nhằm mục đích so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu.

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thiếu khối lượng so với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị của phần công việc chào thiếu được cộng thêm theo đơn giá tương ứng trong hồ sơ dự thầu.

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thừa khối lượng so với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị của phần công việc chào thừa sẽ bị trừ đi theo đơn giá tương ứng trong hồ sơ dự thầu.

3. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.
4. Áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu đối với nhà thầu xếp hạng thứ nhất:
Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu có sai lệch thiếu sau khi hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b Mục 2 nêu trên vẫn được xếp hạng thứ nhất và hồ sơ dự thầu của nhà thầu này không có đơn giá của phần sai lệch thiếu thì đơn giá đề nghị trúng thầu của phần sai lệch thiếu sẽ lấy theo thứ tự ưu tiên: đơn giá tương ứng có giá trị thấp nhất trong các hồ sơ dự thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, đơn giá trong dự toán gói thầu, đơn giá hình thành giá gói thầu (trong trường hợp không có dự toán gói thầu).
5. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 nêu trên, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá đối với hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá của bên mời thầu không phù hợp, chính xác.



Mục 5. PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ TRONG E-HSDT (nếu có)

Không áp dụng

Mục 6. TRƯỜNG HỢP GÓI THẦU CHIA THÀNH NHIỀU PHẦN ĐỘC LẬP (nếu có)

Không áp dụng



Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

TT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Phạm vi Cung cấp	Scan đính kèm lên Hệ thống	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu	Webform		X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh	Webform		X
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)	Cam kết trong đơn dự thầu		X
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)			X
6	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
7	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt (<i>không áp dụng</i>)			N/A
8	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt (<i>không áp dụng</i>)			N/A
9	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn (<i>không áp dụng</i>)			N/A
10	Mẫu số 6D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu (<i>không áp dụng</i>)			N/A
11	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu			X
12	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu (<i>không áp dụng</i>)			N/A
13	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ (<i>không áp dụng</i>)			N/A
14	Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc gói thầu			X
15	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện			X
16	Mẫu số 11. Bảng Tổng hợp giá dự thầu Mẫu số 11A. Bảng chào giá chi tiết			X
17	Mẫu số 12. Bản cam kết			X



Mẫu số 01 (Scan đính kèm lên Hệ thống)

PHẠM VI CUNG CẤP

Nhà thầu cung cấp nhân lực, trang thiết bị và thực hiện **CUNG CẤP DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN VÀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHO NCSP (02/2026- 02/2029)**, bao gồm:

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng thời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ
1	CUNG CẤP DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN VÀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHO NCSP (02/2026- 02/2029)	Chi tiết tại tài liệu “Phạm vi Công việc” thuộc Chương V, E-HSMT này	01	Gói		Dự kiến từ (02/2026- 02/2029).



Mẫu số 01

**PHẠM VI CUNG CẤP DỊCH VỤ
VẬN CHUYỂN VÀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHO NCSP
GIAI ĐOẠN 03 NĂM (02/2026- 02/2029)**



I. GIỚI THIỆU CHUNG

NHÀ THẦU được yêu cầu cung cấp dịch vụ thu gom, tập hợp, vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế, khai báo hải quan và các dịch vụ giao hàng từ các địa điểm của NHÀ CUNG CẤP ở nước ngoài mà CÔNG TY mua hàng như Anh Quốc, Ý, Singapore, USA, Úc, ...

Sau khi thu gom, kiểm đếm và tập hợp tại chỗ, lô hàng sẽ được vận chuyển bằng phương pháp vận chuyển (hàng không/đường biển/đường bộ) nhanh nhất và có hiệu quả chi phí nhất về Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn (xã Long Điền, TP Hồ Chí Minh)) qua cảng/sân bay ở thành phố Hồ Chí Minh hoặc Vũng Tàu, dựa trên các thông số vận chuyển đã thỏa thuận.

Ngoài ra, CÔNG TY cũng yêu cầu dịch vụ vận chuyển máy móc thiết bị (Thiết bị) ra nước ngoài nhưng ở mức độ ít hơn. NHÀ THẦU phải thu gom, đóng gói, vận chuyển Thiết bị Dầu khí của CÔNG TY bao gồm cả thiết bị của các nhà thầu của CÔNG TY từ kho tại Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn (Số 44 xã Long Điền, TP Hồ Chí Minh) đến các địa điểm được thông báo ở nước ngoài.

Dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế dự kiến sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn những nội dung sau đây:

- Tiếp nhận dữ liệu Đơn Đặt Hàng bằng file PDF qua email .
- Thu gom và kiểm đếm hàng hóa theo Đơn Đặt Hàng.
- Tập hợp và đóng gói hàng hóa theo Đơn Đặt Hàng.
- Chuẩn bị tất cả các chứng từ vận chuyển bao gồm cả xuất khẩu và nhập khẩu.
- Sắp xếp vận chuyển.
- Cung cấp tình trạng Đơn Đặt Hàng bằng Báo cáo giao nhận thông tin đầy đủ của tất cả các Đơn hàng hai tuần hay 1 tháng lần bằng file excel gửi qua email.
- Làm việc với Cơ quan Hải quan để thông quan hàng hóa.

NHÀ THẦU phải có khả năng tiếp nhận dữ liệu, cập nhật Đơn Đặt Hàng gửi qua email từ CÔNG TY và gửi email dữ liệu cập nhật hàng tuần tình trạng Đơn Đặt Hàng cho CÔNG TY liên tục.

II/ PHẠM VI CÔNG VIỆC

- Thời gian thực hiện :
03 năm từ ngày 02/2026 đến 02/2029.

1. TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ CÁC ĐƠN HÀNG

Khi nhận dữ liệu đơn đặt hàng bằng file mềm gửi qua email, NHÀ THẦU sẽ liên lạc với NHÀ CUNG CẤP để xác nhận:

- NHÀ CUNG CẤP đã nhận được đơn đặt hàng ban đầu.
- NHÀ CUNG CẤP hiểu tất cả các hướng dẫn về chứng từ, đóng gói, ghi nhãn hiệu và ký mã hiệu hàng hoá.
- NHÀ CUNG CẤP có thể thực hiện theo ngày giao hàng/ kế hoạch sản xuất trong đơn đặt hàng.

- NHÀ THẦU sẽ duy trì liên lạc thường xuyên với tất cả các NHÀ CUNG CẤP và theo dõi thông tin giao hàng, tình trạng tuân thủ các yêu cầu của đơn đặt hàng và báo lại các thông tin đó cho CÔNG TY bằng email hằng ngày và báo cáo vào thứ Sáu mỗi tuần. NHÀ THẦU sẽ phối hợp và tiến hành thu gom, vận chuyển hàng hoá mà CÔNG TY mua từ địa điểm giao hàng của NHÀ CUNG CẤP đến cơ sở chỉ định của NHÀ THẦU để vận chuyển tới địa điểm cuối cùng (Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn tại Số 44 xã Long Điền, TP Hồ Chí Minh). Tùy thuộc vào các điều khoản giao hàng trong hợp đồng, NHÀ THẦU hoặc là sẽ trực tiếp thu gom hàng hóa từ địa điểm giao hàng của NHÀ CUNG CẤP hoặc gọi yêu cầu NHÀ CUNG CẤP gửi hàng đến sân bay hoặc cảng thích hợp.
- Tất cả hàng hóa nhận được sẽ được kiểm tra về điều kiện đóng gói; đúng nhãn hiệu và số lượng kiện hàng. Sau khi có thông báo về bất kỳ thiệt hại nào đối với hàng hóa khi đến, NHÀ THẦU sẽ gửi Báo Cáo Thiệt Hại và hình ảnh của hàng hóa cho CÔNG TY và Nhà cung cấp. NHÀ THẦU sẽ thu xếp để Kiểm Tra Kỹ Thuật / Giám Định Thiệt Hại nếu CÔNG TY yêu cầu và thông báo.
- Thông báo cho các bên và phối hợp giải quyết sự sai khác giữa hàng hóa thực tế giao và mô tả hàng hóa trong đơn đặt hàng (số lượng, vật liệu, mô tả, mã hàng (part number)...) với NHÀ CUNG CẤP và với CÔNG TY theo yêu cầu.
- NHÀ THẦU sẽ phát hành, theo dõi, kiểm tra tất cả các tài liệu do tất cả các bên cung cấp về nội dung và tính tuân thủ các quy định và yêu cầu của nước xuất khẩu. NHÀ THẦU sẽ kiểm tra nội dung của tài liệu và việc phân phối tài liệu theo yêu cầu.
- Lựa chọn hình thức đóng gói và vật liệu phù hợp theo đơn đặt hàng đã thỏa thuận với CÔNG TY.
- NHÀ THẦU sẽ liên hệ với Công Ty Bảo Hiểm PVI để phối hợp cung cấp thông tin sau khi đóng gói để hoàn thành Đơn bảo hiểm cho NCSP theo hợp đồng bảo hiểm bao trọn gói đã ký giữa PVI và NCSP.
- NHÀ THẦU sẽ quản lý việc vận chuyển, bốc xếp hàng hóa CÔNG TY từ cơ sở của NHÀ THẦU đến điểm tập kết gửi hàng. Lựa chọn và đề xuất với Công ty hình thức vận chuyển phù hợp để đáp ứng tất cả các yêu cầu vận chuyển trong nước và quốc tế.
- Trong quá trình thực hiện việc giao nhận và vận chuyển, nếu có khó khăn hoặc vấn đề phát sinh, NHÀ THẦU sẽ làm việc với NHÀ CUNG CẤP để giải quyết vấn đề và sau đó thông báo cho CÔNG TY.
- NHÀ THẦU phải cung cấp các Dịch vụ làm việc với Cơ quan Hải quan liên quan đến việc hỗ trợ hoàn thành các quy trình và thủ tục nhập khẩu / xuất khẩu hàng hóa của CÔNG TY từ/đến bao gồm nhưng không giới hạn các địa điểm: thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và địa điểm khác nếu có yêu cầu của CÔNG TY.
- NHÀ THẦU sẽ thay mặt NCSP đóng thuế nhập khẩu, thuế VAT và các phí, lệ phí liên quan đến các thủ tục Hải quan và các dịch vụ bắt buộc cho cơ quan nhà nước để thông quan các lô hàng. NCSP sẽ ứng trước 200.000.000 VNĐ vào tài khoản của NHÀ THẦU để NHÀ THẦU hỗ trợ NCSP thực hiện các công việc này.



2. CƠ SỞ VÀ QUY TRÌNH BỐC DỠ/ TẬP HỢP

- 2.1 NHÀ THẦU sẽ sắp xếp hoặc cung cấp các cơ sở đóng gói, đóng thùng và bốc dỡ ở các khu vực cung cấp chính để chuyên chở bằng công-ten-nơ hoặc thu gom hàng hóa nhằm mục đích tăng cường an toàn và bảo vệ, giảm chi phí và tạo điều kiện thuận lợi cho tần suất vận chuyển được nâng cao. Các cơ sở bốc dỡ/ thu gom này phải có các thiết bị an ninh hiện đại, cầu trục và xe nâng hàng.
- 2.2 Hàng hóa nhận được sẽ được:
- Kiểm tra số lượng, chủng loại và tình trạng tem đóng gói; bảo đảm hàng hóa trong trạng thái còn nguyên đai, nguyên kiện..
 - Kiểm tra bên ngoài xem có bị vỡ, hư hỏng hay thiếu hụt; kiểm tra về đóng gói, ký mã hiệu và ghi nhãn.
 - Kiểm tra để đóng gói lại theo các tiêu chuẩn trong hợp đồng với CÔNG TY.
 - Nhập thông tin chi tiết việc nhận hàng vào Hệ Thống theo dõi vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế của NHÀ THẦU và sau đó hệ thống sẽ gửi dữ liệu cập nhật cho CÔNG TY thường xuyên bằng trang web điện tử và email mỗi ngày.
- 2.3 NHÀ THẦU sẽ thay mặt CÔNG TY thực hiện kiểm tra chi tiết từng hạng mục hàng hóa nhận được từ các NHÀ CUNG CẤP. Sau đây là những yêu cầu tối thiểu để kiểm tra hàng hóa phù hợp với Đơn Đặt Hàng:
- Mô tả hàng hóa
 - Số lượng
 - Số hiệu chi tiết, số serial, số model
 - Số đo
 - Giấy chứng nhận, tài liệu yêu cầu
- 2.4 NHÀ THẦU sẽ chịu trách nhiệm điều phối và lập kế hoạch kiểm tra của bên thứ ba (nếu có) thay mặt cho CÔNG TY theo yêu cầu của CÔNG TY.
- 2.5 Hàng hóa đã tập hợp sẽ được đóng gói thích hợp. Phiếu Đóng Gói sẽ được phát hành phù hợp.
- 2.6 Sau khi hoàn thành mỗi lần tập hợp, Bộ chứng từ vận chuyển sẽ được gửi cho CÔNG TY hoặc theo hướng dẫn của CÔNG TY:
- Bản sao số Đơn Đặt Hàng.
 - Bản sao Phiếu Đóng Gói – nêu chi tiết số lượng, loại thùng/kiện, trọng lượng/khối lượng.
 - Hóa Đơn Vận Chuyển
 - Bản sao Giấy Chứng Nhận Nhận Hàng.
 - Các chứng nhận khác do nhà cung cấp cung cấp.
 - Vận đơn đường hàng không (AWB) hoặc vận đơn đường biển (B/L).
- 2.7 Nếu hàng hóa đã được tập hợp để vận chuyển nhưng ít hơn tải trọng của công-ten-nơ có sẵn và yêu cầu phải chuyển hàng ngay, thì NHÀ THẦU sẽ tiến hành vận chuyển hàng

lẽ LCL. NHÀ THẦU cũng sẽ đưa ra các phương án vận chuyển thay thế để đảm bảo hiệu quả về thời gian và chi phí nếu chỉ một phần của Lô hàng nói trên yêu cầu vận chuyển gấp.

2.8 Lập kế hoạch và đặt vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không:

Chỉ Đại diện có thẩm quyền của NHÀ THẦU hoặc các đại lý ủy quyền của NHÀ THẦU mới được đặt vận chuyển hàng hóa. NHÀ THẦU sẽ sử dụng hãng vận tải lớn nếu có thể.

NHÀ THẦU sẽ giám sát việc vận chuyển bằng đường hàng không sau khi xuất phát và trong quá trình vận chuyển để đảm bảo có thông tin chính xác và dữ liệu điện tử liên quan được nhập và thông báo cho CÔNG TY về tình trạng giao hàng của từng chuyến hàng.

NHÀ THẦU được yêu cầu phải cung cấp cho CÔNG TY các báo giá cạnh tranh của các hãng hàng không để công ty xem xét phê duyệt (trong trường hợp có yêu cầu vận chuyển từ các khu vực đặc biệt và chưa được qui định trong hợp đồng)

2.9 Lập kế hoạch và đặt vận chuyển hàng hóa bằng đường biển

Chỉ Đại diện có thẩm quyền của NHÀ THẦU hoặc các đại lý ủy quyền của NHÀ THẦU mới được đặt vận chuyển hàng hóa. NHÀ THẦU sẽ sử dụng hãng vận tải lớn nếu có thể.

NHÀ THẦU sẽ giám sát việc vận chuyển bằng đường biển sau khi xuất phát và trong quá trình vận chuyển để đảm bảo có thông tin chính xác và dữ liệu điện tử liên quan được nhập và thông báo cho CÔNG TY về tình trạng giao hàng của từng chuyến hàng.

NHÀ THẦU được yêu cầu phải cung cấp cho CÔNG TY các báo giá cạnh tranh của các hãng vận tải đường biển để công ty xem xét phê duyệt (trong trường hợp có yêu cầu vận chuyển từ các khu vực đặc biệt và chưa được qui định trong hợp đồng)

NHÀ THẦU sẽ cho phép công ty tham gia vào các cuộc thảo luận về mức phí với các tàu vận chuyển.

CÔNG TY từng thời điểm có thể yêu cầu NHÀ THẦU đàm phán một phần hoặc toàn bộ hợp đồng thuê tàu thương mại. CÔNG TY có quyền tham gia trực tiếp vào bất kỳ cuộc đàm phán nào như vậy. Tất cả các hợp đồng thuê tàu đều phải có sự chấp thuận trước, bằng văn bản của đội ngũ Hậu cần của CÔNG TY.

NHÀ THẦU sẽ giám sát lô hàng vận chuyển bằng đường biển sau khi xuất phát và trong quá trình vận chuyển để đảm bảo có thông tin chính xác về tình trạng giao hàng của từng chuyến hàng.

3. DỊCH VỤ KHAI BÁO HẢI QUAN NHẬP KHẨU / XUẤT KHẨU

NHÀ THẦU phải cung cấp các dịch vụ nhập khẩu / xuất khẩu, chi tiết như sau:

- 1.1 Kiểm tra thủ tục giấy tờ vận chuyển nhận được từ Người gửi hàng để đảm bảo tất cả các thông tin được cung cấp là chính xác và phù hợp với các quy định hải quan, quy định về vận chuyển quốc tế và yêu cầu của CÔNG TY.



- 1.2 Thực hiện và nộp Tờ khai hải quan với các thủ tục giấy tờ vận chuyển khác đến trụ sở hải quan, để thực hiện thủ tục hải quan và thông quan lô hàng nhập khẩu khi đến ở Việt Nam
- 1.3. Sắp xếp các hạng mục văn hóa sẽ kiểm tra, và giấy phép nhập khẩu / xuất khẩu được cấp bởi Cục Hàng văn hóa nhập khẩu / xuất khẩu.
- 1.4. Sắp xếp có được giấy phép nhập khẩu / xuất khẩu có liên quan đối với hàng hóa đặc biệt như chất phóng xạ / vật liệu nổ do các cơ quan chính phủ cấp.
- 1.5 Nhà thầu thực hiện các dịch vụ kiểm định chất lượng hàng hóa, các tiêu chuẩn an toàn theo quy định nhà nước và Hải quan.

4. TỔ CHỨC, TRÁCH NHIỆM & THÔNG BÁO

4.1 Tổ chức & Quản lý

Với việc mở rộng các địa điểm của nhà cung cấp về mặt địa lý và quốc tế, NHÀ THẦU sẽ thiết lập mạng lưới đại lý thu gom hàng đầy đủ để quản lý để kiểm soát trình tự vận chuyển hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn dịch vụ được yêu cầu., số Các đại lý của NHÀ THẦU sẽ thực hiện kiểm soát và chịu trách nhiệm liên hệ với nhà cung cấp và vận chuyển hàng từ trong phạm vi khu vực tương ứng và báo cáo trực tiếp cho Công ty.

NHÀ THẦU cử đại diện chịu trách nhiệm liên hệ cập nhật ,xử lý thông tin liên tục trong quá trình thực hiện dịch vụ cho Công ty

4.2 Quản lý và Trách nhiệm kiểm soát dịch vụ

Dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế sẽ được quản lý trực tiếp bởi NHÀ THẦU. Một nhóm chuyên biệt sẽ được thành lập với mục đích duy nhất là cung cấp dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế và vận chuyển tổng hợp đầy đủ. Nhóm này sẽ do Người quản lý có trách nhiệm đối với Dịch vụ của NHÀ THẦU đứng đầu. Người quản lý có trách nhiệm đối với Dịch vụ này sẽ chịu trách nhiệm về việc Mua sắm của CÔNG TY và các nhóm Hậu cần về bất kỳ vấn đề hợp đồng nào cũng như các vấn đề hàng ngày nếu cần.

NHÀ THẦU chịu mọi chi phí khi hàng hóa chuyển sai địa chỉ và chịu trách nhiệm về những tổn thất của CÔNG TY (nếu có) do hàng về không đúng tiến độ làm ảnh hưởng đến sản xuất.

4.3 Tổ chức tập hợp ở khu vực

Quy mô của trung tâm dịch vụ khu vực phụ thuộc vào nguồn cung ứng vật liệu và trang thiết bị và trọng tải tương ứng. Các điểm tập hợp của khu vực sẽ được thành lập nhằm kiểm tra và kiểm định hàng hóa bên ngoài với dữ liệu Đơn Đặt Hàng và đề tập hợp hàng hóa nhằm tiết kiệm chi phí vận chuyển nếu có thể.

Các điểm tập hợp sẽ phụ thuộc vào nguồn gốc hàng hóa. Các điểm tập hợp chính được liệt kê cụ thể trong biểu chào giá.

4.4 Hệ thống thông tin:

- NHÀ THẦU trúng thầu sẽ chịu toàn bộ chi phí để thiết lập trang web Hệ Thống Theo Dõi Vận Tải trong việc thực hiện dịch vụ.

NHÀ THẦU phải có Hệ Thống Theo Dõi Vận Tải để cập nhật thường xuyên tình trạng từng Đơn hàng.

Ngoài ra, NHÀ THẦU phải cung cấp cho CÔNG TY các thông tin sau:

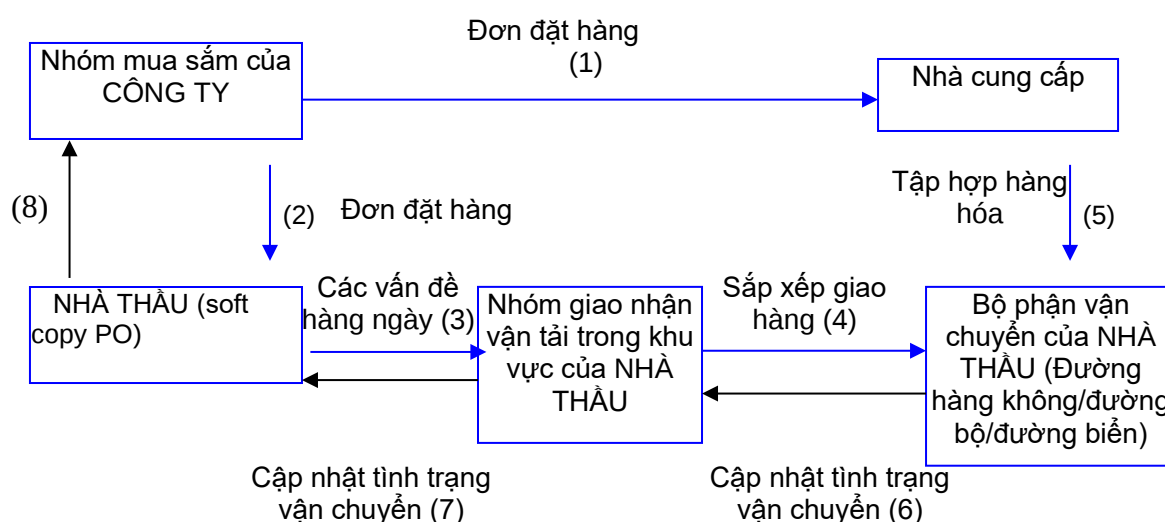
Báo cáo theo dõi vận chuyển:

- Cập nhật và duy trì hàng ngày trong suốt quá trình vận chuyển.

Báo cáo Chi phí vận chuyển:

- Bản cập nhật chi phí hàng tháng .

5. QUY TRÌNH VÀ HỆ THỐNG LÀM VIỆC



(1) Đơn Đặt Hàng đã phê duyệt của nhóm mua sắm được gửi cho nhà cung cấp.

(2) Đơn Đặt Hàng đã phê duyệt của nhóm mua sắm ở hệ thống Maximo sẽ được gửi đến NHÀ THẦU bằng file PDF qua email.

(3) Các Đơn Đặt Hàng được chuyển cho hệ thống của Công ty Vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế (Nhóm vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế khu vực của Nhà thầu).

(4) Nhóm vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế khu vực của NHÀ THẦU sẽ kiểm soát các Đại lý của họ để bố trí giao hàng của nhà cung cấp cho phù hợp

(5) Thực hiện tập hợp hàng hóa bằng cách chuyển cho nhà thầu từ các nhà cung cấp.

(6) + (7) Nhóm vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế khu vực của Nhà thầu /các Đại lý cập nhật tình trạng vận chuyển đầy đủ thông tin về việc xúc tiến tất cả các Đơn Đặt Hàng.

(8) Nhà thầu cập nhật tình trạng hàng hóa cho Công ty.

6.0. HÀNG HÓA NGUY HIỂM

- 6.1. Phải luôn luôn có phiếu an toàn hóa chất (SDS) của nhà sản xuất và bản dịch Tiếng Việt ở tất cả các lần nhận hóa chất vào kho của CÔNG TY.
- 6.2. Xử lý và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm như diesel, LPG, methanol, Nitrogen, Sơn, Hypochloride, chất ức chế ăn mòn, ... bằng đường hàng không và đường biển PHẢI thực hiện theo Quy chế hàng hóa nguy hiểm của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) & Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (ICAO) và Bộ luật Quốc tế về vận chuyển hàng nguy hiểm đường biển (IMDG). Đối với hàng hóa được vận chuyển bằng đường bộ hay đường thủy nội địa, lái xe và phương tiện vận chuyển phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam (Nghị định 42/2020/NĐCP).

7.0- YÊU CẦU TỐI THIỂU VỀ PHƯƠNG TIỆN

Sau đây là yêu cầu tối thiểu để NHÀ THẦU luôn luôn tuân thủ khi vận chuyển và giao hàng cho các cơ sở của CÔNG TY.

PHƯƠNG TIỆN – ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT TỐI THIỂU:

Thiết kế:

- Các phương tiện được giữ nguyên thiết kế của nhà sản xuất, không nâng cấp, chỉnh sửa và hoán cải mục đích sử dụng (trừ khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép).
- Hàng hóa phải được ràng, buộc, che phủ tránh ảnh hưởng của thời tiết và phù hợp các yêu cầu của luật giao thông đường bộ. Các chốt, móc khóa của công-ten-nơ, kiện hàng luôn được sử dụng đúng cách và đảm bảo an toàn cho hàng hóa, người và phương tiện cùng tham gia giao thông.

Bảo trì:

- Phương tiện không bị rò rỉ dầu ở động cơ, hộp số, v.v.
- Phương tiện và các thiết bị được trang bị cho xe, có trong chương trình bảo trì (với khoảng thời gian không quá 6 tháng) có hồ sơ thích hợp được lưu giữ.

Lốp, Phanh:

- Lốp xe lắp lại không được sử dụng trên trục lái.
- Tất cả các phương tiện đều có hệ thống phanh đầy đủ chức năng có bộ phanh và đĩa phanh đáp ứng dung sai hao mòn tối thiểu.

Tầm nhìn:

- Phương tiện được trang bị gương cánh bên trái và bên phải, và gương lùi cho điểm mù.
- Phương tiện được trang bị đèn chiếu sáng gần và xa, đèn báo rẽ, đèn hiệu đuôi / đèn phanh và cần gạt nước kính chắn gió.

Tầm nhìn xa & Bảo vệ người đi đường khác:

- Phương tiện phải có còi / thiết bị cảnh báo hoạt động được.
- Phương tiện được trang bị báo động phía sau, báo hiệu lùi bằng âm thanh và đèn.
- Phương tiện được trang bị tấm chắn bùn và nắp chắn bùn.

- Phương tiện chuyên chở phải có phía thiết bị bảo vệ phía sau và hai bên sườn để bảo vệ chống lại thiệt hại do va chạm và tránh nguy hiểm cho các phương tiện khác cùng tham gia giao thông

An toàn của lái xe & hành khách:

- Phương tiện được trang bị đai an toàn cho mỗi ghế ngồi.
- Tất cả các cửa sổ (cửa lên xuống, kính chắn gió, và phía sau cabin) được trang bị kính an toàn không làm giảm tầm nhìn, không gây sát thương (tức là kính dạng hạt lựu hoặc 2 lớp có dán keo và không có vết nứt, v.v..)
- Tất cả các thiết bị mà nhà sản xuất lắp đặt trên xe nhằm đảm bảo an toàn cho người, xe và hàng hóa phải hoạt động được và trong tình trạng tốt.

Để đảm bảo an toàn phương tiện phải được trang bị 2 biển báo nguy hiểm hình tam giác Bộ dụng cụ sơ cứu Các công cụ cơ bản, kích nâng, lốp dự phòng / và miếng chèn bằng gỗ, dụng cụ thay bánh xe. Bình chữa cháy phù hợp với chủng loại xe và hàng hóa nếu có sự cố xảy ra.

An toàn tải trọng:

- Tổng trọng lượng hàng hoá không được vượt quá khả năng chịu tải an toàn đã đăng ký của xe và không vượt quá chiều dài, chiều ngang thùng xe đã đăng ký.
- Trong trường hợp hàng quá khổ, quá tải thì phải có giấy cho phép của cơ quan quản lý đường bộ cho phép xe lưu thông theo đường được phê duyệt từ kho của NHÀ THẦU đến kho của CÔNG TY, chiều vượt quá phía sau xe phải được đánh dấu rõ ràng bằng lá cờ đỏ hoặc biển báo được chiếu sáng trong quá trình vận chuyển qua đêm.
- Tải trọng phải được trải đều trên toàn chiều rộng của xe (xe romoóc, sàn phẳng, v.v.)

An toàn xếp dỡ:

- Phương tiện để vận chuyển nguyên vật liệu và thiết bị phải phù hợp với mục đích về kích thước, tải trọng, phương thức bốc dỡ của cả hai bên. Nếu có kiện hàng mà không thể tự xử lý bằng các phương pháp an toàn, thì phương tiện đã chọn phải được dùng để dỡ hàng khỏi các sườn xe (bằng xe nâng) hoặc bằng cần cẩu.
- Nếu chọn phương án xếp dỡ bằng xe nâng thì NHÀ THẦU phải sử dụng xe có thể mở thùng hàng từ 2 bên sườn xe.
- Các kiện hàng thiết kế dùng cho xếp dỡ bằng xe nâng NHÀ THẦU không được chèn, đẩy vào trong xe thùng làm mất an toàn hoặc không thể xếp dỡ khi đến nhà máy, kho bãi của CÔNG TY.

8. CÁC YÊU CẦU KHÁC:

- Khi giao hàng tại địa chỉ người nhận hàng của CÔNG TY, phải cung cấp các giấy tờ sau đây cho người nhận để kiểm tra việc nhận hàng và ký tên:
 - Phiếu Giao Hàng: đánh dấu tất cả các chi tiết hàng hoá: Người gửi hàng/nhận hàng, địa chỉ, Số kiện hàng, trọng lượng, kích thước,, v.v.
 - Phiếu Đóng Gói cùng hóa đơn thương mại, AWB, B/L, v.v.
- Bảng dữ liệu an toàn vật liệu (SDS) phải đính kèm với giấy tờ giao hàng đối với hàng hóa nguy hiểm.

Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)**ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾**

Ngày:___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế_____, cam kết thực hiện gói thầu_____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT:_____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là_____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT:_____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu:_____ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾:_____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;



7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) Trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này;

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.



Mẫu số 03 (Webform)

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày:____

Gói thầu: ____

Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: ____

Căn cứ⁽²⁾ ____

Căn cứ⁽²⁾ ____

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ với số E-TBMT: _____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất:____

Mã số thuế: ____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai:____

Mã số thuế: ____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n:____

Mã số thuế: ____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:



Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ *[ghi tên của liên danh]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ *[ghi rõ hình thức xử lý khác]*.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- *Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;*
- *Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;*
- *Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*
- *Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:



STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>)	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu thuộc dự án/ dự toán mua sắm theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]



Ghi chú:

- (1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu
- (2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.



Mẫu số 04A (Scan đính kèm)**BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾***(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)*

Bên thụ hưởng: ____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng ____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____ ⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung



trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận khung nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự;

7. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 **E-BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng Trong trường hợp nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh):___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh:___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh:___*[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là___ *[ghi tên nhà thầu]⁽²⁾* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu___ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số___ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày___ tháng___ năm___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;
2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;
3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;



6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ [*ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh*] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại **E-TBMT**. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



Mẫu số 05 (Scan đính kèm lên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Đối với mỗi hợp đồng tương tự nhà thầu phải kê khai thông tin sau đây

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]		
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
3. Quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.



Mẫu số 06A (Scan đính kèm lên Hệ thống) (không áp dụng)

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của nhà thầu và ghi thông tin về lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong E-HSDT]	[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]
2		
...		



Mẫu số 06B (Scan đính kèm lên Hệ thống) *(không áp dụng)*

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.



Mẫu số 06C (scan đính kèm lên Hệ thống) *(không áp dụng)*

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]			
...	...			

Ghi chú:

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải chuẩn bị tài liệu chứng minh các nội dung đã kê khai để đối chiếu trong quá trình đối chiếu tài liệu.



BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu, bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2024/NĐ-CP.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị ☐ Sở hữu của nhà thầu ☐ Đi thuê ☐ Cho thuê ☐ Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		



HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____
Ngày: _____
Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III			
☐ Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm <u> </u> [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III. ☐ Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm <u> </u> [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.



Mẫu số 08 (Không áp dụng)**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾	(Hệ thống tự động tính)		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

**** LƯU Ý:** Nhà thầu nộp kèm bản chụp báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 3 năm kê khai nêu trên

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.



Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.



PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

- (1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.
- (3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.



Mẫu 09B (Scan đính kèm lên Hệ thống)

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾
1			
2			
...			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.



BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	CUNG CẤP DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN VÀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHO NCSP (02/2026- 02/2029)	Chi tiết tại tài liệu “Phạm vi công việc” thuộc Chương VI, E-HSMT	01	Gói		Dự kiến 02/2026-02/2029	

Ghi chú:

- Cột (8): Nhà thầu điền.



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1		(A) [Kết chuyển từ Mẫu 11A]
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	(V) (bao gồm VAT)



BẢNG GIÁ DỰ THẦU

I. BẢNG GIÁ CHI TIẾT

NHÀ THẦU chào giá vào các ô đánh dấu “X” trong “Bảng giá chi tiết” dưới đây. NHÀ THẦU nghiên cứu kỹ các thông tin liên quan trong Phần Giá cả Hợp đồng và Thanh toán trong Mẫu hợp đồng.

Các mức giá chào trong Bảng giá cho các hạng mục dưới đây là cố định trong thời gian hiệu lực của Hồ sơ dự thầu.

Giá chào bằng đồng Việt Nam.

Bảng giá chi tiết dưới đây sẽ là căn cứ cho việc sửa lỗi và hiệu chỉnh nếu có sự không nhất quán giữa bảng giá chi tiết và bảng giá tổng hợp.

I.1 DỊCH VỤ HÀNG NHẬP VẬN CHUYỂN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG/ĐƯỜNG BIỂN:

A. DỊCH VỤ HÀNG NHẬP ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ VỀ TP HCM



Stt	Dịch vụ		Đơn giá (VNĐ)						Đơn vị tính
			Atlanta (Mỹ)	London (Anh)	Milan (Ý)	Singapore	Sydney (Úc)	Thái Lan	
1	Chi phí tại nước xuất khẩu								
A	Kiểm tra chi tiết hàng hóa dựa trên PO và hàng thực tế		x	x	x	x	x	x	Lô hàng/shipment
B	Đóng gói hàng hóa (thùng gỗ kín)		x	x	x	x	x	x	Cbm/khối
C	Chi phí xử lý, làm hàng (handling)		x	x	x	x	x	x	/kg hoặc /chuyến (tối thiểu)
D	Chi phí dịch vụ làm thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu		x	x	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
E	Giấy phép xuất khẩu (nếu cần) (permit)		x	x	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
H		Phí Vận chuyển từ kho của Nhà thầu tới sân bay nước xuất khẩu (đã bao gồm chi phí vận chuyển từ kho nhà cung cấp đến kho Nhà thầu trong thành phố)							
H1	Phí tối thiểu (< 5 tấn)		x	x	x	x	x	x	/chuyến (trip)
H2	Xe 5 Tấn		x	x	x	x	x	x	/chuyến (trip)
H3	Xe 8 Tấn		x	x	x	x	x	x	/chuyến (trip)
H4	Xe tải container 20'		x	x	x	x	x	x	/chuyến (trip)
2		Cước vận chuyển hàng không từ nước xuất khẩu đến Sân bay Tân Sơn Nhất - HCM							
A	Cước vận chuyển tối thiểu		x	x	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
B	Trọng lượng <45 kgs		x	x	x	x	x	x	/kg
C	Trọng lượng >45 kgs		x	x	x	x	x	x	/kg
D	Trọng lượng >100 kgs		x	x	x	x	x	x	/kg
E	Trọng lượng >500 kgs		x	x	x	x	x	x	/kg
F	Trọng lượng >1000 kgs		x	x	x	x	x	x	/kg
3	Chi phí tại sân bay Tân Sơn Nhất HCM							x	
A	Phí đại lý (Forwarder fee)		x	x	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
B	Phí khai báo hải quan hàng nhập khẩu (Import declaration)		x	x	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
C	Phí chứng từ hàng nhập		x	x	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
D	Phí Làm hàng Handling		x	x	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
4	Vận chuyển từ sân bay Tân Sơn Nhất về Bà Rịa -Long Điền, Tp HCM								Báo giá chi tiết tại mục III
5	Các hạng mục tính theo chi phí thực tế								

A	Phí sân bay tại nước xuất khẩu (Airport fees)							
B	Phí sân bay tại HCMC (Airport fees)							
C	Phí lưu kho tại sân bay (nếu cần)							
D	Các chi phí thực tế hợp lý khác (phụ phí xăng dầu, phụ phí an toàn, hun khói khử trùng,...)							

B. DỊCH VỤ HÀNG XUẤT ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG TỪ LONG ĐIỀN, TP HCM, TP HCM ĐẾN CHICAGO, MỸ, SAU ĐÓ TÁI NHẬP TỪ CHICAGO, MỸ VỀ LONG ĐIỀN, TP HCM:

✓ Trường hợp 1: Hàng hóa là 01 USM nặng 1,012 kgs, gồm 2 kiện:

Kích thước: + 1 kiện: L 87 x W 81 x H 71 cm

+ 1 kiện L 128 x W 121 x H 95 cm

B.I: Xuất từ Long Điền, Tp HCM đi Chicago, Mỹ

Stt	Dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)	Đơn vị tính
1	Vận chuyển từ BR-VT đi HCM		
	Phí vận chuyển tối thiểu	x	/chuyến (Mức tối thiểu - tuyến nội thành)
	Phí đóng gói (thùng gỗ kín)	x	cái (cỡ tiêu chuẩn)
2	Chi phí tại cảng xuất (HCMC)		
	Chi phí làm hàng	x	/chuyến (shipment)
	Phí vận đơn hàng không (Air Waybill)	x	bill
	Chi phí làm thủ tục hải quan tại HCMC	x	/chuyến (shipment)
	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)	x	cái
3	Cước vận tải hàng không		
	Trọng lượng >500 kgs	x	/ kg
	Phụ phí xăng dầu	x	Kg
	Phụ phí an ninh	x	kg
4	Chi phí tại Sân bay Chicago		
	Phí đại lý	x	/chuyến (shipment)
	Phí làm thủ tục hải quan hàng nhập	x	/chuyến (shipment)
	Phí làm hàng	x	/kg hoặc /chuyến (tối thiểu)
5	Chi phí vận chuyển từ sân bay tới Kho của Nhà cung cấp dịch vụ (trong thành phố Chicago)	x	Chuyến
6	Các khoản tính theo chi phí thực tế (at cost)		
	Phí tại sân bay HCMC		
	Phí tại sân bay Chicago, Mỹ	x	
	Chi phí thực tế hợp lý khác (phụ phí xăng dầu, phụ phí an toàn...)	x	

B.II: Tái nhập từ Chicago, Mỹ về Dinh Cố, Long Điền, Tp HCM

Stt	Dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)	Đơn vị tính
1	Chi phí tại nước xuất khẩu		
A	Kiểm tra chi tiết hàng hóa dựa trên PO và hàng thực tế	x	Lô hàng/shipment
B	Đóng gói hàng hóa	x	Cbm/khối
C	Chi phí xử lý, làm hàng (handling)	x	/kg hoặc /chuyến (tối thiểu)
D	Chi phí dịch vụ làm thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu	x	/chuyến (per shipment)
E	Giấy phép xuất khẩu (nếu cần) (permit)		/chuyến (per shipment)
F	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)		
G	Chứng từ khai báo hàng hóa nguy hiểm (nếu cần)		/chuyến (per shipment)
Stt	Dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)	Đơn vị tính
H	Phí Vận chuyển từ kho của Nhà thầu tới sân bay nước xuất khẩu		
H1	Phí tối thiểu (< 5 tấn)	x	/chuyến (trip)
H2	Xe 5 Tấn		/chuyến (trip)
H3	Xe 8 Tấn		/chuyến (trip)
H4	Xe tải container 20'		/chuyến (trip)
H5	Xe tải 20' Flatbed (<18Ton)		/chuyến (trip)
H6	Xe tải 40' Flatbed (<25ton)		/chuyến (trip)
2	Cước vận chuyển hàng không từ nước xuất khẩu đến Sân bay Tân Sơn Nhất - HCM		
A	Cước vận chuyển tối thiểu		/chuyến (per shipment)
B	Trọng lượng <45 kgs		/kg
C	Trọng lượng >45 kgs		/kg
D	Trọng lượng >100 kgs		/kg
E	Trọng lượng >300 kgs		/kg
F	Trọng lượng >500 kgs		/kg
G	Trọng lượng >1000 kgs	x	/kg
H	Cước phí hàng hóa nguy hiểm		/kg
I	Phụ phí xăng dầu	x	/kg
K	Phụ phí an ninh	x	/kg
3	Chi phí tại sân bay Tân Sơn Nhất HCM		
A	Phí đại lý (Forwarder fee)	x	/chuyến (per shipment)
B	Phí khai báo hải quan hàng nhập khẩu (Import declaration)	x	/chuyến (per shipment)
C	Phí chứng từ hàng nhập	x	/chuyến (per shipment)
D	Phí Làm hàng Handling	x	/chuyến (per shipment)
4	Vận chuyển từ sân bay Tân Sơn Nhất về Bà Rịa -Long Điền, Tp HCM		
A	Cước tối thiểu (<3 Tấn)	x	/chuyến (trip)
B	Xe 3 Tấn		/chuyến (trip)

C	Xe 5 Tấn		/chuyến (trip)
D	Xe 8 Tấn		/chuyến (trip)
5	Các hạng mục tính theo chi phí thực tế		
A	Phí sân bay tại nước xuất khẩu (Airport fees)		/kg
B	Phí sân bay tại HCMC (Airport fees)		/kg
C	Phí lưu kho tại sân bay (nếu cần)		/kg
D	Chi phí khác (phí lao vụ, phí phục vụ hàng nhập, v.v...)		/kg

✓ **Trường hợp 2:** Hàng hóa là 01 USM nặng khoảng 500 kgs, gồm 2 kiện:

Kích thước: + 1 kiện L 44 x W 40 x H 35 cm

+ 1 kiện L 64 x W 60 x H 48 cm

B.III: Xuất từ Long Điền, Tp HCM đi Chicago, Mỹ

Stt	Dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)	Đơn vị tính
1	Vận chuyển từ BR-VT đi HCM		
	Phí vận chuyển tối thiểu	x	/chuyến (Mức tối thiểu - tuyến nội thành)
	Phí đóng gói	x	cái (cỡ tiêu chuẩn)
2	Chi phí tại cảng xuất (HCMC)		
	Chi phí làm hàng	x	/chuyến (shipment)
	Phí vận đơn hàng không (Air Waybill)	x	bill
	Chi phí làm thủ tục hải quan tại HCMC	x	/chuyến (shipment)
	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)	x	cái
3	Cước vận tải hàng không		
	Trọng lượng >500 kgs	x	/kg
	Phụ phí xăng dầu	x	/kg
	Phụ phí an ninh	x	/kg
4	Chi phí tại Sân bay Chicago		
	Phí đại lý	x	/chuyến (shipment)
	Phí làm thủ tục hải quan hàng nhập	x	/chuyến (shipment)
	Phí làm hàng	x	/kg hoặc /chuyến (tối thiểu)
5	Chi phí vận chuyển từ sân bay tới Kho của Nhà cung cấp dịch vụ (trong thành phố Chicago)	x	Chuyến
6	Các khoản tính theo chi phí thực tế (at cost)		
	Phí tại sân bay HCMC		
	Phí tại sân bay Chicago, Mỹ	x	/kg
	Chi phí thực tế hợp lý khác (phụ phí xăng dầu, phụ phí an toàn,..)	x	



B.IV: Tái nhập từ Chicago, Mỹ về Dinh Cố, Long Điền, Tp HCM

Stt	Dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)	Đơn vị tính
1	Chi phí tại nước xuất khẩu		
A	Kiểm tra chi tiết hàng hóa dựa trên PO và hàng thực tế	x	/chuyến (per shipment)
B	Đóng gói hàng hóa	x	Cbm/khối
C	Chi phí xử lý, làm hàng (handling)	x	/kg hoặc /chuyến (tối thiểu)
D	Chi phí dịch vụ làm thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu	x	/chuyến (per shipment)
E	Giấy phép xuất khẩu (nếu cần) (permit)		/chuyến (per shipment)
F	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)		
G	Chứng từ khai báo hàng hóa nguy hiểm (nếu cần)		/chuyến (per shipment)
Stt	Dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)	Đơn vị tính
H	Phí Vận chuyển từ kho của Nhà thầu tới sân bay nước xuất khẩu		
H1	Phí tối thiểu (< 5 tấn)	x	/chuyến (trip)
H2	Xe 5 Tấn		/chuyến (trip)
H3	Xe 8 Tấn		/chuyến (trip)
H4	Xe tải container 20'		/chuyến (trip)
H5	Xe tải 20' Flatbed (<18Ton)		/chuyến (trip)
H6	Xe tải 40' Flatbed (<25ton)		/chuyến (trip)
2	Cước vận chuyển hàng không từ nước xuất khẩu đến Sân bay Tân Sơn Nhất - HCM		
A	Cước vận chuyển tối thiểu		/chuyến (per shipment)
B	Trọng lượng <45 kgs		/kg
C	Trọng lượng >45 kgs		/kg
D	Trọng lượng >100 kgs		/kg
E	Trọng lượng >300 kgs		/kg
F	Trọng lượng >500 kgs	x	/kg
G	Trọng lượng >1000 kgs		/kg
H	Cước phí hàng hóa nguy hiểm		/kg
I	Phụ phí xăng dầu	x	/kg
K	Phụ phí an ninh	x	/kg
3	Chi phí tại sân bay Tân Sơn Nhất HCM		
A	Phí đại lý (Forwarder fee)	x	/chuyến (per shipment)
B	Phí khai báo hải quan hàng nhập khẩu (Import declaration)	x	/chuyến (per shipment)
C	Phí chứng từ hàng nhập	x	/chuyến (per shipment)
D	Phí Làm hàng Handling	x	/chuyến (per shipment)
4	Vận chuyển từ sân bay Tân Sơn Nhất về Bà Rịa -Long Điền, Tp HCM		
A	Cước tối thiểu (<3 Tấn)	x	/chuyến (trip)
B	Xe 3 Tấn		/chuyến (trip)

C	Xe 5 Tấn		/chuyến (trip)
D	Xe 8 Tấn		/chuyến (trip)
5	Các hạng mục tính theo chi phí thực tế		
A	Phí sân bay tại nước xuất khẩu (Airport fees)		/kg
B	Phí sân bay tại HCMC (Airport fees)		/kg
C	Phí lưu kho tại sân bay (nếu cần)		/kg
D	Chi phí khác (phí lao vụ, phí phục vụ hàng nhập, v.v...)		/kg

C. CƯỚC VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM (CHAI KHÍ) TỪ THÀNH PHỐ LONDON, ANH VÀ VẬN CHUYỂN VỀ TP HCM BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG, SAU ĐÓ CHUYỂN VỀ KHO CÔNG TY Ở DINH CỐ, LONG ĐIỀN, TP HCM (TRỌNG LƯỢNG 200 KGS)

Stt	Dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)	Đơn vị tính
1	Chi phí tại nước xuất khẩu		
A	Kiểm tra chi tiết hàng hóa dựa trên PO và hàng thực tế	x	Lô hàng/shipment
B	Đóng gói hàng hóa		Cbm/khối
C	Chi phí xử lý, làm hàng (handling)	x	/kg hoặc /chuyến (tối thiểu)
D	Chi phí dịch vụ làm thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu bao gồm các hạng mục sau:	x	/chuyến (per shipment)
E	Giấy phép xuất khẩu (nếu cần) (permit)		/chuyến (per shipment)
F	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)		
G	Chứng từ khai báo hàng hóa nguy hiểm (nếu cần)		/chuyến (per shipment)
H	Phí Vận chuyển từ kho của Nhà thầu tới sân bay nước xuất khẩu		
H1	Phí tối thiểu (< 5 tấn)	x	/chuyến (trip)
H2	Xe 5 Tấn		/chuyến (trip)
H3	Xe 8 Tấn		/chuyến (trip)
H4	Xe tải container 20'		/chuyến (trip)
H5	Xe tải 20' Flatbed (<18Ton)		/chuyến (trip)
H6	Xe tải 40' Flatbed (<25ton)		/chuyến (trip)
2	Cước vận chuyển hàng không từ nước xuất khẩu đến Sân bay Tân Sơn Nhất - HCM		
A	Cước vận chuyển tối thiểu		/chuyến (per shipment)
B	Trọng lượng <45 kgs		/kg
C	Trọng lượng >45 kgs		/kg
D	Trọng lượng >100 kgs	x	/kg
E	Trọng lượng >300 kgs		/kg
F	Trọng lượng >500 kgs		/kg
G	Trọng lượng >1000 kgs		/kg

H	Cước phí hàng hóa nguy hiểm		/kg
I	Phụ phí xăng dầu	x	/kg
K	Phụ phí an ninh	x	/kg
3	Chi phí tại sân bay Tân Sơn Nhất HCM		
A	Phí đại lý (Forwarder fee)	x	/chuyến (per shipment)
B	Phí khai báo hải quan hàng nhập khẩu (Import declaration)	x	/chuyến (per shipment)
C	Phí chứng từ hàng nhập	x	/chuyến (per shipment)
D	Phí Làm hàng Handling	x	/chuyến (per shipment)
4	Vận chuyển từ sân bay Tân Sơn Nhất về Bà Rịa -Long Điền, Tp HCM		
A	Cước tối thiểu (<3 Tấn)	x	/chuyến (trip)
B	Xe 3 Tấn		/chuyến (trip)
C	Xe 5 Tấn		/chuyến (trip)
D	Xe 8 Tấn		/chuyến (trip)
Stt	Dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)	Đơn vị tính
5	Các hạng mục tính theo chi phí thực tế		
A	Phí sân bay tại nước xuất khẩu (Airport fees)		/kg
B	Phí sân bay tại HCMC (Airport fees)		/kg
C	Phí lưu kho tại sân bay (nếu cần)		/kg
D	Chi phí khác (phí lao vụ, phí phục vụ hàng nhập, v.v...)		/kg



D. DỊCH VỤ HÀNG NHẬP ĐƯỜNG BIỂN VỀ CẢNG CÁT LÁI, TP HCM / CẢNG CÁI MÉP, TP HCM

Stt	Dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)				Đơn vị tính
		London (Anh)	Singapore	Milan (Ý)	Atlanta (Mỹ)	
1	Chi phí tại nước xuất khẩu					
A	Kiểm tra hàng hóa dựa trên PO và hàng thực tế nhận	x	x	x	x	Lô hàng
B	Đóng gói hàng hóa (thùng gỗ kín)	x	x	x	x	Cbm/khối
C	Chi phí làm hàng (handling)	x	x	x	x	cbm hoặc /chuyến (tối thiểu)
D	Chi phí dịch vụ làm thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
F	Giấy phép xuất khẩu (nếu cần) (permit)	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
H	Vận chuyển nội địa từ kho Nhà Thầu đến cảng biển nước xuất khẩu (bao gồm chi phí vận chuyển từ kho nhà cung cấp đến kho Nhà thầu trong thành phố)					
H1	Phí tối thiểu (<5 tấn)	x	x	x	x	/chuyến (trip)
H2	Xe 5-Tấn	x	x	x	x	/chuyến (trip)
H3	Xe 8-Tấn	x	x	x	x	/chuyến (trip)
H5	20' Container	x	x	x	x	/chuyến (trip)
H6	40' Container	x	x	x	x	/chuyến (trip)
I	Chi phí tại cảng xuất					
I1	20' Container	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
I2	40' Container	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
I3	LCL Charge (phí đóng hàng vô công)	x	x	x	x	/ cbm
I4	THC (terminal handling charge)	x	x	x	x	/ cbm
I5	PSA Wharfage (Phí cầu cảng)	x	x	x	x	/ cbm
2	Cước Vận chuyển đường biển về Cảng HCM					
A	Hàng lẻ (LCL)	x	x	x	x	/ cbm
B	Cước tối thiểu hàng lẻ (LCL)	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
C	20' Container	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
D	40' Container	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
3	Chi phí tại cảng HCM / Long Điền, Tp HCM (chào cùng một mức giá)					

Stt	Dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)				Đơn vị tính
		London (Anh)	Singapore	Milan (Ý)	Atlanta (Mỹ)	
A	Phí đại lý (Forwarder fee)	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
B	Phí khai báo thủ tục hải quan hàng nhập	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
C	Phí chứng từ hàng nhập	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
D	Phí làm hàng	x	x	x	x	/chuyến (per shipment)
4	Vận chuyển từ cảng biển HMC về Bà Rịa -Long Điền, Tp HCM					Chào giá mục 1.2
5	Chi phí khác tính theo chi phí thực tế (at cost):					
A	Phí cảng đường biển tại nước xuất khẩu					cbm
B	Phí cảng đường biển tại HCM					Cbm
C	Phí lưu kho tại cảng tại HCM (nếu cần)					/khối (cbm)
D	Chi phí thực tế hợp lý khác (phụ phí xăng dầu, phụ phí an toàn, hun khói khử trùng,...)	x	x	x	x	

E. DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN VÀ VẬN CHUYỂN CHO HÀNG CHỐNG ẰN MÒN:



Nhà thầu lấy hàng tại cảng HCM cho mặt hàng chất chống ăn mòn nhập từ cảng London Gateway, Anh hoặc Singapore về cảng HCM với 1x20'DC/ LCL bằng đường biển và giao về kho Baker Hughes tại cảng PTSC, Long Điền, Tp HCM để tiến hành dỡ hàng, đưa hàng vào kho, sau đó vận chuyển IBC rỗng về kho Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn tại Dinh Cố

Stt	Dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)	Đơn vị tính
1	Chi phí tại cảng HCM		
	Phí đại lý (Forwarder fee)	x	/chuyến (per shipment)
	Phí khai báo thủ tục hải quan hàng nhập (Custom fee)	x	/chuyến (per shipment)
	Phí làm hàng (Handling fee)	x	/chuyến (per shipment)
2	Vận chuyển từ cảng HCM về Baker Hughes tại cảng PTSC, Long Điền, Tp HCM và đưa hàng vào kho, vận chuyển IBC rỗng về kho Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn tại Dinh Cố		
	Xe 8 Tấn	x	/chuyến (trip)
	Xe container 20'	x	/chuyến (trip)
	Phí Nâng hạ tại Baker Hughes	x	/chuyến (trip)
	Phí dỡ hàng và đưa hàng vào kho tại Baker Hughes	x	/chuyến (trip)
3	Chi phí khác tính theo chi phí thực tế (at cost):		
	Phí phục vụ hàng nhập tại HCM		cbm
	Phí cảng đường biển tại HCM		Cbm
	Phí lưu kho tại cảng tại HCM		/khối (cbm)
	Các chi phí khác		



I.2 DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA

DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN ĐƯỜNG BỘ TỪ TP HCM

Nơi đến	Trong nội thành (Tp HCM)	Phú Mỹ	Dinh Cố	Long Hải	Cảng PTSC
Trọng lượng					
Tối thiểu (Minimum)	x	x	x	x	x
Xe 3 tấn	x	x	x	x	x
Xe 5 tấn	x	x	x	x	x
Xe 8 tấn	x	x	x	x	x
20Ft container	x	x	x	x	x
40Ft container	x	x	x	x	x

DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN ĐƯỜNG BỘ TỪ PTSC SUPPLY BASE

Trọng lượng	Nơi đến
	Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn tại Dinh Cố
Xe 2.5 tấn (mở hông) Vận chuyển hàng Sphere với trọng lượng 600kgs	x



BẢNG CHÀO GIÁ CHI TIẾT

II. BẢNG GIÁ TỔNG HỢP

NHÀ THẦU chào giá vào các ô đánh dấu “X” trong “Bảng giá tổng hợp” dưới đây. NHÀ THẦU nghiên cứu kỹ các thông tin liên quan trong phần Phần Giá cả Hợp đồng và Thanh toán, Phần F- Mẫu hợp đồng.

Các mức giá chào trong Bảng chào giá cho các hạng mục dưới đây là cố định trong thời gian hiệu lực của Hồ sơ dự thầu và thời gian thực hiện hợp đồng.

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Bảng chào giá dưới đây nhằm mục đích để Bên mời thầu xác định giá dự thầu của các Nhà thầu để làm cơ sở so sánh giá khi tiến hành đánh giá thương mại HSĐT. Các số liệu về số lượng đơn hàng, chuyến hàng, trọng lượng hàng hóa dưới đây là số liệu ước tính, không có giá trị cam kết khi thực hiện hợp đồng. (Bên mời thầu sẽ cung cấp cho Nhà thầu file excel của Mẫu số 11A nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho việc chuẩn bị HSĐT. Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của Bảng chào giá).

GHI CHÚ:

- Nhà thầu chào giá vào các cột/ dòng/ hạng mục ở bảng trên;
 - Nhà thầu tuân thủ các công thức tính toán đã hướng dẫn để tính toán số liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đưa ra
- Chi phí dịch vụ trong 3 năm A trong Bảng dưới chưa bao gồm thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu”
- Giá trị thuế VAT sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế VAT. Thuế suất VAT áp theo thuế suất tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. (Trong quá trình thực hiện hợp đồng, thuế suất VAT sẽ được điều chỉnh theo qui định thuế hiện hành tại thời điểm xuất hoá đơn.).
- Giá trị thanh toán căn cứ theo khối lượng thực tế sử dụng dịch vụ.

Tình huống 01	Nhà thầu sẽ nhận 300 kg hàng hóa thông thường từ 1 nhà cung cấp tại thành phố Atlanta, Mỹ, sau đó đem về lưu tại kho của Nhà thầu. Hàng hóa sẽ được vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng không. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.
Tình huống 02	Nhà thầu nhận 150 kg hàng hóa thông thường từ 1 nhà cung cấp tại thành phố London -Anh và vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng không. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.
Tình huống 03	Nhà thầu sẽ nhận 40 kg hàng hóa thông thường từ 1 nhà cung cấp tại thành phố Milan Ý. Vì là hàng dễ vỡ nên sẽ được đóng gói lại bằng thùng gỗ kín (Trọng lượng bao gồm thùng gỗ sau đóng gói khoảng 43 kgs). Hàng hóa sẽ được vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng không. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.
Tình huống 04	Nhà thầu sẽ nhận 30 kg hàng hóa thông thường từ 1 nhà cung cấp tại Singapore, sau đó sẽ được vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng không. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.
Tình huống 05	Nhà thầu nhận 200 kg hàng hóa nguy hiểm (chai khí mẫu) từ 1 nhà cung cấp 1 đơn hàng tại thành phố London và vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng không. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.
Tình huống 06	Nhà thầu sẽ nhận 70 kg hàng hóa thông thường từ 1 nhà cung cấp tại thành phố Sydney, Úc sau đó đem về lưu tại kho của Nhà thầu. Hàng hóa sẽ được vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng không. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.
Tình huống 07	Nhà thầu sẽ đến kho của CÔNG TY lấy 01 thiết bị đo lưu lượng khí (USM) nặng khoảng 1,012 kg kể cả bao bì để xuất gửi qua Chicago - Mỹ bằng đường hàng không để cân chỉnh tại Trung tâm cân chỉnh. Sau khi thiết bị được cân chỉnh xong sẽ được tái nhập bằng đường hàng không về sân bay tp HCM và vận chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh. Năm 2027 và năm 2028 mỗi năm sẽ có khoảng 01 chuyến, bao gồm 01 chuyến tạm xuất và 01 chuyến tái nhập (USM 1,012 kg) như vậy. Thiết bị được yêu cầu đóng thùng gỗ và hun khói khử trùng trước khi xuất sang Mỹ.



<u>Tình huống 08</u>	Nhà thầu sẽ đến kho của 1 Nhà cung cấp trong thành phố Singapore nhận 150 kg hàng hóa thông thường, đóng thùng gỗ để vận chuyển về Tp.HCM bằng đường hàng biển, dạng hàng lẻ (LCL). Hàng hóa sẽ được đóng gói lại bằng thùng gỗ. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.
<u>Tình huống 09</u>	Nhà thầu sẽ đến kho của 1 Nhà cung cấp trong thành phố Milan, Ý nhận 130 kg hàng hóa thông thường, đóng hàng lẻ (LCL) và hàng được đóng bằng kiện gỗ để vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng biển. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.
<u>Tình huống 10</u>	Nhà thầu sẽ đến kho của 1 Nhà cung cấp trong thành phố London Gateway, Anh nhận 550 kg hàng hóa thông thường, đóng hàng lẻ (LCL) và hàng được đóng bằng kiện gỗ để vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng biển. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.
<u>Tình huống 11</u>	Nhà thầu sẽ nhận 30 kg hàng hóa thông thường từ 1 nhà cung cấp tại Thailand , sau đó sẽ được vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng không. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.



Bảng số lượng cho các tính hướng

Hàng Nhập (vận chuyển hàng không)	Trọng lượng (kg)	Tính hướng	Đóng gói	Số chuyến/3năm
Vận chuyển hàng từ Atlanta, Mỹ	300	Tính hướng 1		9
Vận chuyển hàng từ London - Anh	150	Tính hướng 2		24
Vận chuyển hàng từ Milan - Ý	40	Tính hướng 3	thùng gỗ	1
Vận chuyển hàng từ Singapore	30	Tính hướng 4		9
Vận chuyển hàng từ London - Anh - Hàng nguy hiểm 01 chai khí	200	Tính hướng 5	đặc biệt	3
Vận chuyển hàng từ Sydney, Úc	70	Tính hướng 6		1
Vận chuyển hàng từ Thailand	30	Tính hướng 11		2

Hàng tạm xuất tái nhập	Trọng lượng (kg)	Tính hướng	Đóng gói	Số chuyến/3năm
Tạm xuất đồng hồ đo khí USM bằng đường hàng không (B.I)	1012	Tính hướng 7.1		2
Tái nhập đồng hồ đo khí USM bằng đường hàng không (B.II)	1012	Tính hướng 7.2		2

Hàng Nhập (vận chuyển đường biển)	Trọng lượng (kg)	Tính hướng	Đóng gói	Số chuyến/3năm
Vận chuyển hàng từ Singapore	150	Tính hướng 8	LCL	4
Vận chuyển từ Millan - Italy	130	Tính hướng 9	LCL	2
Vận chuyển từ London Gateway - Anh	550	Tính hướng 10	LCL	4

Tổng giá chào thầu

Tính hướng	Tính hướng 1	Tính hướng 2	Tính hướng 3	Tính hướng 4	Tính hướng 5	Tính hướng 6	Tính hướng 7 (7.1)	Tính hướng 7 (7.2)	Tính hướng 8	Tính hướng 9	Tính hướng 10	Tính hướng 11
Đơn giá một chuyến (*)	a1	a2	a3	a4	a5	a6	a7.1	a7.2	a8	a9	a10	a11
Số lượng/3 năm (**)	9	24	1	9	3	1	2	2	4	2	4	2
Chi phí trong 3 năm= (*) X (**)	A1	A2	A3	A4	A5	A6	A7.1	A7.2	A8	A9	A10	A11
Tổng chi phí ước tính 3 năm chưa bao gồm VAT (VNĐ) (A) (Bảng tổng chi phí cho 11 tính hướng ước tính trong vòng 3 năm)	A											
Thuế giá trị gia tăng (VAT 8%) (b)	b											
TỔNG GIÁ CHÀO THẦU (V) (đã bao gồm VAT) (Tổng chi phí 3 năm đã bao gồm VAT) (Kết chuyển sang đơn chào hàng)	V											



Tình huống 1

Nhà thầu sẽ nhận 300 kg hàng hóa thông thường từ 1 nhà cung cấp tại thành phố **Atlanta, Mỹ**, sau đó đem về đóng gói và lưu tại kho của Nhà thầu. Hàng hóa sẽ được **vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng không**. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.

Đơn vị tính: VND

Stt	Dịch vụ	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)*(4)	(6)
1	Chi phí tại nước xuất khẩu				
A	Kiểm tra chi tiết hàng hóa dựa trên PO và hàng thực tế		1		Lô hàng/shipment
B	Đóng gói hàng hóa		1		Cbm/khối
C	Chi phí xử lý, làm hàng (handling)		1		/kg hoặc /chuyến (tối thiểu)
D	Chi phí dịch vụ làm thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu bao gồm các hạng mục sau:		1		/chuyến (per shipment)
E	Giấy phép xuất khẩu (nếu cần) (permit)				/chuyến (per shipment)
F	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)				
G	Chứng từ khai báo hàng hóa nguy hiểm (nếu cần)				/chuyến (per shipment)
H	Phí Vận chuyển từ kho của Nhà thầu tới sân bay nước xuất khẩu				
H1	Phí tối thiểu (< 5 tấn)		1		/chuyến (trip)
H2	Xe 5 Tấn				/chuyến (trip)
H3	Xe 8 Tấn				/chuyến (trip)
H4	Xe tải container 20'				/chuyến (trip)
H5	Xe tải 20' Flatbed (<18Ton)				/chuyến (trip)
H6	Xe tải 40' Flatbed (<25ton)				/chuyến (trip)
2	Cước vận chuyển hàng không từ nước xuất khẩu đến Sân bay Tân Sơn Nhất - HCM				
A	Cước vận chuyển tối thiểu				/chuyến (per shipment)
B	Trọng lượng <45 kgs				/kg
C	Trọng lượng >45 kgs				/kg
D	Trọng lượng >100 kgs				/kg
E	Trọng lượng >300 kgs		300		/kg
F	Trọng lượng >500 kgs				/kg
G	Trọng lượng >1000 kgs				/kg
H	Cước phí hàng hóa nguy hiểm				/kg
I	Phụ phí xăng dầu		300		/kg
K	Phụ phí an ninh		300		/kg
3	Chi phí tại sân bay Tân Sơn Nhất HCM				
A	Phí đại lý (Forwarder fee)		1		/chuyến (per shipment)
B	Phí khai báo hải quan hàng nhập khẩu (Import declaration)		1		/chuyến (per shipment)
C	Phí chứng từ hàng nhập		1		/chuyến (per shipment)
D	Phí Làm hàng Handling		1		/chuyến (per shipment)
4	Vận chuyển từ sân bay Tân Sơn Nhất về SỐ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh				
A	Cước tối thiểu (<3 Tấn)		1		/chuyến (trip)
B	Xe 3 Tấn				/chuyến (trip)
C	Xe 5 Tấn				/chuyến (trip)
D	Xe 8 Tấn				/chuyến (trip)
5	Các hạng mục tính theo chi phí thực tế				
A	Phí sân bay tại nước xuất khẩu (Airport fees)				/kg
B	Phí sân bay tại HCMC (Airport fees)				/kg
C	Phí lưu kho tại sân bay (nếu cần)				/kg
D	Chi phí khác (phí lao vụ, phí phục vụ hàng nhập, v.v...)				/kg
	Tổng			a1	



Tinh hướng 2

Nhà thầu nhận 150 kg hàng hóa thông thường từ 1 nhà cung cấp 1 đơn hàng tại thành phố **London** . **Yêu cầu đóng gói và vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng không**. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.

Đơn vị tính: VND

Stt	Dịch vụ	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)*(4)	(6)
1	Chi phí tại nước xuất khẩu				
A	Kiểm tra chi tiết hàng hóa dựa trên PO và hàng thực tế		1		Lô hàng/shipment
B	Đóng gói hàng hóa		1		Cbm/khối
C	Chi phí xử lý, làm hàng (handling)		1		/kg hoặc /chuyến (tối thiểu)
D	Chi phí dịch vụ làm thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu bao gồm các hạng mục sau:		1		/chuyến (per shipment)
E	Giấy phép xuất khẩu (nếu cần) (permit)				/chuyến (per shipment)
F	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)				
G	Chứng từ khai báo hàng hóa nguy hiểm (nếu cần)				/chuyến (per shipment)
H	Phí Vận chuyển từ kho của Nhà thầu tới sân bay nước xuất khẩu				
H1	Phí tối thiểu (< 5 tấn)		1		/chuyến (trip)
H2	Xe 5 Tấn				/chuyến (trip)
H3	Xe 8 Tấn				/chuyến (trip)
H4	Xe tải container 20'				/chuyến (trip)
H5	Xe tải 20' Flatbed (<18Ton)				/chuyến (trip)
H6	Xe tải 40' Flatbed (<25ton)				/chuyến (trip)
2	Cước vận chuyển hàng không từ nước xuất khẩu đến Sân bay Tân Sơn Nhất - HCM				
A	Cước vận chuyển tối thiểu				/chuyến (per shipment)
B	Trọng lượng <45 kgs				/kg
C	Trọng lượng >45 kgs				/kg
D	Trọng lượng >100 kgs		150		/kg
E	Trọng lượng >300 kgs				/kg
F	Trọng lượng >500 kgs				/kg
G	Trọng lượng >1000 kgs				/kg
H	Cước phí hàng hóa nguy hiểm				/kg
I	Phụ phí xăng dầu		150		/kg
K	Phụ phí an ninh		150		/kg
3	Chi phí tại sân bay Tân Sơn Nhất HCM				
A	Phí đại lý (Forwarder fee)		1		/chuyến (per shipment)
B	Phí khai báo hải quan hàng nhập khẩu (Import declaration)		1		/chuyến (per shipment)
C	Phí chứng từ hàng nhập		1		/chuyến (per shipment)
D	Phí Làm hàng Handling		1		/chuyến (per shipment)
4	Vận chuyển từ sân bay Tân Sơn Nhất về SỐ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh				
A	Cước tối thiểu (<3 Tấn)		1		/chuyến (trip)
B	Xe 3 Tấn				/chuyến (trip)
C	Xe 5 Tấn				/chuyến (trip)
D	Xe 8 Tấn				/chuyến (trip)
5	Các hạng mục tính theo chi phí thực tế				
A	Phí sân bay tại nước xuất khẩu (Airport fees)				/kg
B	Phí sân bay tại HCMC (Airport fees)				/kg
C	Phí lưu kho tại sân bay (nếu cần)				/kg
D	Chi phí khác (phí lao vụ, phí phục vụ hàng nhập, v.v...)				/kg
	Tổng			a2	



Tình huống 3

Nhà thầu sẽ nhận 40 kg hàng hóa thông thường từ 1 nhà cung cấp 1 đơn hàng tại **thành phố Milan Ý** sau đó đem về lưu tại kho của Nhà thầu. **Vi là hàng dễ vỡ nên sẽ được đóng gói lại bằng thùng gỗ kín (Trọng lượng bao gồm thùng gỗ sau đóng gói khoảng 43 kgs)**. Hàng hóa sẽ được vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng không. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.

Đơn vị tính: VND

Stt	Dịch vụ	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)*(4)	(6)
1	Chi phí tại nước xuất khẩu				
A	Kiểm tra chi tiết hàng hóa dựa trên PO và hàng thực tế		1		Lô hàng/shipment
B	Đóng gói hàng hóa		1		/Cbm/khối
C	Chi phí xử lý, làm hàng (handling)		1		/kg hoặc /chuyến (tối thiểu)
D	Chi phí dịch vụ làm thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu bao gồm các hạng mục sau:		1		/chuyến (per shipment)
E	Giấy phép xuất khẩu (nếu cần) (permit)				/chuyến (per shipment)
F	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)				cái
G	Chứng từ khai báo hàng hóa nguy hiểm (nếu cần)				/chuyến (per shipment)
H	Phí Vận chuyển từ kho của Nhà thầu tới sân bay nước xuất khẩu				
H1	Phí tối thiểu (< 5 tấn)		1		/chuyến (trip)
H2	Xe 5 Tấn				/chuyến (trip)
H3	Xe 8 Tấn				/chuyến (trip)
H4	Xe tải container 20'				/chuyến (trip)
H5	Xe tải 20' Flatbed (<18Ton)				/chuyến (trip)
H6	Xe tải 40' Flatbed (<25ton)				/chuyến (trip)
2	Cước vận chuyển hàng không từ nước xuất khẩu đến Sân bay Tân Sơn Nhất - HCM				
A	Cước vận chuyển tối thiểu				/chuyến (per shipment)
B	Trọng lượng <45 kgs		43		/kg
C	Trọng lượng >45 kgs				/kg
D	Trọng lượng >100 kgs				/kg
E	Trọng lượng >300 kgs				/kg
F	Trọng lượng >500 kgs				/kg
G	Trọng lượng >1000 kgs				/kg
H	Cước phí hàng hóa nguy hiểm				/kg
I	Phụ phí xăng dầu		43		/kg
K	Phụ phí an ninh		43		/kg
3	Chi phí tại sân bay Tân Sơn Nhất HCM				
A	Phí đại lý (Forwarder fee)		1		/chuyến (per shipment)
B	Phí khai báo hải quan hàng nhập khẩu (Import declaration)		1		/chuyến (per shipment)
C	Phí chứng từ hàng nhập		1		/chuyến (per shipment)
D	Phí Làm hàng Handling		1		/chuyến (per shipment)
4	Vận chuyển từ sân bay Tân Sơn Nhất về SỐ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh				
A	Cước tối thiểu (<3 Tấn)		1		/chuyến (trip)
B	Xe 3 Tấn				/chuyến (trip)
C	Xe 5 Tấn				/chuyến (trip)
D	Xe 8 Tấn				/chuyến (trip)
5	Các hạng mục tính theo chi phí thực tế				
A	Phí sân bay tại nước xuất khẩu (Airport fees)				/kg
B	Phí sân bay tại HCMC (Airport fees)				/kg
C	Phí lưu kho tại sân bay (nếu cần)				/kg
D	Chi phí khác (phí lao vụ, phí phục vụ hàng nhập, v.v...)				/kg
	Tổng			a3	



Tinh huống 4

Nhà thầu sẽ nhận 30 kg hàng hóa thông thường từ 1 nhà cung cấp 1 đơn hàng tại Singapore, sau đó đóng gói và sẽ được vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng không. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.

Đơn vị tính: VND

Stt	Dịch vụ	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)*(4)	(6)
1	Chi phí tại nước xuất khẩu				
A	Kiểm tra chi tiết hàng hóa dựa trên PO và hàng thực tế		1		Lô hàng/shipment
B	Đóng gói hàng hóa		1		Cbm/khối
C	Chi phí xử lý, làm hàng (handling)		1		/kg hoặc /chuyến (tối thiểu)
D	Chi phí dịch vụ làm thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu bao gồm các hạng mục sau:		1		/chuyến (per shipment)
E	Giấy phép xuất khẩu (nếu cần) (permit)				/chuyến (per shipment)
F	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)				
G	Chứng từ khai báo hàng hóa nguy hiểm (nếu cần)				/chuyến (per shipment)
H	Phí Vận chuyển từ kho của Nhà thầu tới sân bay nước xuất khẩu				
H1	Phí tối thiểu (< 5 tấn)		1		/chuyến (trip)
H2	Xe 5 Tấn				/chuyến (trip)
H3	Xe 8 Tấn				/chuyến (trip)
H4	Xe tải container 20'				/chuyến (trip)
H5	Xe tải 20' Flatbed (<18Ton)				/chuyến (trip)
H6	Xe tải 40' Flatbed (<25ton)				/chuyến (trip)
2	Cước vận chuyển hàng không từ nước xuất khẩu đến Sân bay Tân Sơn Nhất - HCM				
A	Cước vận chuyển tối thiểu		1		/chuyến (per shipment)
B	Trọng lượng <45 kgs		30		/kg
C	Trọng lượng >45 kgs				/kg
D	Trọng lượng >100 kgs				/kg
E	Trọng lượng >300 kgs				/kg
F	Trọng lượng >500 kgs				/kg
G	Trọng lượng >1000 kgs				/kg
H	Cước phí hàng hóa nguy hiểm				/kg
I	Phụ phí xăng dầu		30		/kg
K	Phụ phí an ninh		30		/kg
3	Chi phí tại sân bay Tân Sơn Nhất HCM				
A	Phí đại lý (Forwarder fee)		1		/chuyến (per shipment)
B	Phí khai báo hải quan hàng nhập khẩu (Import declaration)		1		/chuyến (per shipment)
C	Phí chứng từ hàng nhập		1		/chuyến (per shipment)
D	Phí Làm hàng Handling		1		/chuyến (per shipment)
4	Vận chuyển từ sân bay Tân Sơn Nhất về SỐ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh				
A	Cước tối thiểu (<3 Tấn)		1		/chuyến (trip)
B	Xe 3 Tấn				/chuyến (trip)
C	Xe 5 Tấn				/chuyến (trip)
D	Xe 8 Tấn				/chuyến (trip)
5	Các hạng mục tính theo chi phí thực tế				
A	Phí sân bay tại nước xuất khẩu (Airport fees)				/kg
B	Phí sân bay tại HCMC (Airport fees)				/kg
C	Phí lưu kho tại sân bay (nếu cần)				/kg
D	Chi phí khác (phí lao vụ, phí phục vụ hàng nhập, v.v...)				/kg
	Tổng			a4	



Tình huống 5

Nhà thầu nhận 200 kg hàng hóa nguy hiểm (chai khí) từ 1 nhà cung cấp 1 đơn hàng tại thành phố London, yêu cầu đóng gói hàng nguy hiểm và vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng không. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại SỐ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.

Đơn vị tính: VND

Stt	Dịch vụ	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)*(4)	(6)
1	Chi phí tại nước xuất khẩu				
A	Kiểm tra chi tiết hàng hóa dựa trên PO và hàng thực tế		1		Lô hàng/shipment
B	Đóng gói hàng hóa		1		Cbm/khối
C	Chi phí xử lý, làm hàng (handling)		1		/kg hoặc /chuyến (tối thiểu)
D	Chi phí dịch vụ làm thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu bao gồm các hạng mục sau:		1		/chuyến (per shipment)
E	Giấy phép xuất khẩu (nếu cần) (permit)				/chuyến (per shipment)
F	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)				
G	Chứng từ khai báo hàng hóa nguy hiểm (nếu cần)				/chuyến (per shipment)
H	Phí Vận chuyển từ kho của Nhà thầu tới sân bay nước xuất khẩu				
H1	Phí tối thiểu (< 5 tấn)		1		/chuyến (trip)
H2	Xe 5 Tấn				/chuyến (trip)
H3	Xe 8 Tấn				/chuyến (trip)
H4	Xe tải container 20'				/chuyến (trip)
H5	Xe tải 20' Flatbed (<18Ton)				/chuyến (trip)
H6	Xe tải 40' Flatbed (<25ton)				/chuyến (trip)
2	Cước vận chuyển hàng không từ nước xuất khẩu đến Sân bay Tân Sơn Nhất - HCM				
A	Cước vận chuyển tối thiểu				/chuyến (per shipment)
B	Trọng lượng <45 kgs				/kg
C	Trọng lượng >45 kgs				/kg
D	Trọng lượng >100 kgs		200		/kg
E	Trọng lượng >300 kgs				/kg
F	Trọng lượng >500 kgs				/kg
G	Trọng lượng >1000 kgs				/kg
H	Cước phí hàng hóa nguy hiểm				/kg
I	Phụ phí xăng dầu		200		/kg
K	Phụ phí an ninh		200		/kg
3	Chi phí tại sân bay Tân Sơn Nhất HCM				
A	Phí đại lý (Forwarder fee)		1		/chuyến (per shipment)
B	Phí khai báo hải quan hàng nhập khẩu (Import declaration)		1		/chuyến (per shipment)
C	Phí chứng từ hàng nhập		1		/chuyến (per shipment)
D	Phí Làm hàng Handling		1		/chuyến (per shipment)
4	Vận chuyển từ sân bay Tân Sơn Nhất về SỐ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh				
A	Cước tối thiểu (<3 Tấn)		1		/chuyến (trip)
B	Xe 3 Tấn				/chuyến (trip)
C	Xe 5 Tấn				/chuyến (trip)
D	Xe 8 Tấn				/chuyến (trip)
5	Các hạng mục tính theo chi phí thực tế				
A	Phí sân bay tại nước xuất khẩu (Airport fees)				/kg
B	Phí sân bay tại HCMC (Airport fees)				/kg
C	Phí lưu kho tại sân bay (nếu cần)				/kg
D	Chi phí khác (phí lao vụ, phí phục vụ hàng nhập, v.v...)				/kg
	Tổng			a5	



Tình huống 6

Nhà thầu sẽ nhận 70 kg hàng hóa thông thường từ 1 nhà cung cấp 1 đơn hàng tại thành phố Sydney, Úc sau đó đem về đóng gói và lưu tại kho của Nhà thầu. Hàng hóa sẽ được vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng không. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.

Đơn vị tính: VND

Stt	Dịch vụ	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)*(4)	(6)
1	Chi phí tại nước xuất khẩu				
A	Kiểm tra chi tiết hàng hóa dựa trên PO và hàng thực tế		1		Lô hàng/shipment
B	Đóng gói hàng hóa		1		/Cbm/khối
C	Chi phí xử lý, làm hàng (handling)		1		/kg hoặc /chuyển (tối thiểu)
D	Chi phí dịch vụ làm thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu bao gồm các hạng mục sau:		1		/chuyển (per shipment)
E	Giấy phép xuất khẩu (nếu cần) (permit)				/chuyển (per shipment)
F	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)				cái
G	Chứng từ khai báo hàng hóa nguy hiểm (nếu cần)				/chuyển (per shipment)
H	Phí Vận chuyển từ kho của Nhà thầu tới sân bay nước xuất khẩu				
H1	Phí tối thiểu (< 5 tấn)		1		/chuyển (trip)
H2	Xe 5 Tấn				/chuyển (trip)
H3	Xe 8 Tấn				/chuyển (trip)
H4	Xe tải container 20'				/chuyển (trip)
H5	Xe tải 20' Flatbed (<18Ton)				/chuyển (trip)
H6	Xe tải 40' Flatbed (<25ton)				/chuyển (trip)
2	Cước vận chuyển hàng không từ nước xuất khẩu đến Sân bay Tân Sơn Nhất - HCM				
A	Cước vận chuyển tối thiểu				/chuyển (per shipment)
B	Trọng lượng <45 kgs				/kg
C	Trọng lượng >45 kgs		70		/kg
D	Trọng lượng >100 kgs				/kg
E	Trọng lượng >300 kgs				/kg
F	Trọng lượng >500 kgs				/kg
G	Trọng lượng >1000 kgs				/kg
H	Cước phí hàng hóa nguy hiểm				/kg
I	Phụ phí xăng dầu		70		/kg
K	Phụ phí an ninh		70		/kg
3	Chi phí tại sân bay Tân Sơn Nhất HCM				
A	Phí đại lý (Forwarder fee)		1		/chuyển (per shipment)
B	Phí khai báo hải quan hàng nhập khẩu (Import declaration)		1		/chuyển (per shipment)
C	Phí chứng từ hàng nhập		1		/chuyển (per shipment)
D	Phí Làm hàng Handling		1		/chuyển (per shipment)
4	Vận chuyển từ sân bay Tân Sơn Nhất về SỐ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh				
A	Cước tối thiểu (<3 Tấn)		1		/chuyển (trip)
B	Xe 3 Tấn				/chuyển (trip)
C	Xe 5 Tấn				/chuyển (trip)
D	Xe 8 Tấn				/chuyển (trip)
5	Các hạng mục tính theo chi phí thực tế				
A	Phí sân bay tại nước xuất khẩu (Airport fees)				/kg
B	Phí sân bay tại HCMC (Airport fees)				/kg
C	Phí lưu kho tại sân bay (nếu cần)				/kg
D	Chi phí khác (phí lao vụ, phí phục vụ hàng nhập, v.v...)				/kg
	Tổng			a6	



Tình huống 07

Nhà thầu sẽ đến kho của CÔNG TY lấy 01 thiết bị đo khí nặng khoảng 1,012 kg kể cả bao bì để xuất gửi qua Chicago - Mỹ bằng đường hàng không để cân chỉnh tại Trung tâm cân chỉnh. Sau khi thiết bị được cân chỉnh xong sẽ được tái nhập bằng đường hàng không về sân bay tp HCM và vận chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh. Mỗi đợt sẽ bao gồm 01 chuyến tạm xuất và 01 chuyến tái nhập (USM 1,012 kg) . Thiết bị được yêu cầu đóng thùng gỗ và hun khói khử trùng trước khi xuất sang Mỹ

Hàng hóa là 01 USM nặng 1,012 kgs, gồm 2 kiện:

Kích thước: + 1 kiện: L 87 x W 81 x H 71 cm

+ 1 kiện L 128 x W 121 x H 95 cm

7.1 Xuất từ SỐ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh đi Chicago, Mỹ

Stt	Dịch vụ	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)*(4)	(6)
1	Vận chuyển từ BR-VT đi HCM				
	Phí vận chuyển tối thiểu		1		chuyến (Mức tối thiểu - tuyến nội thành)
	Phí đóng gói		1		cái (cỡ tiêu chuẩn)
2	Chi phí tại cảng xuất (HCMC)				
	Chi phí làm hàng		1		/chuyến (shipment)
	Phí vận đơn hàng không (Air Waybill)		1		bill
	Chi phí làm thủ tục hải quan tại HCMC		1		/chuyến (shipment)
	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)		1		cái
3	Cước vận tải hàng không				
	Cước vận chuyển tối thiểu				/chuyến
	Trọng lượng <45 kgs				/kg
	Trọng lượng >45 kgs				/kg
	Trọng lượng >100 kgs				/kg
	Trọng lượng >300 kgs				/kg
	Trọng lượng >500 kgs				/kg
	Trọng lượng >1000 kgs		1,012		/kg
	Phụ phí xăng dầu		1,012		/kg
	Phụ phí an ninh		1,012		/kg
4	Chi phí tại Sân bay Chicago				
	Phí đại lý		1		/chuyến (shipment)
	Phí làm thủ tục hải quan hàng nhập				/chuyến (shipment)
	Phí làm hàng		1		/kg hoặc /chuyến (tối thiểu)
5	Chi phí vận chuyển từ sân bay tới Kho của Nhà cung cấp dịch vụ (trong thành phố Chicago)		1		Chuyến
6	Các khoản tính theo chi phí thực tế (at cost)				
	Phí tại sân bay HCMC				
	Phí tại sân bay Chicago, Mỹ		1,012		/kg
	Cộng phần 7.1			a7.1	

7.2 - Từ Ex Chicago USA đến Dinh Cỏ, SỐ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh

Stt	Dịch vụ	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)*(4)	(6)
1	Chi phí tại nước xuất khẩu				
A	Kiểm tra chi tiết hàng hóa dựa trên PO và hàng thực tế		1		Lô hàng/shipment
B	Đóng gói hàng hóa		1		Cbm/khối
C	Chi phí xử lý, làm hàng (handling)		1		/kg hoặc /chuyến (tối thiểu)



D	Chi phí dịch vụ làm thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu		1		/chuyến (per shipment)
E	Giấy phép xuất khẩu (nếu cần) (permit)				/chuyến (per shipment)
F	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)				
G	Chứng từ khai báo hàng hóa nguy hiểm (nếu cần)				/chuyến (per shipment)
H	Phí Vận chuyển từ kho của Nhà thầu tới sân bay nước xuất khẩu				
H1	Phí tối thiểu (< 5 tấn)		1		/chuyến (trip)
H2	Xe 5 Tấn				/chuyến (trip)
H3	Xe 8 Tấn				/chuyến (trip)
H4	Xe tải container 20'				/chuyến (trip)
H5	Xe tải 20' Flatbed (<18Ton)				/chuyến (trip)
H6	Xe tải 40' Flatbed (<25ton)				/chuyến (trip)
2	Cước vận chuyển hàng không từ nước xuất khẩu đến Sân bay Tân Sơn Nhất - HCM				
A	Cước vận chuyển tối thiểu				/chuyến (per shipment)
B	Trọng lượng <45 kgs				/kg
C	Trọng lượng >45 kgs				/kg
D	Trọng lượng >100 kgs				/kg
E	Trọng lượng >300 kgs				/kg
F	Trọng lượng >500 kgs				/kg
G	Trọng lượng >1000 kgs		1,012		/kg
H	Cước phí hàng hóa nguy hiểm				/kg
I	Phụ phí xăng dầu		1,012		/kg
K	Phụ phí an ninh		1,012		/kg
3	Chi phí tại sân bay Tân Sơn Nhất HCM				
A	Phí đại lý (Forwarder fee)		1		/chuyến (per shipment)
B	Phí khai báo hải quan hàng nhập khẩu (Import declaration)		1		/chuyến (per shipment)
C	Phí chứng từ hàng nhập		1		/chuyến (per shipment)
D	Phí Làm hàng Handling		1		/chuyến (per shipment)
4	Vận chuyển từ sân bay Tân Sơn Nhất về SỐ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh				
A	Cước tối thiểu (<3 Tấn)		1		/chuyến (trip)
B	Xe 3 Tấn				/chuyến (trip)
C	Xe 5 Tấn				/chuyến (trip)
D	Xe 8 Tấn				/chuyến (trip)
5	Các hạng mục tính theo chi phí thực tế				
A	Phí sân bay tại nước xuất khẩu (Airport fees)				/kg
B	Phí sân bay tại HCMC (Airport fees)				/kg
C	Phí lưu kho tại sân bay (nếu cần)				/kg
D	Chi phí khác (phí lao vụ, phí phục vụ hàng nhập, v.v...)				/kg
	Cộng phần 7.2			a7.2	



Tình huống 8

Nhà thầu sẽ đến kho của 1 Nhà cung cấp trong thành phố Singapore nhận 1500 kg hàng hóa thông thường, đóng thùng gỗ để vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng biển, dạng hàng lẻ (LCL). Hàng hóa sẽ được đóng gói lại bằng thùng gỗ. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.

Đơn vị tính : VND

Stt	Dịch vụ	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)*(4)	(6)
1	Chi phí tại nước xuất khẩu				
A	Kiểm tra hàng hóa dựa trên PO và hàng thực tế nhận		1		Lô hàng
B	Đóng gói		1		Cbm/khối
C	Chi phí làm hàng (handling)		1		cbm hoặc /chuyển (tối thiểu)
D	Chi phí dịch vụ làm thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu		1		/chuyển (per shipment)
E	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)				cái
F	Giấy phép xuất khẩu (nếu cần) (permit)		1		/chuyển (per shipment)
G	Chứng từ khai báo hàng hóa nguy hiểm (nếu cần)				/chuyển (per shipment)
H	Vận chuyển nội địa từ kho Nhà Thầu đến cảng biển nước xuất khẩu				
H1	Minimum		1		/chuyển (trip)
H2	3-Ton truck				/chuyển (trip)
H3	8-Ton truck				/chuyển (trip)
H5	20' Container				/chuyển (trip)
H6	40' Container				/chuyển (trip)
H7	Phụ phí hàng nguy hiểm				/chuyển (trip)
I	Chi phí tại cảng xuất				
I1	20' Container				/chuyển (per shipment)
I2	40' Container				/chuyển (per shipment)
I3	LCL Charge (phí đóng hàng vô công)		1		/ cbm
I4	THC (terminal handling charge)		1		/ cbm
I5	PSA Wharfage (Phí cầu cảng - Singapore)		1		/ cbm
2	Cước Vận chuyển đường biển về Cảng HCM				
A	Hàng lẻ (LCL)		1		/ cbm
B	Cước tối thiểu hàng lẻ (LCL)				/chuyển (per shipment)
C	20' Container				/chuyển (per shipment)
D	40' Container				/chuyển (per shipment)
3	Chi phí tại cảng HCM / Vũng Tàu (chào cùng một mức giá)				
A	Phí đại lý (Forwarder fee)		1		/chuyển (per shipment)
B	Phí khai báo thủ tục hải quan hàng nhập		1		/chuyển (per shipment)
C	Phí chứng từ hàng nhập		1		/chuyển (per shipment)
D	Phí làm hàng		1		/chuyển (per shipment)
4	Vận chuyển từ cảng biển HMC về SỐ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh				
A	Cước tối thiểu		1		/chuyển (trip)
B	Xe 3 Tấn				/chuyển (trip)
C	Xe 5 Tấn				/chuyển (trip)
D	Xe 8 Tấn				/chuyển (trip)
E	Xe container 20'				/chuyển (trip)
F	Xe container 40'				/chuyển (trip)
G	Xe tải 20' Flatbed				/chuyển (trip)
5	Chi phí khác tính theo chi phí thực tế (at cost):				
A	Phí cảng đường biển tại nước xuất khẩu				cbm
B	Phí cảng đường biển tại HCM				Cbm
C	Phí lưu kho tại cảng tại HCM				/khối (cbm)
D	Các chi phí khác		1		
	Tổng			a8	



Tình huống 09

Nhà thầu sẽ đến kho của 1 Nhà cung cấp trong thành phố Milan, Italy nhận 130 kg hàng hóa thông thường, đóng hàng lẻ (LCL) và hàng được đóng bằng kiện gỗ để vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng biển. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.

Đơn vị tính : VND

Stt	Dịch vụ	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)*(4)	(6)
1	Chi phí tại nước xuất khẩu				
A	Kiểm tra hàng hóa dựa trên PO và hàng thực tế nhận		1		Lô hàng
B	Đóng gói		1		Cbm/khối
C	Chi phí làm hàng (handling)		1		cbm hoặc /chuyến (tối thiểu)
D	Chi phí dịch vụ làm thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu		1		/chuyến (per shipment)
E	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)				cái
F	Giấy phép xuất khẩu (nếu cần) (permit)				/chuyến (per shipment)
G	Chứng từ khai báo hàng hóa nguy hiểm (nếu cần)				/chuyến (per shipment)
H	Vận chuyển nội địa từ kho Nhà Thầu (Thành phố London) đến cảng biển nước xuất khẩu				
H1	Minimum		1		/chuyến (trip)
H2	3-Ton truck				/chuyến (trip)
H3	8-Ton truck				/chuyến (trip)
H5	20' Container				/chuyến (trip)
H6	40' Container				/chuyến (trip)
H7	Phụ phí hàng nguy hiểm				/chuyến (trip)
I	Vận chuyển nội địa từ kho Nhà Thầu (thành phố Bradford) đến cảng biển nước xuất khẩu				
I1	Minimum				/chuyến (trip)
I2	3-Ton truck				/chuyến (trip)
I3	8-Ton truck				/chuyến (trip)
I4	20' Container				/chuyến (trip)
I5	40' Container				/chuyến (trip)
I6	Phụ phí hàng nguy hiểm				/chuyến (trip)
K	Chi phí tại cảng xuất				
K1	20' Container				/chuyến (per shipment)
K2	40' Container				/chuyến (per shipment)
K3	LCL Charge (phí đóng hàng vô công)		1		/ cbm
K4	THC (terminal handling charge)		1		/ container
K5	PSA Wharfage (Phí cầu cảng- chỉ áp dụng ở Singapore)		1		/ cbm
2	Cước Vận chuyển đường biển về Cảng HCM				
A	Hàng lẻ (LCL)		1		/ cbm
B	Cước tối thiểu hàng lẻ (LCL)				/chuyến (per shipment)
C	20' Container				/chuyến (per shipment)
D	40' Container				/chuyến (per shipment)
3	Chi phí tại cảng HCM / Vũng Tàu (chào cùng một mức giá)				
A	Phí đại lý (Forwarder fee)		1		/chuyến (per shipment)
B	Phí khai báo thủ tục hải quan hàng nhập		1		/chuyến (per shipment)
C	Phí chứng từ hàng nhập		1		/chuyến (per shipment)
D	Phí làm hàng		1		/chuyến (per shipment)
4	Vận chuyển từ cảng biển HMC về SỐ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh				
A	Cước tối thiểu		1		/chuyến (trip)
B	Xe 3 Tấn				/chuyến (trip)
C	Xe 5 Tấn				/chuyến (trip)
D	Xe 8 Tấn				/chuyến (trip)
E	Xe container 20'				/chuyến (trip)
F	Xe container 40'				
G	Xe tải 20' Flatbed				/chuyến (trip)
5	Chi phí khác tính theo chi phí thực tế (at cost):				
A	Phí cảng đường biển tại nước xuất khẩu				container
B	Phí cảng đường biển tại HCM				container
C	Phí lưu kho tại cảng tại HCM				/khối (cbm)
D	Các chi phí khác		1		/khối (cbm)
	Tổng			a9	



Tình huống 10

Nhà thầu sẽ đến kho của 1 Nhà cung cấp trong **thành phố London Gateway, Anh** nhận **550 kg hàng hóa thông thường, đóng hàng lẻ (LCL)** và hàng được đóng bằng kiện gỗ để vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng biển. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại Tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.

Đơn vị tính : VND

Stt	Dịch vụ	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)*(4)	(6)
1	Chi phí tại nước xuất khẩu				
A	Kiểm tra hàng hóa dựa trên PO và hàng thực tế nhận		1		Lô hàng
B	Đóng gói		1		Cbm/khối
C	Chi phí làm hàng (handling)		1		cbm hoặc /chuyến (tối thiểu)
D	Chi phí dịch vụ làm thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu		1		/chuyến (per shipment)
E	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)				cái
F	Giấy phép xuất khẩu (nếu cần) (permit)				/chuyến (per shipment)
G	Chứng từ khai báo hàng hóa nguy hiểm (nếu cần)				/chuyến (per shipment)
H	Vận chuyển nội địa từ kho Nhà Thầu (Thành phố London) đến cảng biển nước xuất khẩu				
H1	Minimum		1		/chuyến (trip)
H2	3-Ton truck				/chuyến (trip)
H3	8-Ton truck				/chuyến (trip)
H5	20' Container				/chuyến (trip)
H6	40' Container				/chuyến (trip)
H7	Phụ phí hàng nguy hiểm				/chuyến (trip)
I	Vận chuyển nội địa từ kho Nhà Thầu (thành phố Bradford) đến cảng biển nước xuất khẩu				
I1	Minimum				/chuyến (trip)
I2	3-Ton truck				/chuyến (trip)
I3	8-Ton truck				/chuyến (trip)
I4	20' Container				/chuyến (trip)
I5	40' Container				/chuyến (trip)
I6	Phụ phí hàng nguy hiểm				/chuyến (trip)
K	Chi phí tại cảng xuất				
K1	20' Container				/chuyến (per shipment)
K2	40' Container				/chuyến (per shipment)
K3	LCL Charge (phí đóng hàng vô công)		1		/ cbm
K4	THC (terminal handling charge)		1		/ container
K5	PSA Wharfage (Phí cầu cảng- chỉ áp dụng ở Singapore)		1		/ cbm
2	Cước Vận chuyển đường biển về Cảng HCM				
A	Hàng lẻ (LCL)		1		/ cbm
B	Cước tối thiểu hàng lẻ (LCL)				/chuyến (per shipment)
C	20' Container				/chuyến (per shipment)
D	40' Container				/chuyến (per shipment)
3	Chi phí tại cảng HCM / Vũng Tàu (chào cùng một mức giá)				
A	Phí đại lý (Forwarder fee)		1		/chuyến (per shipment)
B	Phí khai báo thủ tục hải quan hàng nhập		1		/chuyến (per shipment)
C	Phí chứng từ hàng nhập		1		/chuyến (per shipment)
D	Phí làm hàng		1		/chuyến (per shipment)
4	Vận chuyển từ cảng biển HMC về Bà Rịa -Vũng Tàu				
A	Cước tối thiểu		1		/chuyến (trip)
B	Xe 3 Tấn				/chuyến (trip)
C	Xe 5 Tấn				/chuyến (trip)
D	Xe 8 Tấn				/chuyến (trip)
E	Xe container 20'				/chuyến (trip)
F	Xe container 40'				
G	Xe tải 20' Flatbed				/chuyến (trip)
5	Chi phí khác tính theo chi phí thực tế (at cost):				
A	Phí cảng đường biển tại nước xuất khẩu				container
B	Phí cảng đường biển tại HCM				container
C	Phí lưu kho tại cảng tại HCM				/khối (cbm)
D	Các chi phí khác		1		/khối (cbm)
	Tổng			a10	



Tình huống 11

Nhà thầu sẽ nhận 30 kg hàng hóa thông thường từ 1 nhà cung cấp 1 đơn hàng tại Thailand, sau đó đóng gói và sẽ được vận chuyển về Tp HCM bằng đường hàng không. Hàng hóa sau khi thông quan sẽ chuyển về kho của CÔNG TY tại tỉnh lộ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh.

Đơn vị tính: VND

Stt	Dịch vụ	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)*(4)	(6)
1	Chi phí tại nước xuất khẩu				
A	Kiểm tra chi tiết hàng hóa dựa trên PO và hàng thực tế		1		Lô hàng/shipment
B	Đóng gói hàng hóa		1		Cbm/khối
C	Chi phí xử lý, làm hàng (handling)		1		/kg hoặc /chuyến (tối thiểu)
D	Chi phí dịch vụ làm thủ tục hải quan tại nước xuất khẩu bao gồm các hạng mục sau:		1		/chuyến (per shipment)
E	Giấy phép xuất khẩu (nếu cần) (permit)				/chuyến (per shipment)
F	Chứng nhận hun khói khử trùng (Certificate of Fumigation)				
G	Chứng từ khai báo hàng hóa nguy hiểm (nếu cần)				/chuyến (per shipment)
H	Phí Vận chuyển từ kho của Nhà thầu tới sân bay nước xuất khẩu				
H1	Phí tối thiểu (< 5 tấn)		1		/chuyến (trip)
H2	Xe 5 Tấn				/chuyến (trip)
H3	Xe 8 Tấn				/chuyến (trip)
H4	Xe tải container 20'				/chuyến (trip)
H5	Xe tải 20' Flatbed (<18Ton)				/chuyến (trip)
H6	Xe tải 40' Flatbed (<25ton)				/chuyến (trip)
2	Cước vận chuyển hàng không từ nước xuất khẩu đến Sân bay Tân Sơn Nhất - HCM				
A	Cước vận chuyển tối thiểu				/chuyến (per shipment)
B	Trọng lượng <45 kgs		30		/kg
C	Trọng lượng >45 kgs				/kg
D	Trọng lượng >100 kgs				/kg
E	Trọng lượng >300 kgs				/kg
F	Trọng lượng >500 kgs				/kg
G	Trọng lượng >1000 kgs				/kg
H	Cước phí hàng hóa nguy hiểm				/kg
I	Phụ phí xăng dầu		30		/kg
K	Phụ phí an ninh		30		/kg
3	Chi phí tại sân bay Tân Sơn Nhất HCM				
A	Phí đại lý (Forwarder fee)		1		/chuyến (per shipment)
B	Phí khai báo hải quan hàng nhập khẩu (Import declaration)		1		/chuyến (per shipment)
C	Phí chứng từ hàng nhập		1		/chuyến (per shipment)
D	Phí Làm hàng Handling		1		/chuyến (per shipment)
4	Vận chuyển từ sân bay Tân Sơn Nhất về SỐ 44 Xã Long Điền - TP Hồ Chí Minh				
A	Cước tối thiểu (<3 Tấn)		1		/chuyến (trip)
B	Xe 3 Tấn				/chuyến (trip)
C	Xe 5 Tấn				/chuyến (trip)
D	Xe 8 Tấn				/chuyến (trip)
5	Các hạng mục tính theo chi phí thực tế				
A	Phí sân bay tại nước xuất khẩu (Airport fees)				/kg
B	Phí sân bay tại HCMC (Airport fees)				/kg
C	Phí lưu kho tại sân bay (nếu cần)				/kg
D	Chi phí khác (phí lao vụ, phí phục vụ hàng nhập, v.v...)				/kg
	Tổng			a11	



Mẫu 12 (scan đính kèm lên hệ thống)

BẢN CAM KẾT

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT _____ [Ghi tên gói thầu theo E-TBMT], văn bản sửa đổi số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm E-HSMT do _____ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu], bằng văn bản này, chúng tôi cam kết:

1. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp dịch vụ, vật tư/ hàng hóa theo đúng quy định của E-HSMT;
2. Hiểu rõ yêu cầu của Phạm vi công việc và đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung như yêu cầu trong Phạm vi công việc;
3. Mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo đúng yêu cầu của hợp đồng;
4. Tuyệt đối tuân thủ các yêu cầu về An ninh - An toàn - Sức khỏe - Môi trường của NCSP theo tài liệu:
 - HSE-3000-MP-0044 “Yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh đối với nhà thầu của NCSP”
5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Nhà thầu cung cấp vật tư, nhân lực và trang thiết bị để thực hiện công việc: ***CUNG CẤP DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN VÀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHO NCSP (02/2026- 02/2029)*** như nêu chi tiết tại tài liệu “PHẠM VI CÔNG VIỆC” đính kèm.



Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

(xem Biểu mẫu hợp đồng tại Chương VIII)

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

(xem Biểu mẫu hợp đồng tại Chương VIII)

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

(xem Biểu mẫu hợp đồng đính kèm)





TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY
ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN
NAMCONSON PIPELINE CO.

Địa chỉ: Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, Tp HCM, Việt Nam.
Tel: +84 (254) 3864100 Fax: +84 (254) 3864099

Công ty

Đại diện: - Giám đốc

Mai Thanh Huyền
Chuyên viên mua sắm và hợp đồng

Our Ref.

HỢP ĐỒNG SỐ:

Ngày:

THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG

Trang 1/3

**CUNG CẤP DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN VÀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHO
NCSP (GIAI ĐOẠN 02/2026- 02/2029)**

HỢP ĐỒNG này được ký kết giữa các bên sau đây:

**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG
KHÍ NAM CÔN SƠN (NAMCONSON PIPELINE CO.)**, được thành lập theo Luật pháp Việt Nam,
Đăng ký kinh doanh số 3500410112-001 và có trụ sở chính đặt tại Tỉnh lộ 44, Dinh Cố, xã An Ngãi,
huyện Long Điền, tỉnh BR-VT, Việt Nam,

dưới đây gọi tắt là **CÔNG TY** (hoặc **NCSP**);

và

CÔNG TY, được thành lập theo Luật pháp Việt Nam, đăng ký kinh doanh số và có trụ sở chính
đặt tại Việt Nam.

dưới đây gọi tắt là **NHÀ THẦU**.

XÉT THẤY RẰNG:

- 1) **CÔNG TY** đồng ý thuê và **NHÀ THẦU** đồng ý cung cấp Dịch vụ vận tải và giao nhận hàng hóa quốc tế (gọi tắt là **CÔNG VIỆC**) cho **CÔNG TY**;
- 2) **CÔNG TY** muốn rằng toàn bộ **DỊCH VỤ** sẽ được thực hiện như qui định trong **HỢP ĐỒNG**; và
- 3) **NHÀ THẦU** sẽ thực hiện **DỊCH VỤ** đúng theo những điều khoản của **HỢP ĐỒNG** này.

VÌ VẬY:

- 1) trong **HỢP ĐỒNG** này, toàn bộ những chữ và từ ngữ viết hoa đều có nghĩa giống nhau như được đặt cho trong **THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG** này hoặc ở các phần khác trong **HỢP ĐỒNG**.

2) thành phần hợp đồng bao gồm các tài liệu hình thành nên HỢP ĐỒNG, có thứ tự ưu tiên pháp lý như sau

a. Văn bản Hợp đồng này, bao gồm các Phần sau đây:

1. Phần 1 Thỏa thuận Hợp đồng
2. Phần 2 Những Điều kiện chung của Hợp đồng
Phụ lục 1 – Các Điều kiện đặc biệt của Hợp đồng
Phụ lục 2 - Quy tắc đạo đức nghề nghiệp của NCSP đối với đối tác kinh doanh
Phụ lục 3 – Thỏa thuận giữ bí mật cá nhân
3. Phần 3 Phạm vi Công việc
4. Phần 4 Giá cả Hợp đồng và Hình thức thanh toán
Phụ lục 1 – Thủ tục viết hóa đơn
Phụ lục 2 – Bảng giá; và
Phụ lục 3 – Mẫu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng
5. Phần 5 Các yêu cầu về An toàn, Sức khỏe và Môi trường
6. Phần 6 Quản lý việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu
Phụ lục 1 - Bảng chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dịch vụ (KPI)

Các Phần này sẽ được hiểu là trọn bộ tài liệu Hợp đồng. Trường hợp có mâu thuẫn về nghĩa của những nội dung của tài liệu Hợp đồng hoặc có sự trái ngược giữa các Phần thì những nội dung sẽ được ưu tiên theo thứ tự đã nêu trên, ngoại trừ Các điều kiện đặc biệt của Hợp đồng như qui định trong Phụ lục 1 của Phần 2 – Những điều kiện chung của Hợp đồng và sẽ được ưu tiên xem xét đối với phần Những điều kiện chung của Hợp đồng.

- b. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
 - c. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
 - d. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu được lựa chọn;
 - e. Hồ sơ mời thầu, và các tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu;
 - f. Các tài liệu kèm theo khác.
- 3) Theo các điều khoản qui định của HỢP ĐỒNG, NHÀ THẦU sẽ hoàn tất CÔNG VIỆC và CÔNG TY sẽ thanh toán GIÁ HỢP ĐỒNG.
- 4) Bất chấp ngày tháng được ghi ở trên, HỢP ĐỒNG có thời hạn hiệu lực kể từ ngày mở Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho đến khi hai bên hoàn thành mọi trách nhiệm và nghĩa vụ theo hợp đồng của mình, trừ khi được gia hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn theo các điều khoản khác của HỢP ĐỒNG này.
- 5) Thời gian thực hiện dịch vụ: từ 02/2026- 02/2029.
- 6) Theo Mục 3.1 của Phần 2, ĐẠI DIỆN của CÔNG TY là:

Ông Nguyễn Đình Định

Chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh

NAMCONSON PIPELINE CO.

Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Tp Hồ Chí Minh

ĐT.: 0254 3864100 Fax: 0254 3864099

Liên hệ về hợp đồng: Mai Thanh Huyền, chức vụ: Chuyên viên Mua sắm
ĐT: 028 37840111, số máy lẻ: 2131

Liên hệ về kỹ thuật: Nguyễn Tấn Huân, chức vụ: Chuyên viên Logistics
ĐT: 0254 3864100, số máy lẻ: 2125

7) Theo Mục 3.2 của Phần 2, ĐẠI DIỆN của NHÀ THẦU là:

Ông/ Bà:
Chức vụ: Tổng Giám đốc

CÔNG TY

Địa chỉ:
Tel:
Fax :

Liên hệ về hợp đồng và kỹ thuật:

- 8) CÔNG TY vì mục đích của chính mình và thay mặt cho các BÊN LIÊN DOANH của mình ký kết HỢP ĐỒNG này.

Bất kể những điều khoản nói trên:

- a) NHÀ THẦU chấp thuận chú trọng đến CÔNG TY nhằm thực hiện tốt HỢP ĐỒNG này và không có điều khoản nào trong HỢP ĐỒNG sẽ ràng buộc trách nhiệm pháp lý, hoặc cho phép NHÀ THẦU tiến hành các khiếu kiện đối với bất kỳ BÊN LIÊN DOANH nào ngoài CÔNG TY ra;
- b) CÔNG TY có quyền thực thi HỢP ĐỒNG cho chính mình cũng như thay mặt cho tất cả các BÊN LIÊN DOANH của mình. Vì vậy CÔNG TY có thể tiến hành các khiếu kiện dưới danh nghĩa của mình nhằm làm thực thi các nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của NHÀ THẦU và có thể tiến hành bất kỳ khiếu kiện nào của bất kỳ BÊN LIÊN DOANH nào của mình đối với NHÀ THẦU.

HỢP ĐỒNG này được làm thành hai (02) bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 01 bản. Đại diện có thẩm quyền của các bên đã ký kết HỢP ĐỒNG vào ngày tháng được ghi dưới đây:

T/M CÔNG TY

(NHÀ THẦU)

T/M NAMCONSON PIPELINE CO.

(CÔNG TY)

Họ tên: _____

Chức vụ: _____

Ngày: _____

Họ tên: _____

Chức vụ: _____

Ngày: _____



PHẦN 2

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp đồng số: C-
Cung cấp dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế cho NCSP (02/2026 - 02/2029)



ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

MỤC LỤC

TIÊU ĐỀ	Trang
1. ĐỊNH NGHĨA	3
2. TÀI LIỆU HỢP ĐỒNG	3
3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÀ THẦU; TÌNH TRẠNG CÔNG TY	4
4. NGHĨA VỤ CHUNG CỦA NHÀ THẦU	4
5. CHUYỂN NHƯỢNG VÀ KÝ HỢP ĐỒNG PHỤ	4
6. NHÂN SỰ CỦA NHÀ THẦU	5
7. KIỂM TRA VÀ THỰC HIỆN CÓ SAI SÓT	5
8. THAY ĐỔI	6
9. BẤT KHẢ KHÁNG	6
10. ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN	6
11. THUẾ VÀ THÔNG TIN	7
12. QUYỀN SỞ HỮU	8
13. PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUI ĐỊNH	8
14. CÁC KHOẢN BỒI HOÀN	8
15. BẢO HIỂM BỞI NHÀ THẦU	8
16. TỒN THẤT HỆ QUẢ	9
17. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG	9
19. QUYỀN CẦM GIỮ	10
20. ĐẠO ĐỨC KINH DOANH	11
21. CÁC QUI ĐỊNH PHÁP LÝ CHUNG	11
22. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	12
23. QUY ĐỊNH VỀ SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG	12

PHỤ LỤC 1- Điều kiện Hợp đồng Riêng

PHỤ LỤC 2- Quy tắc Đạo đức Nghề nghiệp của NCSP

PHỤ LỤC 3- Thỏa thuận Giữ bí mật Cá nhân

Hợp đồng số: C-

Cung cấp dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế cho NCSP (02/2026 - 02/2029)

1. ĐỊNH NGHĨA

Những định nghĩa dưới đây sẽ được sử dụng để giải thích HỢP ĐỒNG. Những định nghĩa bổ sung không có trong Điều này sẽ được áp dụng đối với Phần có nêu những định nghĩa đó và các Phần tiếp theo đó.

- 1.1 "CÔNG TY LIÊN KẾT" nghĩa là một đơn vị, trực tiếp hay gián tiếp, thông qua một hay nhiều bên trung gian, kiểm soát hay chịu sự kiểm soát của hoặc thuộc sự kiểm soát chung với đơn vị được ghi cụ thể. Kiểm soát nghĩa là quyền sở hữu năm mươi phần trăm (50%) trở lên quyền biểu quyết (cổ phần hay hình thức khác) của đơn vị đó. Trong phạm vi theo định nghĩa trên thì một đơn vị vừa là một CÔNG TY LIÊN KẾT của một BÊN LIÊN DOANH vừa là NHÀ THẦU, thì đơn vị đó sẽ chỉ được xem là một CÔNG TY LIÊN KẾT của NHÀ THẦU.
- 1.2 "NHÓM CÔNG TY" nghĩa là CÔNG TY, các BÊN LIÊN DOANH của CÔNG TY, các CÔNG TY LIÊN KẾT của CÔNG TY và của các BÊN LIÊN DOANH của CÔNG TY và các viên chức và nhân viên của CÔNG TY và của các BÊN LIÊN DOANH của CÔNG TY (kể cả nhân viên của bên đại diện), nhưng không bao gồm bất kỳ thành viên nào thuộc NHÓM NHÀ THẦU.
- 1.3 "NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG TY" nghĩa là người nêu tại Điều 3.
- 1.4 "HỢP ĐỒNG" có ý nghĩa trình bày tại Phần 1 - Thỏa thuận Hợp đồng.
- 1.5 "GIÁ HỢP ĐỒNG" nghĩa là giá của CÔNG VIỆC được tính toán theo Phần 4 – Giá cả Hợp đồng và Hình thức thanh toán.
- 1.6 "NHÓM NHÀ THẦU" nghĩa là NHÀ THẦU, các NHÀ THẦU PHỤ của NHÀ THẦU và các nhà thầu phụ của các NHÀ THẦU PHỤ của NHÀ THẦU thuộc bất kỳ cấp nào, các CÔNG TY LIÊN KẾT của NHÀ THẦU và các nhà thầu kể trên, và các viên chức và nhân viên của NHÀ THẦU và các nhà thầu trên (kể cả nhân viên của bên đại lý), nhưng không bao gồm bất kỳ thành viên nào thuộc NHÓM CÔNG TY.
- 1.7 "NGƯỜI ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU" nghĩa là người nêu tại Điều 3.
- 1.8 "Các BÊN LIÊN DOANH" nghĩa là bất kỳ bên liên doanh nào với CÔNG TY vào từng thời điểm có một quyền lợi trong giấy phép và/hoặc liên doanh theo đó CÔNG VIỆC đang được thực hiện và các bên kế nhiệm quyền lợi của các BÊN LIÊN DOANH đó hoặc các bên nhận chuyển nhượng bất kỳ quyền lợi nào của các BÊN LIÊN DOANH đó.
- 1.9 "HỢP ĐỒNG PHỤ" nghĩa là một hợp đồng giữa NHÀ THẦU và một bên hay giữa bên đó với các nhà thầu phụ của bên đó thuộc bất kỳ cấp nào (ngoại trừ CÔNG TY hay mọi nhân viên của NHÀ THẦU) để thực hiện bất kỳ phần CÔNG VIỆC nào.
- 1.10 "NHÀ THẦU PHỤ" nghĩa là bất kỳ bên nào (ngoại trừ NHÀ THẦU) trong một HỢP ĐỒNG PHỤ.
- 1.11 "THAY ĐỔI" nghĩa là các chỉ thị hay điều chỉnh nêu tại Điều 8.
- 1.12 "CÔNG VIỆC" ["**DỊCH VỤ**"] nghĩa là toàn bộ công việc [dịch vụ] mà NHÀ THẦU được yêu cầu thực hiện theo các quy định của HỢP ĐỒNG, kể cả mọi dịch vụ được cung cấp theo HỢP ĐỒNG.
- 1.13 "CÔNG TRƯỜNG" nghĩa là các khu đất, nước và những nơi khác trên, dưới, tại hay qua đó CÔNG VIỆC [**DỊCH VỤ**] sẽ được thực hiện hoặc là những nơi mà thiết bị, vật liệu hay vật tư được lấy, tồn trữ hay sử dụng cho các mục đích của HỢP ĐỒNG.

2. TÀI LIỆU HỢP ĐỒNG

Mọi chỉ dẫn, thông báo, thỏa thuận, cho phép, chấp thuận và xác nhận sẽ bằng văn bản. Tất cả các tài liệu đó cùng với mọi thư từ và các văn bản khác sẽ bằng tiếng Việt và/hoặc Anh.



3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÀ THẦU

- 3.1 NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG TY là người có tên nêu trong Phần 1 và sẽ có thẩm quyền hành động đại diện và thay mặt CÔNG TY.
- 3.2 NGƯỜI ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU là người có tên nêu trong Phần 1 và sẽ có thẩm quyền hành động đại diện và thay mặt NHÀ THẦU.

4. NGHĨA VỤ CHUNG CỦA NHÀ THẦU

- 4.1 NHÀ THẦU sẽ cung ứng mọi việc quản lý, giám sát, nhân sự, trang thiết bị và tất cả các thứ khác dù mang tính chất tạm thời hay lâu dài, trong phạm vi nhu cầu đối với việc cung ứng này được ghi cụ thể trong hay được suy ra một cách hợp lý từ HỢP ĐỒNG.
- 4.2 NHÀ THẦU sẽ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của mình theo HỢP ĐỒNG và sẽ thực hiện **[tiền hành] CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ]** bằng tất cả sự cẩn trọng và chuyên cần thích đáng và bằng kỹ năng được đòi hỏi ở một nhà thầu uy tín có kinh nghiệm về những loại công việc **[dịch vụ]** sẽ được thực hiện theo HỢP ĐỒNG.
- 4.3 NHÀ THẦU sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm về sự phù hợp, tính ổn định và an toàn của mọi hoạt động và phương pháp của mình cần thiết để thực hiện CÔNG VIỆC **[DỊCH VỤ]** và sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Phần 5 - Sức khỏe, An toàn và Môi trường.
- 4.4 Ngoại trừ trong chừng mực có thể là bất hợp pháp hay không khả thi theo quy luật tự nhiên hoặc có thể tạo ra một mối nguy hiểm đến sự an toàn, NHÀ THẦU sẽ thực hiện theo các chỉ thị và chỉ dẫn của CÔNG TY về mọi vấn đề liên quan đến CÔNG VIỆC **[DỊCH VỤ]**.
- 4.5 Nếu CÔNG TY cung cấp thiết bị, vật liệu, và/hoặc dữ liệu cho NHÀ THẦU:
- (a) NHÀ THẦU sẽ tiến hành kiểm tra kỹ bằng mắt toàn bộ thiết bị và vật liệu của CÔNG TY khi được giao cho NHÀ THẦU giữ và sẽ thông báo cho NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG TY về mọi khiếm khuyết phát hiện được đối với vật tư và thiết bị đó.
 - (b) NHÀ THẦU sẽ cẩn trọng hợp lý và thận trọng khi sử dụng thiết bị và vật liệu của CÔNG TY.
 - (c) Khi chấm dứt HỢP ĐỒNG này, NHÀ THẦU sẽ trao trả lại cho CÔNG TY tất cả các thiết bị, vật liệu, và dữ liệu của CÔNG TY do NHÀ THẦU nhận được từ CÔNG TY, được BÊN TƯ VẤN mua vì lợi ích của CÔNG TY, hoặc được NHÀ THẦU phát triển cho CÔNG TY theo Hợp đồng này.

5. CHUYỂN NHƯỢNG VÀ KÝ HỢP ĐỒNG PHỤ

5.1 Chuyển nhượng

CÔNG TY được tự do chuyển nhượng HỢP ĐỒNG hay bất kỳ phần nào của HỢP ĐỒNG hoặc bất kỳ lợi ích hay quyền lợi nào trong hoặc theo HỢP ĐỒNG cho một BÊN LIÊN DOANH hay CÔNG TY LIÊN KẾT của CÔNG TY. Ngoài ra, CÔNG TY được thực hiện bất kỳ việc chuyển nhượng nào như trên cho một thứ ba khác nhưng chỉ với sự đồng ý trước của NHÀ THẦU mà sự đồng ý đó sẽ không bị từ chối hay trì hoãn một cách vô lý.

5.2 Ký Hợp đồng phụ

NHÀ THẦU không được ký hợp đồng phụ cho toàn bộ CÔNG VIỆC **[DỊCH VỤ]**. NHÀ THẦU không được ký hợp đồng phụ cho bất kỳ phần CÔNG VIỆC **[DỊCH VỤ]** nào nếu không có sự chấp thuận trước của CÔNG TY. NHÀ THẦU sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi công việc, hành động, không hành động và vi phạm của bất kỳ NHÀ THẦU PHỤ nào như thể đó là công việc, hành động, không hành động hay vi phạm của NHÀ THẦU.



6. NHÂN SỰ CỦA NHÀ THẦU

- 6.1 NHÀ THẦU cam kết cung cấp đủ nhân sự vào mọi thời điểm để bảo đảm việc thực hiện và hoàn thành CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] theo quy định của HỢP ĐỒNG.
- 6.2 CÔNG TY có quyền chỉ thị NHÀ THẦU rút khỏi CÔNG TRƯỜNG bất kỳ người nào tham gia vào bất kỳ phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] nào. Bất kỳ người nào như vậy sẽ bị rút ngay khỏi CÔNG TRƯỜNG. Người nào bị rút đi sẽ không được tái tham gia CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay bất kỳ công việc [dịch vụ] nào khác của CÔNG TY nếu không có sự chấp thuận trước của CÔNG TY.
- 6.3 NHÀ THẦU sẽ chỉ chịu trách nhiệm thanh toán cho lao động do NHÀ THẦU tuyển dụng hay thuê mướn, dù là nhân viên, hợp đồng, hay tình trạng khác, kể cả mọi phúc lợi xã hội, tiền bồi thường, tiền thanh toán do chấm dứt, và phúc lợi của nhân viên dưới bất kỳ hình thức nào được yêu cầu theo chính sách lao động của NHÀ THẦU hay pháp luật hiện hành. **NHÀ THẦU đồng ý miễn trừ, bảo vệ, bồi hoàn và giữ cho CÔNG TY không phải chịu bất kỳ và mọi yêu cầu thanh toán, khoản phải trả và chi phí thuộc bất kỳ loại nào do việc NHÀ THẦU không, hay các NHÀ THẦU PHỤ của NHÀ THẦU không, thanh toán các khoản nợ đó.**

7. KIỂM TRA VÀ THỰC HIỆN CÓ SAI SÓT

- 7.1 Để xác nhận là các yêu cầu của HỢP ĐỒNG được đáp ứng, CÔNG TY sẽ có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ, vào mọi thời điểm trong quá trình thực hiện CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ], kiểm tra CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ], và mọi hồ sơ giấy tờ liên quan đến CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ], và không công nhận bất kỳ hạng mục nào không thực hiện theo các yêu cầu của HỢP ĐỒNG.

Ngay cả trong các trường hợp do lỗi của CÔNG TY hay bên nào khác trong việc kiểm tra CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hoặc chứng kiến hoặc kiểm tra hoặc phát hiện ra sai sót cũng như lỗi trong việc từ chối công việc do NHÀ THẦU thực hiện không phù hợp với hợp đồng, NHÀ THẦU sẽ vẫn không được giải phóng trách nhiệm trong việc thực hiện HỢP ĐỒNG.

- 7.2 Ngoại trừ trường hợp Bất khả kháng như nêu tại Phần 2, Điều 9, nếu công ty phát hiện CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay một phần của CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay bất kỳ phần công việc thực hiện lại nào do NHÀ THẦU thực hiện không được tiến hành đúng theo HỢP ĐỒNG qui định, CÔNG TY sẽ gửi thông báo bằng văn bản (trong trường hợp khẩn cấp có thể thông báo bằng lời qua trao đổi trực tiếp, điện thoại) về tình trạng cụ thể của sai sót và Điều khoản HỢP ĐỒNG liên quan đến phần trách nhiệm CÔNG TY không thực hiện. Ngay khi nhận được thông báo, NHÀ THẦU sẽ bằng chi phí của mình ngay lập tức có những hành động cần thiết để sửa chữa những phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] sai sót đó cho phù hợp với yêu cầu của HỢP ĐỒNG trong khoảng thời gian yêu cầu được nêu trong thông báo của CÔNG TY.
- 7.3 Trong trường hợp NHÀ THẦU không có hành động phù hợp để sửa chữa phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] có sai sót cho phù hợp với yêu cầu của HỢP ĐỒNG trong khoảng thời gian đã nêu trong thông báo của CÔNG TY, CÔNG TY sẽ có toàn quyền quyết định trong việc yêu cầu một bên thứ ba vào thực hiện bất kỳ phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] nào không được thực hiện hoặc thực hiện lại như đã nêu tại Điều 7.2 hay bất kỳ công việc nào khác do NHÀ THẦU thực hiện theo qui định của HỢP ĐỒNG. CÔNG TY sẽ thông báo cho NHÀ THẦU quyết định này theo đó Điều 7.4 dưới đây sẽ được áp dụng và NHÀ THẦU sẽ phải dừng ngay lập tức bất kỳ CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] nào đang được tiến hành theo Điều khoản 7.2 ở trên.
- 7.4 Trong trường hợp CÔNG TY, khi tiến hành thực hiện Điều khoản 7.3 nêu trên, mời một bên thứ ba vào để thực hiện lại bất kỳ phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] không được NHÀ THẦU thực hiện (hay thực hiện lại theo qui định của Điều 7.2 nêu trên) phù hợp với yêu cầu của HỢP ĐỒNG, NHÀ THẦU sẽ phải có trách nhiệm thanh toán lại cho CÔNG TY bất kỳ hoặc toàn bộ các chi phí phát sinh hợp lý (bao gồm, nhưng không giới hạn, những chi phí cho việc thực hiện lại phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] tương ứng bởi bên thứ ba) mà CÔNG TY phải chi trả do hậu quả trực tiếp của việc không thực hiện phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] tương ứng bởi NHÀ THẦU.



8. THAY ĐỔI

- 8.1 CÔNG TY có quyền đưa ra chỉ thị cho NHÀ THẦU vào bất kỳ thời điểm nào để tiến hành các thay đổi đối với CÔNG VIỆC **[DỊCH VỤ]** trong phạm vi khả năng và nguồn lực của NHÀ THẦU. NHÀ THẦU sẽ tiến hành ngay như được chỉ thị. Nếu có thể được, các THAY ĐỔI sẽ được ghi chép như một sửa đổi của HỢP ĐỒNG hay dưới hình thức khác do CÔNG TY đưa ra.
- 8.2 Bất kỳ việc điều chỉnh GIÁ HỢP ĐỒNG nào phát sinh từ bất cứ sự thay đổi nào sẽ được định giá theo các mức giá tương ứng nêu trong HỢP ĐỒNG hoặc, nếu không có các mức giá thích hợp, CÔNG TY sẽ thực hiện việc định giá một cách công bằng.

9. BẤT KHẢ KHÁNG

- 9.1 Cả CÔNG TY cũng như NHÀ THẦU đều không chịu trách nhiệm về việc không hoàn thành bất kỳ điều khoản hay điều kiện nào của HỢP ĐỒNG nếu và trong chừng mực việc không hoàn thành đó đã bị trì hoãn hay tạm thời bị cản trở do một sự kiện nào ngoài tầm kiểm soát và không do lỗi hay sự bất cẩn của bên bị ảnh hưởng và bên đó bằng sự chuyên cần hợp lý không thể khắc phục được sự kiện đó.
- 9.2 Trong trường hợp xảy ra một sự kiện bất khả kháng, bên bị hay có thể bị trì hoãn thực hiện HỢP ĐỒNG sẽ ngay lập tức thông báo cho bên kia nêu đầy đủ chi tiết về sự kiện đó và sẽ nỗ lực tối đa một cách hợp lý để khắc phục tình hình mà không được chậm trễ.
- 9.3 Ngoại trừ được quy định khác đi trong HỢP ĐỒNG, không có bất kỳ khoản thanh toán nào sẽ được thực hiện đối với một sự kiện bất khả kháng.
- 9.4 Sau khi có thông báo về một sự kiện bất khả kháng theo Khoản 9.2, CÔNG TY và NHÀ THẦU sẽ gặp nhau không được chậm trễ nhằm thỏa thuận và nhất trí một phương hướng hành động chung để giảm thiểu mọi tác động của sự kiện đó.
- 9.5 Vì mục đích của HỢP ĐỒNG này, chỉ những trường hợp sau sẽ được xem là bất khả kháng:
- (a) Nổi loạn, chiến tranh, xâm lược, các hành động của thù địch nước ngoài (cho dù có tuyên chiến hay không), khủng bố, nội chiến, phiến loạn, cách mạng, khởi nghĩa của quân đội hay thế lực tiềm quyền;
 - (b) Phóng xạ ion hóa hoặc nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nguồn hạt nhân hay chất thải hạt nhân nào từ việc đốt cháy nguồn hạt nhân hoặc nguồn phóng xạ, chất độc, chất nổ hoặc cách chất độc hại khác của bất kỳ dây chuyền hạt nhân hoặc thành phần hạt nhân gây nổ nào;
 - (c) Sóng âm gây ra bởi máy bay hoặc các thiết bị trên không khác di chuyển với tốc độ âm thanh hoặc siêu âm;
 - (d) Động đất, lũ lụt, cháy nổ và/hoặc thảm họa thiên nhiên khác, nhưng không bao gồm các điều kiện thời tiết cho dù các điều kiện đó là khắc nghiệt;
 - (e) Đỉnh công ở mức độ quốc gia hoặc khu vực hoặc các tranh chấp về công nghiệp có mức độ quốc gia hoặc khu vực, hoặc sự đình công hoặc tranh chấp công nghiệp bởi lực lượng lao động không thuộc sự tuyển dụng của bên bị ảnh hưởng, của các nhà thầu phụ hay nhà cung cấp của bên đó gây tác động đáng kể hoặc nghiêm trọng đến CÔNG VIỆC;
 - (f) Thảm họa hàng hải hoặc hàng không.

10. ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

- 10.1 Để thực hiện và hoàn thành CÔNG VIỆC **[DỊCH VỤ]**, CÔNG TY sẽ thanh toán hay thu xếp thanh toán cho NHÀ THẦU các khoản tiền quy định tại Phần 4 - Giá cả Hợp đồng và Hình thức thanh



toán vào những thời điểm và theo cách thức ghi cụ thể tại Phần 4 - Giá cả Hợp đồng và Hình thức thanh toán và tại Điều này.

- 10.2 Ngoại trừ trường hợp được quy định rõ là CÔNG TY sẽ thực hiện một nghĩa vụ theo HỢP ĐỒNG bằng chi phí của CÔNG TY, mọi thứ do NHÀ THẦU cung cấp hay thực hiện theo HỢP ĐỒNG sẽ được xem là được bao gồm trong các mức giá nêu tại Phần 4 - Giá cả Hợp đồng và Hình thức thanh toán.
- 10.3 NHÀ THẦU sẽ phát hành hóa đơn cho CÔNG TY đối với CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] được thực hiện theo các quy định nêu tại Phụ lục 1 của Phần 4 - Giá cả Hợp đồng và Hình thức thanh toán. NHÀ THẦU sẽ trình mọi giấy tờ do CÔNG TY yêu cầu hợp lý để chứng minh cho mọi hóa đơn.
- 10.4 Nếu CÔNG TY có tranh chấp về mục nào trong một hóa đơn toàn bộ hay một phần hoặc nếu hóa đơn được lập hay trình ra không đúng cách về bất kỳ khía cạnh nào, CÔNG TY sẽ có quyền giữ lại tiền thanh toán cho đến khi tranh chấp được giải quyết.
- 10.5 Việc NHÀ THẦU chấp nhận khoản thanh toán cuối cùng của CÔNG TY sẽ cấu thành một sự miễn trừ toàn bộ và vô điều kiện với sự thỏa đáng hoàn toàn về mọi yêu cầu thanh toán của NHÀ THẦU đối với CÔNG TY, cho dù có bất kỳ quy định nào khác mâu thuẫn nêu trong HỢP ĐỒNG.

11. THUẾ VÀ THÔNG TIN

- 11.1 NHÀ THẦU sẽ nộp hợp thức, và sẽ thu xếp để mỗi NHÀ THẦU PHỤ hay nhà cung cấp theo Hợp đồng này sẽ nộp hợp thức, mọi khoản thuế mà do cơ quan có thẩm quyền ấn định hay áp dụng một cách đúng đắn và hợp pháp đối với NHÀ THẦU hoặc NHÀ THẦU PHỤ hay nhà cung cấp đó liên quan đến việc thực hiện CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] theo HỢP ĐỒNG hay bất kỳ một HỢP ĐỒNG PHỤ hay đơn mua hàng nào theo Hợp đồng này.
- 11.2 Ngoại trừ Thuế Giá trị Gia tăng, các mức giá được niêm yết trong HỢP ĐỒNG này bao gồm toàn bộ mọi khoản thuế hiện hành.
- 11.3 Chỉ nhằm mục đích của Điều này, “thuế” bao gồm bất kỳ khoản thuế, thuế quan hay lệ phí nào và bất kỳ khoản tiền phạt hay tiền lãi nào đối với các khoản trên và mọi phí tổn và chi phí khác do cơ quan có thẩm quyền ấn định hay áp dụng. Các đề cập đến CÔNG TY tại Điều 11 này sẽ được giải thích là cũng bao gồm các CÔNG TY LIÊN KẾT của CÔNG TY.
- 11.4 Khi được yêu cầu, NHÀ THẦU sẽ cung cấp và sẽ thu xếp để bất kỳ NHÀ THẦU PHỤ hay nhà cung cấp nào theo đây sẽ cung cấp cho CÔNG TY các thông tin (kể cả thông tin bằng văn bản) liên quan đến NHÀ THẦU hay các hoạt động của các NHÀ THẦU PHỤ hay nhà cung cấp của NHÀ THẦU theo hay căn cứ vào HỢP ĐỒNG khi CÔNG TY có yêu cầu nhằm mục đích (i) tuân thủ yêu cầu hay quy định hợp pháp về thông tin đó của một cơ quan hay ban ngành chính phủ, (ii) giúp CÔNG TY tiến hành, biện hộ, thương thảo hay giải quyết bất kỳ khiếu kiện nào phát sinh từ, hay có liên quan đến, các hoạt động đó, dù khiếu kiện đó có trở thành đối tượng của việc phân xử trọng tài hoặc trình tự tố tụng tư pháp hay không, hoặc (iii) giúp CÔNG TY làm đơn (bao gồm nhưng không giới hạn vào bất kỳ yêu cầu nào về chiết khấu hay miễn giảm) hay trình bày liên quan đến, hoặc để phản bác việc định mức thuế trên, hay khoản phải trả của CÔNG TY đối với bất kỳ loại thuế nào.

Các nghĩa vụ của NHÀ THẦU nêu trên sẽ tồn tại trong thời gian sáu năm bắt đầu từ ngày CÔNG TY đồng ý bản thanh toán cuối cùng của NHÀ THẦU theo HỢP ĐỒNG, và NHÀ THẦU sẽ lưu giữ, và sẽ thu xếp để bất kỳ nhà thầu phụ hay nhà cung cấp nào theo đây sẽ lưu giữ, mọi thông tin và tài liệu liên quan đến các hoạt động của NHÀ THẦU theo hay căn cứ vào HỢP ĐỒNG vì sẽ giúp NHÀ THẦU thực hiện theo các nghĩa vụ nêu trên của mình.

- 11.5 NHÀ THẦU sẽ bồi hoàn và giữ cho CÔNG TY được bồi hoàn đối với mọi khoản phải trả phát sinh do hành vi vi phạm của NHÀ THẦU hoặc bất kỳ NHÀ THẦU PHỤ hay nhà cung cấp nào đối với một trong những nghĩa vụ theo Khoản 11.1 đến Khoản 11.4 ở trên và mọi vụ kiện, thủ tục tố tụng, khiếu kiện, tiền bồi thường, lệ phí, phí tổn và chi phí có liên quan.



12. QUYỀN SỞ HỮU

CÔNG TY sẽ duy trì quyền sở hữu đối với các hạng mục và thông tin do CÔNG TY cung cấp. Tất cả các thiết bị, vật liệu và vật tư do NHÀ THẦU cung cấp để vĩnh viễn đưa vào CÔNG VIỆC sẽ trở thành và được xác định rõ ràng là tài sản của CÔNG TY sau khi giao đến CÔNG TRƯỜNG hoặc sau khi CÔNG TY thanh toán, tùy theo trường hợp nào xảy ra trước. NHÀ THẦU sẽ bảo đảm rằng mọi mặt hàng do NHÀ THẦU cung cấp không phụ thuộc vào quyền cầm giữ và/hoặc quyền đòi duy trì quyền sở hữu từ một bên thứ ba.

13. PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUI ĐỊNH

- 13.1 NHÀ THẦU sẽ tuân thủ, và sẽ bảo đảm rằng toàn bộ nhân viên của NHÀ THẦU và bất kỳ NHÀ THẦU PHỤ nào tham gia vào việc thực hiện CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] sẽ tuân thủ, mọi pháp luật, quy tắc và quy định hiện hành của bất kỳ cơ quan nhà nước hay chính quyền nào có quyền tài phán đối với CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] và/hoặc CÔNG TRƯỜNG.
- 13.2 NHÀ THẦU phải có được mọi giấy phép, cho phép, giấy phép tạm thời cần có theo yêu cầu của luật pháp, quy tắc và quy định hiện hành để thực hiện CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ].

14. CÁC KHOẢN BỒI HOÀN

14.1 Các khoản Bồi hoàn Chung

Mỗi bên NHÀ THẦU và CÔNG TY sẽ bồi hoàn và giữ cho bên kia không phải chịu mọi khiếu kiện, tổn thất, thiệt hại, phí tổn (kể cả chi phí pháp lý), chi phí và khoản phải trả đối với:

- (a) tổn thất hay thiệt hại đến tài sản riêng của bên kia phát sinh từ hay có liên quan đến việc thực hiện HỢP ĐỒNG. Tuy nhiên trong trường hợp tổn thất hay thiệt hại đến tài sản của CÔNG TY do nhà thầu gây nên, phát sinh từ hay có liên quan đến việc thực hiện HỢP ĐỒNG, NHÀ THẦU sẽ bồi thường với giá trị lên đến 1.000.000 USD, tương đương với mức miễn trừ áp dụng trong hợp đồng bảo hiểm tài sản của CÔNG TY;
- (b) thương tật về người kể cả tử vong hay bệnh tật đối với bất kỳ nhân viên nào của NHÓM NHÀ THẦU, liên quan đến bồi hoàn của NHÀ THẦU, hoặc NHÓM CÔNG TY, liên quan đến bồi hoàn của CÔNG TY, phát sinh từ hay có liên quan đến việc thực hiện HỢP ĐỒNG;
- (c) thương tật về người kể cả tử vong hay bệnh tật hoặc mất mát hay thiệt hại đối với tài sản của một bên thứ ba trong chừng mực thương tật, tổn thất hay thiệt hại nào đó là do sự bất cẩn hay vi phạm nhiệm vụ (dù theo luật quy định hay cách nào khác) của NHÓM NHÀ THẦU gây ra, liên quan đến bồi hoàn của CÔNG TY. Nhằm các mục đích của Điều này, “bên thứ ba” nghĩa là bên mà không phải là thành viên của NHÓM CÔNG TY hay NHÓM NHÀ THẦU. Tuy nhiên trong trường hợp thương tật về người kể cả tử vong hay bệnh tật hoặc mất mát hay thiệt hại đối với tài sản của một bên thứ ba do NHÀ THẦU gây nên và/ hoặc CÔNG TY phải chịu trách nhiệm liên đới, phát sinh từ hay có liên quan đến việc thực hiện HỢP ĐỒNG, NHÀ THẦU sẽ bồi thường với giá trị lên đến 500.000 USD, tương đương với mức miễn trừ áp dụng trong hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm bên thứ ba của CÔNG TY.

14.2 Bồi hoàn về An toàn Đường bộ

Cho dù có bất kỳ điều gì khác hơn trong đây, NHÀ THẦU sẽ chịu trách nhiệm về và sẽ tránh cho, bồi hoàn, bảo vệ và giữ cho NHÓM CÔNG TY khỏi mọi khiếu kiện, tổn thất, thiệt hại, phí tổn (kể cả chi phí pháp lý), chi phí và khoản phải trả đối với bất kỳ mất mát hay thiệt hại nào về tài sản hay thương tật về người kể cả tử vong phát sinh từ việc NHÀ THẦU PHỤ không tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn đường bộ quy định tại Phụ lục 3 của Phần 5 - Sức khỏe, An toàn và Môi trường.

15. BẢO HIỂM BỞI NHÀ THẦU

- 15.1 NHÀ THẦU sẽ thu xếp ở mức tối thiểu các bảo hiểm nêu tại Khoản 15.2 và bảo đảm rằng các bảo hiểm đó có đầy đủ hiệu lực trong suốt thời hạn HỢP ĐỒNG. Tất cả các bảo hiểm đó sẽ được mua



ở những công ty bảo hiểm lớn và uy tín, và sẽ bao gồm khoản khước từ các quyền thế quyền đối với NHÓM CÔNG TY để các công ty bảo hiểm không được thực hiện bất kỳ khiếu kiện nào mà NHÀ THẦU bị ngăn cản thực hiện theo Hợp đồng.

15.2 Các bảo hiểm được yêu cầu thực hiện theo Khoản 15.1 như sau:

- (a) Trách nhiệm của Người sử dụng lao động bao gồm thương tật về người hay tử vong của các nhân viên của NHÀ THẦU tham gia vào việc thực hiện CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] ở giá trị tối thiểu theo yêu cầu của luật hiện hành;
- (b) Bảo hiểm Trách nhiệm Chung Toàn diện trên cơ sở phát sinh sự cố, bao gồm nhà xưởng, ngoài nhà xưởng, hoạt động, nhà thầu độc lập, trách nhiệm theo hợp đồng và đâm va, khác với các khoản như được yêu cầu tại điểm (a) trên đây, bảo hiểm cho hoạt động của NHÀ THẦU khi thực hiện HỢP ĐỒNG, với số tiền lên đến 1.000.000 USD một vụ đối với thương tật về con người và/hoặc thiệt hại về tài sản đối với trách nhiệm bên thứ ba. Bổ sung CÔNG TY là Người Được Bảo Hiểm và áp dụng điều khoản “Cross Liability” trong đơn Bảo hiểm này. Mức miễn trừ của đơn bảo hiểm và mở rộng điều khoản loại trừ sẽ được hai Bên thống nhất khi Nhà Thầu tiến hành mua bảo hiểm cho Hợp Đồng này. Tuy nhiên, mức miễn trừ này chỉ áp dụng với thiệt hại về vật chất và không được lớn hơn 1.000 USD/vụ. Nhà thầu phải hoàn tất việc mua bảo hiểm theo điều khoản này trong vòng 30 ngày kể từ khi ký kết hợp đồng.
- (c) các bảo hiểm khác theo qui định của pháp luật hiện hành.

15.3 NHÀ THẦU sẽ cung cấp cho CÔNG TY bằng chứng của bảo hiểm trên khi có yêu cầu.

15.4 NHÀ THẦU sẽ bảo đảm rằng các NHÀ THẦU PHỤ được bảo hiểm ở mức độ thích hợp khi có liên quan đến công việc của các NHÀ THẦU PHỤ.

15.5 Trong phạm vi cho phép áp dụng của luật hiện hành, tất cả các đơn bảo hiểm nêu trên (ngoại trừ đơn bảo hiểm Trách nhiệm Người sử dụng lao động) phải bao gồm các nội dung điều khoản sau:

- Bao gồm tên CÔNG TY như người được bảo hiểm bổ sung;
- Điều khoản từ bỏ thế quyền vì lợi ích của CÔNG TY;
- Điều khoản quy định về trách nhiệm chéo giữa các bên (áp dụng đối với các đơn bảo hiểm trách nhiệm).

16. TỒN THẤT HỆ QUẢ

Cho dù có bất kỳ quy định nào khác đi trong HỢP ĐỒNG và trừ trường hợp mọi khoản tiền bồi thường thỏa thuận trước hay phí chấm dứt được quy định trong HỢP ĐỒNG, cả NHÓM NHÀ THẦU cũng như NHÓM CÔNG TY sẽ không chịu trách nhiệm với bên kia về mọi tổn thất riêng, gián tiếp hay hệ quả (ví dụ như bao gồm nhưng không giới hạn ở tổn thất về sản xuất hoặc mất lợi nhuận) phát sinh từ hoặc do bất kỳ hành động hay việc không thực hiện nghĩa vụ nào của NHÓM NHÀ THẦU hay NHÓM CÔNG TY.

17. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

17.1 CÔNG TY sẽ có quyền bằng cách gửi thông báo chấm dứt toàn bộ hay một phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay HỢP ĐỒNG vào một hay những thời điểm CÔNG TY có thể cho là cần thiết vì một hay tất cả các lý do sau:

- (a) để tiện lợi cho CÔNG TY
- (b) trong trường hợp vi phạm về phía NHÀ THẦU;
- (c) trong trường hợp NHÀ THẦU bị phá sản hoặc thực hiện một sự điều đình hay dàn xếp với các chủ nợ của NHÀ THẦU hoặc một lệnh giải thể của NHÀ THẦU được đưa ra.

17.2 Trong trường hợp CÔNG TY gửi cho NHÀ THẦU thông báo chấm dứt toàn bộ hay một phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay HỢP ĐỒNG, thông báo đó sẽ có hiệu lực vào ngày ghi cụ thể trong thông báo (hoặc nếu không có ngày nào được ghi cụ thể thì vào ngày nhận được thông báo) khi đó NHÀ THẦU sẽ ngay lập tức:



- (a) ngừng thực hiện CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay một phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] được xác định cụ thể trong thông báo;
- (b) cho phép CÔNG TY hay bên được đề cử của CÔNG TY được toàn quyền đi vào để tiếp quản CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] có liên quan;
- (c) chuyển nhượng cho CÔNG TY, hay bên được đề cử của CÔNG TY, trong phạm vi mong muốn của CÔNG TY, toàn bộ hay những phần có liên quan trong các quyền, quyền sở hữu, nghĩa vụ nợ và các HỢP ĐỒNG PHỤ liên quan đến CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] mà NHÀ THẦU có thể đã có được hay đã thiết lập;
- (d) bằng chi phí riêng của mình rút ra khỏi cơ sở của CÔNG TY toàn bộ thiết bị, vật liệu, vật tư, và nhân sự của NHÀ THẦU.

Trong trường hợp chấm dứt theo Khoản 17.1(b) hay (c), CÔNG TY sẽ có quyền hoàn thành CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay phần có liên quan của CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] bởi các nhà thầu khác.

- 17.3 Trong trường hợp chấm dứt theo Khoản 17.1(a), NHÀ THẦU sẽ được hưởng tiền thanh toán như nêu tại Phần 4 - Tiền thù lao đối với phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] được thực hiện theo HỢP ĐỒNG cùng với các khoản tiền thanh toán và phí khác như có thể được nêu trong Phần đó hay các phí tổn hợp lý được thỏa thuận giữa các bên vào thời điểm chấm dứt.
- 17.4 Trong trường hợp chấm dứt một phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] theo Khoản 17.1(b) hay (c), NHÀ THẦU sẽ được hưởng tiền thanh toán như nêu tại Phần 4 - Tiền thù lao đối với phần CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] đã thực hiện theo HỢP ĐỒNG. Mọi phí tổn bổ sung do CÔNG TY làm phát sinh hợp lý là kết quả trực tiếp của việc chấm dứt đó sẽ được lấy lại từ NHÀ THẦU.
- 17.5 Trong trường hợp chấm dứt theo Điều này, không Bên nào sẽ được miễn trừ bất kỳ nghĩa vụ hay trách nhiệm nào đang tiếp diễn theo HỢP ĐỒNG hay theo pháp luật.

18. KIỂM TOÁN

- 18.1 Trong quá trình của CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] và trong một thời gian kết thúc ba năm sau đó, CÔNG TY hay người đại diện được ủy quyền hợp lệ của CÔNG TY sẽ có quyền kiểm toán vào mọi thời điểm hợp lý và, khi có yêu cầu, sao chép toàn bộ hồ sơ của NHÀ THẦU (kể cả dữ liệu được lưu trong máy tính), sổ sách, hồ sơ nhân sự, báo cáo kế toán, thư từ, bản ghi nhớ, biên nhận, biên lai thu tiền và các giấy tờ khác thuộc mọi loại liên quan đến;
 - (a) mọi khoản phí được lập hóa đơn do NHÀ THẦU thực hiện đối với CÔNG TY; và
 - (b) bất kỳ quy định nào của HỢP ĐỒNG này theo đó NHÀ THẦU có nghĩa vụ và việc thực hiện nghĩa vụ đó có thể được xác minh qua kiểm toán.

- 18.2 NHÀ THẦU sẽ hoàn toàn hợp tác với CÔNG TY và/hoặc các đại diện của CÔNG TY trong việc thực hiện bất kỳ cuộc kiểm toán nào do CÔNG TY yêu cầu.

19. QUYỀN CÀM GIỮ

- 19.1 NHÀ THẦU không được đòi hỏi bất kỳ quyền cầm giữ, ràng buộc hay tương tự đối với CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] hay đối với bất kỳ tài sản nào của CÔNG TY đang giữ bởi NHÀ THẦU hay tại CÔNG TRƯỜNG.
- 19.2 Không ảnh hưởng đến bất kỳ quy định nào khác của Điều này, NHÀ THẦU sẽ miễn trừ, bồi hoàn, bảo vệ và giữ cho CÔNG TY không phải chịu mọi quyền cầm giữ, tịch thu, ràng buộc hay quyền đòi hỏi nào bởi bất kỳ NHÀ THẦU PHỤ nào liên quan đến hay phát sinh từ HỢP ĐỒNG.



20. ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

- 20.1 NHÀ THẦU biết rằng CÔNG TY ngăn cấm việc trao hối lộ hay chi tiền để được thuận lợi và NHÀ THẦU cam kết tuân thủ chính sách này.
- 20.2 NHÀ THẦU tuyên bố và cam đoan rằng mình, cũng như bất kỳ viên chức, giám đốc, ủy viên, cổ đông, người đại diện, nhân viên, người được ủy quyền hay Công ty liên kết nào của NHÀ THẦU, sẽ không thực hiện hay thu xếp thực hiện việc chi tiền, khoản vay hay quà bằng tiền hay bất kỳ thứ gì có giá trị, trực tiếp hay gián tiếp, liên quan đến CÔNG VIỆC **[DỊCH VỤ]**:
- i) cho hay vì lợi ích của bất kỳ cán bộ, nhân viên hay đại diện thương mại nào của một cơ quan chính quyền, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước hay tổ chức quốc tế công cộng; hoặc
 - ii) cho bất kỳ đảng phái chính trị hay ứng cử viên nào của đảng phái chính trị đó,
- nếu việc chi tiền, khoản vay hay quà bằng tiền hay bất kỳ thứ gì có giá trị:
- i) sẽ cấu thành hành vi hối lộ hay hành vi chi tiền để được thuận lợi; hoặc
 - ii) được dự định để tác động đến một quyết định có lợi cho CÔNG TY.
- 20.3 NHÀ THẦU cam kết thông báo ngay cho CÔNG TY nếu NHÀ THẦU biết được, hay nghi ngờ, một hành vi vi phạm Khoản 20.2.
- 20.4 NHÀ THẦU sẽ không thanh toán bất kỳ khoản phí, tiền hoa hồng, khoản giảm giá hay thứ gì có giá trị cho hay vì lợi ích của bất kỳ nhân viên nào của CÔNG TY, hoặc NHÀ THẦU sẽ không tiến hành kinh doanh với bất kỳ bên thứ ba nào khi biết rằng các kết quả có thể trực tiếp làm lợi cho một nhân viên của CÔNG TY. NHÀ THẦU sẽ cẩn trọng và chuyên cần hợp lý để ngăn ngừa mọi hành động hay điều kiện nào có thể dẫn đến một sự mâu thuẫn với quyền lợi tốt nhất của CÔNG TY. Nghĩa vụ này sẽ áp dụng cho các hoạt động của những nhân viên và đại diện của NHÀ THẦU trong các quan hệ của họ với các nhân viên của CÔNG TY, gia đình của họ, những người bán hàng, các nhà thầu phụ, và các bên thứ ba phát sinh từ HỢP ĐỒNG này và CÔNG VIỆC **[DỊCH VỤ]**.
- 20.5 NHÀ THẦU đảm bảo rằng các chính sách và qui định của CÔNG TY về Đạo đức Kinh Doanh (như phụ lục 2 đính kèm) luôn được tuân thủ chặt chẽ trong suốt quá trình thực hiện CÔNG VIỆC. NHÀ THẦU phải đảm bảo tất cả nhân viên của mình đều nhận thức được các qui định này.
- 20.6 Việc NHÀ THẦU không tuân thủ các quy định của Điều 20 này sẽ được xem là nguyên nhân chính đáng để chấm dứt HỢP ĐỒNG mà không cần thông báo và không có khoản phạt tài chính nào đối với CÔNG TY theo các quy định của Điều 17.

21. CÁC QUI ĐỊNH PHÁP LÝ CHUNG

21.1 Sự độc lập của NHÀ THẦU

NHÀ THẦU sẽ hành động với tư cách một nhà thầu độc lập đối với CÔNG VIỆC **[DỊCH VỤ]** và sẽ thực hiện việc kiểm soát, giám sát, quản lý và điều khiển về phương pháp và cách thức nhằm đạt được kết quả do CÔNG TY yêu cầu.

21.2 Luật Điều chỉnh và Ngôn ngữ

HỢP ĐỒNG sẽ được hiểu và có hiệu lực theo luật Việt Nam.
HỢP ĐỒNG sẽ được lập bằng tiếng Việt.

21.3 Thông báo

Mọi thông báo về HỢP ĐỒNG sẽ được gửi bằng văn bản và trao tay, bằng telefax hay qua bưu điện hạng nhất đến địa chỉ có liên quan được ghi cụ thể tại Phụ lục 1 và bản sao được gửi cho một hay nhiều văn phòng khác của các bên như được các bên chỉ định bằng văn bản vào từng thời điểm cho bên kia.



Các thông báo đó sẽ có hiệu lực:

- (a) vào thời điểm giao nếu được trao tay, hoặc
- (b) nếu được gửi bằng fax, vào ngày làm việc đầu tiên tại địa chỉ của bên nhận sau ngày gửi.

21.4 Toàn bộ Thỏa thuận

HỢP ĐỒNG cấu thành toàn bộ thỏa thuận giữa các bên trong đây đối với CÔNG VIỆC [DỊCH VỤ] và thay thế mọi dàn xếp, tuyên bố hay thỏa thuận trước đây, bằng văn bản hay bằng miệng, liên quan đến HỢP ĐỒNG. Không có sửa đổi nào đối với HỢP ĐỒNG sẽ có hiệu lực trừ khi được xác nhận bằng văn bản và do các bên trong HỢP ĐỒNG ký tên.

21.5 Tính vô hiệu và Riêng rẽ

Nếu một quy định của HỢP ĐỒNG này bị một tòa án hay cơ quan quản trị có thẩm quyền cho là vô hiệu hay không có hiệu lực thi hành, thì tính vô hiệu hay không có hiệu lực thi hành của quy định đó sẽ không ảnh hưởng đến các quy định khác của HỢP ĐỒNG này và tất cả các quy định không bị ảnh hưởng do tính vô hiệu hay không có hiệu lực thi hành đó sẽ vẫn có hiệu lực đầy đủ. CÔNG TY và NHÀ THẦU nay đồng ý cố gắng thay thế bất kỳ quy định nào vô hiệu hay không có hiệu lực thi hành bằng một quy định có hiệu lực pháp lý hay có hiệu lực thi hành mà đạt được trong phạm vi lớn nhất có thể các mục tiêu kinh tế, pháp lý và thương mại của quy định vô hiệu hay không có hiệu lực thi hành.

22. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hay có liên quan đến HỢP ĐỒNG này mà các bên không thể giải quyết bằng thảo luận giữa các bên sẽ được giải quyết trọn vẹn và chung thẩm bằng phân xử tại Tòa Án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bên thua kiện phải chịu toàn bộ án phí.

23. QUY ĐỊNH VỀ SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG

- 23.1 CÔNG TY chú trọng hàng đầu về các vấn đề sức khỏe, an toàn và môi trường (HS&E) và yêu cầu NHÀ THẦU, các NHÀ THẦU PHỤ và những nhà thầu phụ của các NHÀ THẦU PHỤ đồng ý với và tích cực thực hiện theo các tiêu chuẩn cao nhất về việc thực hiện HS&E.
- 23.2 NHÀ THẦU sẽ tôn trọng và tuân thủ các quy định của Phần 5 - An toàn, Sức khỏe và Môi trường và việc không đáp ứng các yêu cầu này hay không làm CÔNG TY thỏa mãn về việc kiểm soát các rủi ro HS&E đối với HỢP ĐỒNG sẽ được xem là nguyên nhân chính đáng để chấm dứt HỢP ĐỒNG mà không cần thông báo và không có khoản tiền phạt tài chính nào đối với CÔNG TY theo các quy định của Điều 17.
- 23.3 NHÀ THẦU sẽ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng tất cả các NHÀ THẦU PHỤ, những nhà thầu phụ của các NHÀ THẦU PHỤ và nhân viên của NHÀ THẦU PHỤ và những nhà thầu phụ đó hiểu và quản lý theo các nguyên tắc và yêu cầu của các quy định HS&E và rằng các chuẩn mực tương tự được áp dụng cho hệ thống quản lý HS&E của NHÀ THẦU PHỤ và của những nhà thầu phụ của các NHÀ THẦU PHỤ và việc thực hiện HS&E.



PHỤ LỤC 1

CÁC ĐIỀU KIỆN RIÊNG CỦA HỢP ĐỒNG

Trong trường hợp có sự tối nghĩa hay mâu thuẫn giữa Điều kiện chung của Hợp đồng và Điều kiện riêng của Hợp đồng này, thì Điều kiện riêng của Hợp đồng Riêng sẽ được ưu tiên.

	<i>Điều kiện riêng của Hợp đồng</i>
21.3 Thông báo	Thông báo cho CÔNG TY sẽ được gửi đến: Ông Nguyễn Đình Định – Trưởng phòng Kinh doanh Bà Mai Thanh Huyền – Chuyên viên Mua sắm, Phòng HĐ.CU'VT Ông Vũ Ngọc Kiên – Trưởng Phòng AT-SK-MT-AN CÔNG TY ĐƯỜNG ÓNG KHÍ NAM CÔN SƠN Tỉnh lộ 44, Xã An Ngãi, huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ĐT.: (0254) 864100 Fax: (0254) 864099 Thông báo cho NHÀ THẦU sẽ được gửi đến: Ông – Giám đốc Email: Điện thoại: Fax:



PHỤ LỤC 2 –

QUY TẮC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA NCSP ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC KINH DOANH

Ở NCSP, chúng ta tin rằng các quan hệ công việc được xây dựng dựa trên cơ sở “tin cậy lẫn nhau và cả hai bên cùng có lợi” là vấn đề tối quan trọng đối với thành công của Công ty. Chúng ta sẽ cố gắng tạo ra lợi ích chung bằng việc hiểu rõ nhu cầu của các đối tác, khách hàng, các nhà thầu, nhà cung cấp, và làm việc một cách trung thực, với tinh thần trách nhiệm và công bằng. Chúng ta sẽ sản xuất, kinh doanh một cách công bằng và chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp.

a. Nhận quà, tặng quà và vui chơi giải trí

Việc trao đổi quà tặng và vui chơi giải trí có thể góp phần xây dựng thiện chí trong quan hệ công việc, nhưng một số quà tặng và hình thức vui chơi giải trí có thể gây ra ảnh hưởng không đúng (hoặc tạo cảm tưởng về ảnh hưởng không đúng). Một số trường hợp còn có thể bị xem là hối lộ và sẽ làm xấu đi uy tín của NCSP về cam kết coi trọng sự công bằng, hoặc thậm chí bị coi là vi phạm pháp luật.

‘Quà tặng và vui chơi giải trí’ nghĩa là bất kỳ thứ gì có giá trị, ví dụ như việc giảm giá, chiết khấu, cho vay, các điều kiện ưu đãi đối với bất kỳ sản phẩm hay dịch vụ nào, các dịch vụ, giải thưởng, vận chuyển hoặc sử dụng phương tiện đi lại của Công ty khác, sử dụng các nhà nghỉ, khách sạn, chứng khoán hoặc các loại cổ phiếu khác, tham gia vào việc chào bán chứng khoán, cải tạo nhà cửa, vé và phiếu tặng quà.

Quà tặng và vui chơi giải trí giữa các nhân viên của NCSP và các đối tượng khác được chia thành ba nhóm:

- Những loại không bao giờ được chấp nhận.
- Những loại có thể được chấp nhận nhưng phải được phê duyệt trước.
- Những loại thường là được chấp nhận và bản thân nhân viên có thể đồng ý.

Không được chấp nhận	Có thể được chấp nhận nhưng phải được phê duyệt trước của Cấp trên trực tiếp	Thường là được chấp nhận và bản thân nhân viên có thể đồng ý.
• Bất cứ quà biếu hoặc hình thức vui chơi giải trí bất hợp pháp (bất cứ thứ gì biếu cho một quan chức nhà nước có thể vi phạm luật phòng chống tham nhũng). • Các quà biếu hoặc hình thức vui chơi	Quà	
	Các quà biếu có giá trị ≤ 100 đô la Mỹ một người/ sự kiện	Các loại quà có giá trị nhỏ như bút, lịch hoặc các loại quà khuyến mại nhỏ ≤ 50 đô la Mỹ / sự kiện.

Không được chấp nhận	Có thể được chấp nhận nhưng phải được phê duyệt trước của Cấp trên trực tiếp	Thường là được chấp nhận và bản thân nhân viên có thể đồng ý.
giải trí nào có sự tham gia của các bên đang tiến hành đấu thầu hoặc đang tham gia vào một quá trình chào hàng cạnh tranh. • Bất cứ quà biếu hoặc hình thức vui chơi giải trí 'có điều kiện' nào (được đưa ra để đổi lại một cái gì đó). • Bất cứ hình thức vui chơi giải trí nào không đứng đắn, có xu hướng tình dục, không tuân theo cam kết của NCSP về tôn trọng lẫn nhau, hoặc ngược lại có thể ảnh hưởng xấu tới uy tín của NCSP.	Ăn uống	
	Các bữa ăn có giá trị ≤ 100 đô la Mỹ một người/ sự kiện	Thỉnh thoảng ăn những bữa cơm giao lưu bình thường với người mình có mối quan hệ làm việc có giá trị ≤ 50 đô la Mỹ / sự kiện.
	Vui chơi, giải trí	
	Giải trí bao gồm các sinh hoạt giải trí có giá trị ≤ 100 đô la Mỹ một người/ sự kiện	Thỉnh thoảng tham dự các sự kiện thể thao, nghệ thuật và các sự kiện văn hóa bình thường khác ≤ 50 đô la Mỹ / sự kiện.

Do tính chất đặc thù của văn hóa Việt Nam, bạn có thể được chấp thuận cho, nhận một số loại quà biếu bằng tiền mặt hoặc tương tự như tiền mặt (chẳng hạn phiếu tặng quà, các khoản vay, cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu) trong các trường hợp đặc biệt sau:

- *Tham gia các Hội nghị, Đại hội chính thức của các đơn vị ngang cấp, Công ty mẹ hoặc cao hơn.*
- *Tham gia các sự kiện mà món quà được phát đều cho tất cả mọi người với đầy đủ các thành phần khác nhau và có ý nghĩa của một món quà quảng cáo.*
- *Món quà NCSP cho khách nhân dịp Tết cổ truyền, sự kiện lớn của NCSP mà đã được Ban giám đốc phê chuẩn.*

Thông thường, các món quà biếu trong các trường hợp này có giá trị dưới 50 USD. Trong trường hợp cao hơn, bạn phải ngay lập tức xin ý kiến chấp thuận của một thành viên Ban giám đốc.

Bất cứ quà tặng, bữa ăn có liên quan đến công việc và vui chơi giải trí nào có giá trị trên 100 đô la Mỹ / một người đều phải được cấp trên là một thành viên của Ban giám đốc phê duyệt trước.

Không phân biệt giá trị của mỗi lần được nhận hoặc cho, nhân viên phải báo cáo cho cấp trên trực



tiếp của mình nếu tổng số lần nhận hoặc cho quà từ một nguồn nhiều hơn 3 lần một năm.

Những điều quan trọng khác cần biết về quà biếu và vui chơi giải trí.

Tất cả các bữa ăn có liên quan đến công việc, quà biếu và vui chơi giải trí có giá trị từ 25 đô la Mỹ trở lên - cho dù các nhân viên của NCSP chấp nhận/từ chối hay cung cấp – đều phải được đăng ký vào Hệ thống Đăng ký Quà biếu và Vui chơi Giải trí. Quy định này không áp dụng cho các bữa ăn ở văn phòng/ nhà máy của NCSP.

Phải làm gì khi bạn nhận được một quà biếu không được phép?

Bạn phải trả lại ngay lập tức mọi quà biếu không được phép. Tuy nhiên, nhân viên có thể nhận một quà biếu vượt quá giới hạn giá trị được quy định nếu việc từ chối sẽ làm ảnh hưởng đến thể diện người tặng, nhưng quà biếu đó phải được báo cáo cho cấp trên trực tiếp là một thành viên của Ban giám đốc để quyết định xem:

- Người nhận có thể giữ lại quà biếu đó.
- Giữ lại quà biếu đó để phục vụ cho lợi ích của NCSP.
- Quà biếu sẽ được bán và tiền thu được sẽ được sử dụng cho mục đích từ thiện
- Trả lại quà biếu cho người tặng.
- Sẽ báo cáo với cấp lãnh đạo cao hơn để có quyết định cuối cùng.

Sau khi báo cáo với cấp trên trực tiếp/ Lãnh Đạo Cao nhất và thực hiện các hành động phù hợp, bạn phải nhanh chóng đăng ký vào Sổ đăng ký quà biếu và vui chơi giải trí.

b. Xung đột quyền lợi

NCSP tôn trọng bí mật riêng tư của các nhân viên và do vậy thường không quan tâm tới hành vi cá nhân bên ngoài phạm vi công việc. Tuy nhiên, khi các hoạt động cá nhân, xã hội, tài chính hoặc chính trị của một nhân viên ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đến lòng trung thành và tính khách quan của nhân viên đối với Công ty, 'xung đột quyền lợi' có thể xảy ra và cần phải được giải quyết một cách thỏa đáng. Phải tránh các xung đột thực sự, nhưng thậm chí những điều có vẻ có xung đột về quyền lợi cũng có thể ảnh hưởng đến bạn.

Xung đột quyền lợi có thể phát sinh theo nhiều cách. Sau đây là các thí dụ về một số xung đột quyền lợi khá thông thường.

- Các công việc và mối quan hệ bên ngoài:

Việc làm và các mối quan hệ bên ngoài Công ty có thể tạo ra các xung đột quyền lợi. Các thí dụ gồm:

- Có việc làm khác với công việc chính thức trong NCSP.
- Thực hiện các dịch vụ cho các công ty bên ngoài.
- Làm việc với tư cách là một giám đốc hoặc nhà tư vấn của công ty khác.
- Có quyền lợi tài chính tại một doanh nghiệp khác.



Bất cứ trường hợp nào trong các trường hợp trên có liên quan tới một bên thứ ba là một đối thủ cạnh tranh, khách hàng hoặc nhà cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ cho NCSP, đều có thể làm phát sinh xung đột quyền lợi, hoặc có vẻ có xung đột quyền lợi (Quy tắc này cũng áp dụng nếu có quan hệ như vậy với một tổ chức đang tìm cách trở thành một đối thủ cạnh tranh, khách hàng hoặc nhà cung cấp). Một số hoạt động loại này không bao giờ được phép. Thí dụ, trên cương vị nhân viên NCSP, bạn không bao giờ được làm việc hoặc cung cấp dịch vụ cho bất cứ ai đang có quan hệ làm ăn, công tác với NCSP.

Đối với tất cả các mối quan hệ khác với các đối thủ cạnh tranh, khách hàng hoặc các nhà cung cấp mà có thể làm phát sinh một xung đột quyền lợi, trước tiên bạn phải thông báo về mối quan hệ này và phải được cấp trên trực tiếp phê duyệt bằng văn bản.

- Các công việc và mối liên kết của họ hàng thân thuộc:

'Họ hàng thân thuộc' nghĩa là vợ hoặc chồng, người yêu, bố mẹ, bố dượng hoặc mẹ kế, con cái, con riêng của vợ hoặc chồng, anh chị em ruột, anh chị em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ, cháu trai, cháu gái, cô, dì, chú, bác, ông, bà, cháu nội, cháu ngoại, bên nhà vợ hoặc bên nhà chồng.

Đôi khi các hoạt động của họ hàng thân thuộc cũng có thể tạo ra các xung đột quyền lợi. Nếu bạn biết rằng một người 'họ hàng thân thuộc' làm việc hoặc thực hiện các dịch vụ cho một đối thủ cạnh tranh, khách hàng hoặc nhà cung cấp, bạn phải ngay lập tức thông báo cho Cấp Trên Trực Tiếp của bạn để quyết định xem có cần phải làm gì hay không. Nói chung, họ hàng của bạn không nên có các giao dịch công việc với bạn, với bất cứ người nào làm việc trong bộ phận/phòng ban của bạn, hoặc với bất cứ người nào là cấp dưới của bạn. Ngoài ra, bạn không được tham dự vào việc tuyển dụng, chỉ đạo, gây ảnh hưởng tới các điều khoản và điều kiện của hợp đồng tuyển dụng, hoặc tác động đến việc quản lý họ hàng thân thuộc của bạn, bất kể người đó là nhân viên của NCSP hay nhà thầu của NCSP. Các trường hợp ngoại lệ cần phải được Cấp Trên Trực Tiếp của bạn phê duyệt. Bạn cũng phải cẩn thận thông báo với Cấp Trên Trực Tiếp của bạn nếu bạn có các mối quan hệ khác có thể làm phát sinh, hoặc có biểu hiện làm phát sinh xung đột quyền lợi.

- Hội đồng quản trị:

Đôi khi, một nhân viên có thể được yêu cầu làm trong Hội đồng quản trị của một tổ chức khác và trong một số trường hợp, việc này có thể làm phát sinh xung đột quyền lợi hoặc thậm chí một vấn đề pháp lý. Trước khi chấp nhận chức vụ thành viên Hội đồng quản trị (kể cả cho các tổ chức phi lợi nhuận), nhất thiết phải có phê duyệt bằng văn bản từ Lãnh Đạo Cao nhất NCSP.

- Các khoản đầu tư:

Các nhân viên và người thân cần phải lưu ý để các khoản đầu tư của họ không làm phát sinh xung đột quyền lợi, làm phương hại tới khả năng của nhân viên đó, khi họ thay mặt NCSP đưa ra các quyết định khách quan.

Các xung đột có thể xảy ra nếu thực hiện các khoản đầu tư vào các đối thủ cạnh tranh, nhà cung cấp, hoặc khách hàng. Bất cứ 'quyền lợi đáng kể' nào mà bạn có trong một đối thủ cạnh tranh, nhà cung cấp hoặc khách hàng đều phải được cấp trên trực tiếp của bạn phê duyệt trước bằng văn bản.



'Quyền lợi đáng kể' nghĩa là bất cứ quyền lợi kinh tế nào có thể tác động hoặc có biểu hiện tác động tới phán xét của bạn. (Thông thường, quyền sở hữu dưới 1% cổ phần của một Công ty hiện tại hoặc có tiềm năng là đối thủ cạnh tranh, nhà cung cấp hoặc khách hàng sẽ không bị coi là một "Quyền lợi đáng kể". Nếu không chắc chắn, hãy kiểm tra với cấp trên trực tiếp của bạn hoặc Lãnh Đạo Cao nhất NCSP.

Một số khoản đầu tư chắc chắn là không hợp lệ:

- Đầu tư vào một nhà cung cấp nếu bạn có liên quan đến việc lựa chọn hoặc thẩm định/đánh giá, hoặc thương thảo với nhà cung cấp đó, hoặc nếu bạn là cấp trên của bất cứ người nào có trách nhiệm làm việc đó.
- Đầu tư vào một khách hàng nếu bạn chịu trách nhiệm về các giao dịch với khách hàng đó hoặc là cấp trên của bất cứ người nào có trách nhiệm trong giao dịch đó.

Khai báo xung đột quyền lợi:

- Mỗi nhân viên được yêu cầu hoàn thành Bản Khai báo Xung đột Quyền lợi ngay trong tháng làm việc đầu tiên tại Công ty. Ngoài các nguyên tắc cơ bản nêu trên, tất cả nhân viên được khuyến khích khai báo các xung đột tiềm ẩn như là một biện pháp phòng ngừa. Các thông tin do nhân viên cung cấp trong Bản khai báo sẽ được giữ bí mật bởi Phòng Nhân sự và cấp trên trực tiếp.
- Các nhân viên cần đọc kỹ Bản khai báo xung đột quyền lợi để hiểu đầy đủ các nội dung và tình huống trước khi hoàn thành Bản khai báo. Nếu có nghi ngờ hãy hỏi ý kiến Cấp Trên Trực Tiếp hoặc Phòng Nhân sự.
- Nhân viên cố tình không ký bản Khai báo xung đột quyền lợi và/hoặc không khai báo xung đột quyền lợi đang xảy ra có thể bị xử lý kỷ luật.

c. Rửa tiền

Rửa tiền là quá trình các cá nhân hoặc tổ chức cố gắng che giấu các khoản tiền bất hợp pháp, hoặc làm cho các khoản tiền này có vẻ hợp pháp. NCSP sẽ không chấp nhận, giúp đỡ hoặc ủng hộ việc rửa tiền.

Rất ít cá nhân nhân viên của NCSP có thể bị ở vào một tình thế có thể vi phạm các quy định về 'rửa tiền', nhưng có hai lĩnh vực mà tất cả chúng ta cần phải đề phòng:

- Có sự bất bình thường trong hình thức thanh toán.
- Các khách hàng tỏ ra thiếu trung thực trong hoạt động của họ.

Có sự bất bình thường trong hình thức thanh toán:

NCSP áp dụng các thủ tục tránh nhận tiền mặt có nguồn gốc từ thu nhập bất chính. Cảnh giác với:

- Các khoản thanh toán trả bằng loại tiền tệ khác với loại tiền tệ ghi trong hóa đơn.

- Các cố gắng để thanh toán bằng tiền mặt hoặc các hình thức tương đương tiền mặt.
- Việc thanh toán do một người nào đó không phải là một bên trong hợp đồng (trừ khi được chấp thuận).
- Việc trả tiền vào/từ một tài khoản không phải là tài khoản có quan hệ kinh doanh thông thường.
- Yêu cầu hoặc cố gắng được thanh toán từng hóa đơn hoặc một nhóm các hóa đơn bằng nhiều séc hoặc hối phiếu thanh toán.
- Đề nghị thanh toán nhiều hơn số tiền phải trả.

Hiểu các quy định đối với khách hàng.

LUÔN LUÔN

- Đánh giá sự chính trực của các khách hàng tiềm năng hoặc đối tác kinh doanh khác.
- Thông tin cho các khách hàng biết về các yêu cầu tuân thủ quy định của Công ty.
- Liên tục nắm bắt thông lệ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các khách hàng.
- Không giao dịch với bất cứ khách hàng hoặc đối tác kinh doanh nào bị nghi ngờ có hành vi sai trái liên quan tới các giao dịch với chúng ta trừ khi các mối nghi ngờ đó đã được điều tra, giải quyết.

d. Làm việc với nhà cung cấp

Các nhà cung cấp của NCSP đóng một vai trò hết sức quan trọng trong công tác sản xuất, kinh doanh. Vì vậy chúng ta phải lựa chọn cẩn thận các nhà cung cấp dựa vào năng lực của họ, và đòi hỏi các nhà cung cấp của chúng ta sẽ hành động nhất quán với các yêu cầu về tuân thủ các quy định và đạo đức kinh doanh của chúng ta.

Các quy tắc cơ bản nhân viên phải chấp hành:

- Lựa chọn các nhà cung cấp dựa vào năng lực, tránh xung đột quyền lợi, tránh các hình thức quà biếu và vui chơi giải trí không thích hợp hoặc bất cứ hình thức thiên vị nào có thể làm phương hại tới việc lựa chọn nhà cung cấp.
- Tìm kiếm cơ hội kinh doanh với các nhà cung cấp tuân thủ các yêu cầu pháp lý và hành động phù hợp với cam kết của NCSP về tuân thủ các quy định và đạo đức kinh doanh như nêu trong Bộ quy tắc này.
- Giúp các nhà cung cấp của chúng ta hiểu được các yêu cầu tuân thủ các quy định và đạo đức của NCSP.
- Cảnh giác và báo cáo với cấp quản lý trực tiếp về những hành động không nhất quán với các yêu cầu của các nhà cung cấp.



- Không cung cấp các thông tin kinh doanh bí mật của nhà cung cấp này (giá chào, thông tin trúng thầu, v.v...) cho nhà cung cấp khác.



PHỤ LỤC 3 -

THỎA THUẬN GIỮ BÍ MẬT CÁ NHÂN

Xem xét việc được phép thực hiện công việc ("**CÔNG VIỆC**") theo hợp đồng giữa NAMCONSON PIPELINE CO. (**CÔNG TY**) và CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ VIỆT TÍN (**NHÀ THẦU**), người ký tên dưới đây (**NHÂN SỰ**) cam kết với CÔNG TY:

1. Rằng, nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của CÔNG TY liên quan đến bất kỳ thông tin bí mật nào thuộc về CÔNG TY hoặc bất kỳ bên liên kết nào của CÔNG TY (bao gồm nhưng không giới hạn bởi các thông tin bí mật về hồ sơ, công thức, quy trình và phương pháp chế tạo, và các thông tin bí mật về kinh doanh của CÔNG TY...) mà CÔNG TY có thể giao cho NHÂN SỰ (các thông tin bí mật này sau đây được gọi là "**Thông tin mật**"), NHÂN SỰ sẽ không:
 - (a) tiết lộ với bất kỳ bên thứ ba nào về việc Thông tin mật có thể hoặc đã được giao cho NHÂN SỰ;
 - (b) sao chép, sao chụp hoặc sử dụng, tiết lộ, để cho tùy ý sử dụng hoặc sử dụng thay mặt cho bất kỳ bên thứ ba nào, hoặc cho phép bất kỳ bên thứ ba nào nghiên cứu, sao chép hoặc sử dụng bất kỳ Thông tin mật nào hoặc các tài liệu khác, các thông số, bản vẽ hay các thông tin khác hoặc bất kỳ phần nào của tài liệu / thông tin:
 - i) được CÔNG TY giao cho NHÂN SỰ sử dụng để thay mặt CÔNG TY thực hiện CÔNG VIỆC;
 - ii) mà NHÂN SỰ có thể, bằng bất kỳ cách nào, thu thập được từ CÔNG TY hoặc bất kỳ đơn vị nào của CÔNG TY và tài liệu / thông tin đó trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến CÔNG VIỆC;
 - iii) mà NHÂN SỰ đã hoặc sẽ soạn thảo liên quan đến CÔNG VIỆC, trong chừng mực mà Thông tin mật hoặc các tài liệu, bản vẽ, thông số đó và các thông tin khác bao hàm bất kỳ thông tin nào được giao cho NHÂN VIÊN sử dụng hoặc được thu thập bởi NHÂN VIÊN như đề cập ở mục (1) và (ii) ở trên.
2. Rằng NHÂN SỰ, khi chấm dứt việc tham gia của mình vào CÔNG VIỆC, sẽ hoàn trả lại cho CÔNG TY toàn bộ Thông tin mật hoặc các tài liệu, bản vẽ, thông số hoặc các thông tin khác như được đề cập ở Điều 1 của Thỏa thuận này.
3. Rằng việc cam kết như đề cập ở Điều 1 của Thỏa thuận này sẽ không áp dụng đối với các thông tin mà các thông tin đó:
 - (i) là hoặc trở thành bộ phận của thông tin đại chúng; hoặc
 - (ii) thuộc sở hữu của NHÂN SỰ trước khi có HỢP ĐỒNG và không thuộc bất kỳ nghĩa vụ về giữ bí mật nào đối với CÔNG TY; hoặc
 - (iii) được nhận từ một bên thứ ba mà việc sở hữu thông tin của bên thứ ba đó là hợp pháp và bên đó không có nghĩa vụ giữ bí mật; hoặc
 - (iv) được yêu cầu tiết lộ nhằm tuân thủ các yêu cầu của luật pháp hoặc qui định của bất kỳ cơ quan chính phủ hay cơ quan điều hành nào có pháp quyền đối với CÔNG VIỆC hoặc đối với NHÂN SỰ.
4. Thỏa thuận này được hiểu theo và điều chỉnh bởi pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam.

DƯỚI SỰ CHỨNG KIẾN, các bên đã cùng ký kết Thỏa thuận này vào ngày tháng năm được ghi dưới đây.

Thay mặt cho

NAMCONSON PIPELINE CO.

(Chữ ký).....
(Họ tên) _____

(Ngày).....

NHÂN SỰ được ủy nhiệm của **NHÀ THẦU**

(Chữ ký).....
Họ tên: _____

(Ngày).....

(Chữ ký).....
Họ tên: _____

(Ngày).....



PHẦN 3 PHẠM VI CUNG CẤP

Hợp đồng số: C-
Cung cấp dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế cho NCSP (02/2026 - 02/2029)



**PHẠM VI CUNG CẤP DỊCH VỤ
VẬN CHUYỂN VÀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHO NCSP
GIAI ĐOẠN 03 NĂM (02/2026- 02/2029)**

I. GIỚI THIỆU CHUNG



NHÀ THẦU được yêu cầu cung cấp dịch vụ thu gom, tập hợp, vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế, khai báo hải quan và các dịch vụ giao hàng từ các địa điểm của NHÀ CUNG CẤP ở nước ngoài mà CÔNG TY mua hàng như Anh Quốc, Ý, Singapore, USA, Úc, ...

Sau khi thu gom, kiểm đếm và tập hợp tại chỗ, lô hàng sẽ được vận chuyển bằng phương pháp vận chuyển (hàng không/đường biển/đường bộ) nhanh nhất và có hiệu quả chi phí nhất về Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn (xã Long Điền, TP Hồ Chí Minh)) qua cảng/sân bay ở thành phố Hồ Chí Minh hoặc Vũng Tàu, dựa trên các thông số vận chuyển đã thỏa thuận.

Ngoài ra, CÔNG TY cũng yêu cầu dịch vụ vận chuyển máy móc thiết bị (Thiết bị) ra nước ngoài nhưng ở mức độ ít hơn. NHÀ THẦU phải thu gom, đóng gói, vận chuyển Thiết bị Dầu khí của CÔNG TY bao gồm cả thiết bị của các nhà thầu của CÔNG TY từ kho tại Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn (Số 44 xã Long Điền, TP Hồ Chí Minh) đến các địa điểm được thông báo ở nước ngoài.

Dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế dự kiến sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn những nội dung sau đây:

- Tiếp nhận dữ liệu Đơn Đặt Hàng bằng file PDF qua email .
- Thu gom và kiểm đếm hàng hóa theo Đơn Đặt Hàng.
- Tập hợp và đóng gói hàng hóa theo Đơn Đặt Hàng.
- Chuẩn bị tất cả các chứng từ vận chuyển bao gồm cả xuất khẩu và nhập khẩu.
- Sắp xếp vận chuyển.
- Cung cấp tình trạng Đơn Đặt Hàng bằng Báo cáo giao nhận thông tin đầy đủ của tất cả các Đơn hàng hai tuần hay 1 tháng lần bằng file excel gửi qua email.
- Làm việc với Cơ quan Hải quan để thông quan hàng hóa.

NHÀ THẦU phải có khả năng tiếp nhận dữ liệu, cập nhật Đơn Đặt Hàng gửi qua email từ CÔNG TY và gửi email dữ liệu cập nhật hằng tuần tình trạng Đơn Đặt Hàng cho CÔNG TY liên tục.

II/ PHẠM VI CÔNG VIỆC

- **Thời gian thực hiện :**
03 năm từ ngày 02/2026 đến 02/2029.

1. TIẾP NHẬN ĐƠN HÀNG

Khi nhận dữ liệu đơn đặt hàng bằng file mềm gửi qua email, NHÀ THẦU sẽ liên lạc với NHÀ CUNG CẤP để xác nhận:

- NHÀ CUNG CẤP đã nhận được đơn đặt hàng ban đầu.
- NHÀ CUNG CẤP hiểu tất cả các hướng dẫn về chứng từ, đóng gói, ghi nhãn hiệu và ký mã hiệu hàng hoá.
- NHÀ CUNG CẤP có thể thực hiện theo ngày giao hàng/ kế hoạch sản xuất trong đơn đặt hàng.



- NHÀ THẦU sẽ duy trì liên lạc thường xuyên với tất cả các NHÀ CUNG CẤP và theo dõi thông tin giao hàng, tình trạng tuân thủ các yêu cầu của đơn đặt hàng và báo lại các thông tin đó cho CÔNG TY bằng email hằng ngày và báo cáo vào thứ Sáu mỗi tuần. NHÀ THẦU sẽ phối hợp và tiến hành thu gom, vận chuyển hàng hoá mà CÔNG TY mua từ địa điểm giao hàng của NHÀ CUNG CẤP đến cơ sở chỉ định của NHÀ THẦU để vận chuyển tới địa điểm cuối cùng (Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn tại Số 44 xã Long Điền, TP Hồ Chí Minh). Tùy thuộc vào các điều khoản giao hàng trong hợp đồng, NHÀ THẦU hoặc là sẽ trực tiếp thu gom hàng hóa từ địa điểm giao hàng của NHÀ CUNG CẤP hoặc gọi yêu cầu NHÀ CUNG CẤP gửi hàng đến sân bay hoặc cảng thích hợp.
- Tất cả hàng hóa nhận được sẽ được kiểm tra về điều kiện đóng gói; đúng nhãn hiệu và số lượng kiện hàng. Sau khi có thông báo về bất kỳ thiệt hại nào đối với hàng hóa khi đến, NHÀ THẦU sẽ gửi Báo Cáo Thiệt Hại và hình ảnh của hàng hóa cho CÔNG TY và Nhà cung cấp. NHÀ THẦU sẽ thu xếp để Kiểm Tra Kỹ Thuật / Giám Định Thiệt Hại nếu CÔNG TY yêu cầu và thông báo.
- Thông báo cho các bên và phối hợp giải quyết sự sai khác giữa hàng hóa thực tế giao và mô tả hàng hóa trong đơn đặt hàng (số lượng, vật liệu, mô tả, mã hàng (part number)...) với NHÀ CUNG CẤP và với CÔNG TY theo yêu cầu.
- NHÀ THẦU sẽ phát hành, theo dõi, kiểm tra tất cả các tài liệu do tất cả các bên cung cấp về nội dung và tính tuân thủ các quy định và yêu cầu của nước xuất khẩu. NHÀ THẦU sẽ kiểm tra nội dung của tài liệu và việc phân phối tài liệu theo yêu cầu.
- Lựa chọn hình thức đóng gói và vật liệu phù hợp theo đơn đặt hàng đã thỏa thuận với CÔNG TY.
- NHÀ THẦU sẽ liên hệ với Công Ty Bảo Hiểm PVI để phối hợp cung cấp thông tin sau khi đóng gói để hoàn thành Đơn bảo hiểm cho NCSP theo hợp đồng bảo hiểm bao trọn gói đã ký giữa PVI và NCSP.
- NHÀ THẦU sẽ quản lý việc vận chuyển, bốc xếp hàng hóa CÔNG TY từ cơ sở của NHÀ THẦU đến điểm tập kết gửi hàng. Lựa chọn và đề xuất với Công ty hình thức vận chuyển phù hợp để đáp ứng tất cả các yêu cầu vận chuyển trong nước và quốc tế.
- Trong quá trình thực hiện việc giao nhận và vận chuyển, nếu có khó khăn hoặc vấn đề phát sinh, NHÀ THẦU sẽ làm việc với NHÀ CUNG CẤP để giải quyết vấn đề và sau đó thông báo cho CÔNG TY.
- NHÀ THẦU phải cung cấp các Dịch vụ làm việc với Cơ quan Hải quan liên quan đến việc hỗ trợ hoàn thành các quy trình và thủ tục nhập khẩu / xuất khẩu hàng hóa của CÔNG TY từ/đến bao gồm nhưng không giới hạn các địa điểm: thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh hoặc Bà Rịa –Vũng Tàu.
- NHÀ THẦU sẽ thay mặt NCSP đóng thuế nhập khẩu, thuế VAT và các phí, lệ phí liên quan đến các thủ tục Hải quan và các dịch vụ bắt buộc cho cơ quan nhà nước để thông quan các lô hàng. NCSP sẽ ứng trước 200.000.000 VNĐ vào tài khoản của NHÀ THẦU để NHÀ THẦU hỗ trợ NCSP thực hiện các công việc này.



2. CƠ SỞ VÀ QUY TRÌNH BỐC DỠ/ TẬP HỢP

- 2.1 NHÀ THẦU sẽ sắp xếp hoặc cung cấp các cơ sở đóng gói, đóng thùng và bốc dỡ ở các khu vực cung cấp chính để chuyên chở bằng công-ten-nơ hoặc thu gom hàng hóa nhằm mục đích tăng cường an toàn và bảo vệ, giảm chi phí và tạo điều kiện thuận lợi cho tần suất vận chuyển được nâng cao. Các cơ sở bốc dỡ/ thu gom này phải có các thiết bị an ninh hiện đại, cầu trục và xe nâng hàng.
- 2.2 Hàng hóa nhận được sẽ được:
- Kiểm tra số lượng, chủng loại và tình trạng tem đóng gói; bảo đảm hàng hóa trong trạng thái còn nguyên đai, nguyên kiện..
 - Kiểm tra bên ngoài xem có bị vỡ, hư hỏng hay thiếu hụt; kiểm tra về đóng gói, ký mã hiệu và ghi nhãn.
 - Kiểm tra để đóng gói lại theo các tiêu chuẩn trong hợp đồng với CÔNG TY.
 - Nhập thông tin chi tiết việc nhận hàng vào Hệ Thống theo dõi vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế của NHÀ THẦU và sau đó hệ thống sẽ gửi dữ liệu cập nhật cho CÔNG TY thường xuyên bằng trang web điện tử và email mỗi ngày.
- 2.3 NHÀ THẦU sẽ thay mặt CÔNG TY thực hiện kiểm tra chi tiết từng hạng mục hàng hóa nhận được từ các NHÀ CUNG CẤP. Sau đây là những yêu cầu tối thiểu để kiểm tra hàng hóa phù hợp với Đơn Đặt Hàng:
- Mô tả hàng hóa
 - Số lượng
 - Số hiệu chi tiết, số serial, số model
 - Số đo
 - Giấy chứng nhận, tài liệu yêu cầu
- 2.4 NHÀ THẦU sẽ chịu trách nhiệm điều phối và lập kế hoạch kiểm tra của bên thứ ba (nếu có) thay mặt cho CÔNG TY theo yêu cầu của CÔNG TY.
- 2.5 Hàng hóa đã tập hợp sẽ được đóng gói thích hợp. Phiếu Đóng Gói sẽ được phát hành phù hợp.
- 2.6 Sau khi hoàn thành mỗi lần tập hợp, Bộ chứng từ vận chuyển sẽ được gửi cho CÔNG TY hoặc theo hướng dẫn của CÔNG TY:
- Bản sao số Đơn Đặt Hàng.
 - Bản sao Phiếu Đóng Gói – nêu chi tiết số lượng, loại thùng/kiện, trọng lượng/khối lượng.
 - Hóa Đơn Vận Chuyển
 - Bản sao Giấy Chứng Nhận Nhận Hàng.
 - Các chứng nhận khác do nhà cung cấp cung cấp.
 - Vận đơn đường hàng không (AWB) hoặc vận đơn đường biển (B/L).
- 2.7 Nếu hàng hóa đã được tập hợp để vận chuyển nhưng ít hơn tải trọng của công-ten-nơ có sẵn và yêu cầu phải chuyển hàng ngay, thì NHÀ THẦU sẽ tiến hành vận chuyển hàng lẻ LCL. NHÀ THẦU cũng sẽ đưa ra các phương án vận chuyển thay thế để đảm bảo

hiệu quả về thời gian và chi phí nếu chỉ một phần của Lô hàng nói trên yêu cầu vận chuyển gấp.

2.8 Lập kế hoạch và đặt vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không:

Chỉ Đại diện có thẩm quyền của NHÀ THẦU hoặc các đại lý ủy quyền của NHÀ THẦU mới được đặt vận chuyển hàng hóa. NHÀ THẦU sẽ sử dụng hãng vận tải lớn nếu có thể.

NHÀ THẦU sẽ giám sát việc vận chuyển bằng đường hàng không sau khi xuất phát và trong quá trình vận chuyển để đảm bảo có thông tin chính xác và dữ liệu điện tử liên quan được nhập và thông báo cho CÔNG TY về tình trạng giao hàng của từng chuyến hàng.

NHÀ THẦU được yêu cầu phải cung cấp cho CÔNG TY các báo giá cạnh tranh của các hãng hàng không để công ty xem xét phê duyệt (trong trường hợp có yêu cầu vận chuyển từ các khu vực đặc biệt và chưa được quy định trong hợp đồng)

2.9 Lập kế hoạch và đặt vận chuyển hàng hóa bằng đường biển

Chỉ Đại diện có thẩm quyền của NHÀ THẦU hoặc các đại lý ủy quyền của NHÀ THẦU mới được đặt vận chuyển hàng hóa. NHÀ THẦU sẽ sử dụng hãng vận tải lớn nếu có thể.

NHÀ THẦU sẽ giám sát việc vận chuyển bằng đường biển sau khi xuất phát và trong quá trình vận chuyển để đảm bảo có thông tin chính xác và dữ liệu điện tử liên quan được nhập và thông báo cho CÔNG TY về tình trạng giao hàng của từng chuyến hàng.

NHÀ THẦU được yêu cầu phải cung cấp cho CÔNG TY các báo giá cạnh tranh của các hãng vận tải đường biển để công ty xem xét phê duyệt (trong trường hợp có yêu cầu vận chuyển từ các khu vực đặc biệt và chưa được quy định trong hợp đồng)

NHÀ THẦU sẽ cho phép công ty tham gia vào các cuộc thảo luận về mức phí với các tàu vận chuyển.

CÔNG TY từng thời điểm có thể yêu cầu NHÀ THẦU đàm phán một phần hoặc toàn bộ hợp đồng thuê tàu thương mại. CÔNG TY có quyền tham gia trực tiếp vào bất kỳ cuộc đàm phán nào như vậy. Tất cả các hợp đồng thuê tàu đều phải có sự chấp thuận trước, bằng văn bản của đội ngũ Hậu cần của CÔNG TY.

NHÀ THẦU sẽ giám sát lô hàng vận chuyển bằng đường biển sau khi xuất phát và trong quá trình vận chuyển để đảm bảo có thông tin chính xác về tình trạng giao hàng của từng chuyến hàng.

3. DỊCH VỤ KHAI BÁO HẢI QUAN NHẬP KHẨU / XUẤT KHẨU

NHÀ THẦU phải cung cấp các dịch vụ nhập khẩu / xuất khẩu, chi tiết như sau:

- 1.1 Kiểm tra thủ tục giấy tờ vận chuyển nhận được từ Người gửi hàng để đảm bảo tất cả các thông tin được cung cấp là chính xác và phù hợp với các quy định hải quan, quy định về vận chuyển quốc tế và yêu cầu của CÔNG TY.



- 1.2 Thực hiện và nộp Tờ khai hải quan với các thủ tục giấy tờ vận chuyển khác đến trụ sở hải quan, để thực hiện thủ tục hải quan và thông quan lô hàng nhập khẩu khi đến ở Việt Nam
- 1.3. Sắp xếp các hạng mục văn hóa sẽ kiểm tra, và giấy phép nhập khẩu / xuất khẩu được cấp bởi Cục Hàng văn hóa nhập khẩu / xuất khẩu.
- 1.4. Sắp xếp có được giấy phép nhập khẩu / xuất khẩu có liên quan đối với hàng hóa đặc biệt như chất phóng xạ / vật liệu nổ do các cơ quan chính phủ cấp.
- 1.5 Nhà thầu thực hiện các dịch vụ kiểm định chất lượng hàng hóa, các tiêu chuẩn an toàn theo quy định nhà nước và Hải quan.

4. TỔ CHỨC, TRÁCH NHIỆM & THÔNG BÁO

4.1 Tổ chức & Quản lý

Với việc mở rộng các địa điểm của nhà cung cấp về mặt địa lý và quốc tế, NHÀ THẦU sẽ thiết lập mạng lưới đại lý thu gom hàng đầy đủ để quản lý để kiểm soát trình tự vận chuyển hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn dịch vụ được yêu cầu., số Các đại lý của NHÀ THẦU sẽ thực hiện kiểm soát và chịu trách nhiệm liên hệ với nhà cung cấp và vận chuyển hàng từ trong phạm vi khu vực tương ứng và báo cáo trực tiếp cho Công ty.

NHÀ THẦU cử đại diện chịu trách nhiệm liên hệ cập nhật ,xử lý thông tin liên tục trong quá trình thực hiện dịch vụ cho Công ty

4.2 Quản lý và Trách nhiệm kiểm soát dịch vụ

Dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế sẽ được quản lý trực tiếp bởi NHÀ THẦU. Một nhóm chuyên biệt sẽ được thành lập với mục đích duy nhất là cung cấp dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế và vận chuyển tổng hợp đầy đủ. Nhóm này sẽ do Người quản lý có trách nhiệm đối với Dịch vụ của NHÀ THẦU đứng đầu. Người quản lý có trách nhiệm đối với Dịch vụ này sẽ chịu trách nhiệm về việc Mua sắm của CÔNG TY và các nhóm Hậu cần về bất kỳ vấn đề hợp đồng nào cũng như các vấn đề hàng ngày nếu cần.

NHÀ THẦU chịu mọi chi phí khi hàng hóa chuyển sai địa chỉ và chịu trách nhiệm về những tổn thất của CÔNG TY (nếu có) do hàng về không đúng tiến độ làm ảnh hưởng đến sản xuất.

4.3 Tổ chức tập hợp ở khu vực

Quy mô của trung tâm dịch vụ khu vực phụ thuộc vào nguồn cung ứng vật liệu và trang thiết bị và trọng tải tương ứng. Các điểm tập hợp của khu vực sẽ được thành lập nhằm kiểm tra và kiểm định hàng hóa bên ngoài với dữ liệu Đơn Đặt Hàng và để tập hợp hàng hóa nhằm tiết kiệm chi phí vận chuyển nếu có thể.

Các điểm tập hợp sẽ phụ thuộc vào nguồn gốc hàng hóa. Các điểm tập hợp chính được liệt kê cụ thể trong biểu chào giá.

4.4 Hệ thống thông tin:

- NHÀ THẦU trúng thầu sẽ chịu toàn bộ chi phí để thiết lập trang web Hệ Thống Theo Dõi Vận Tải trong việc thực hiện dịch vụ.

NHÀ THẦU phải có Hệ Thống Theo Dõi Vận Tải để cập nhập thường xuyên tình trạng từng Đơn hàng.

Ngoài ra, NHÀ THẦU phải cung cấp cho CÔNG TY các thông tin sau:

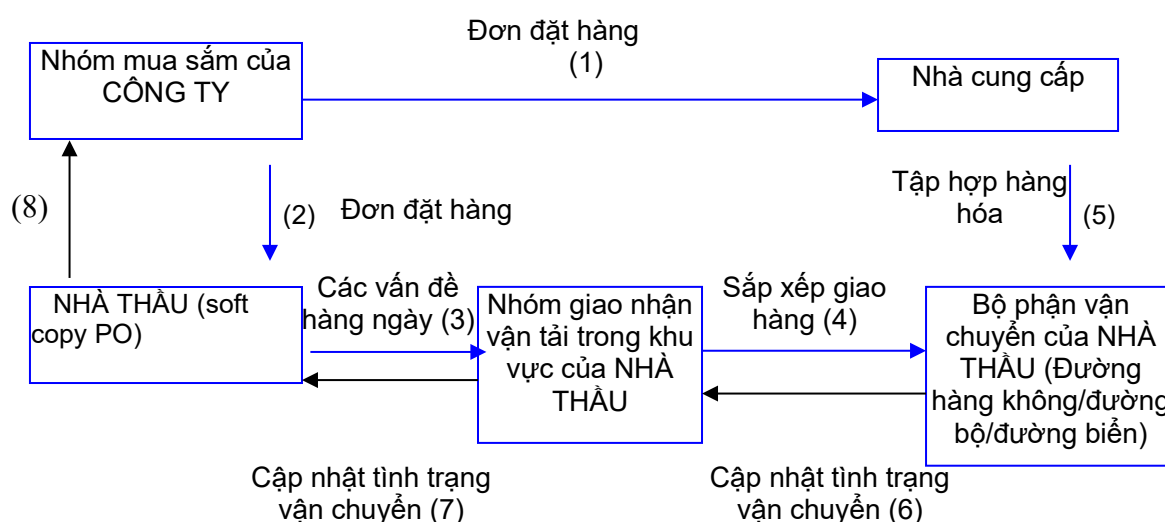
Báo cáo theo dõi vận chuyển:

- Cập nhập và duy trì hàng ngày trong suốt quá trình vận chuyển.

Báo cáo Chi phí vận chuyển:

- Bản cập nhập chi phí hàng tháng .

5. QUY TRÌNH VÀ HỆ THỐNG LÀM VIỆC



(1) Đơn Đặt Hàng đã phê duyệt của nhóm mua sắm được gửi cho nhà cung cấp.

(2) Đơn Đặt Hàng đã phê duyệt của nhóm mua sắm ở hệ thống Maximo sẽ được gửi đến NHÀ THẦU bằng file PDF qua email.

(3) Các Đơn Đặt Hàng được chuyển cho hệ thống của Công ty Vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế (Nhóm vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế khu vực của Nhà thầu).

(4) Nhóm vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế khu vực của NHÀ THẦU sẽ kiểm soát các Đại lý của họ để bố trí giao hàng của nhà cung cấp cho phù hợp

(5) Thực hiện tập hợp hàng hóa bằng cách chuyển cho nhà thầu từ các nhà cung cấp.

(6) + (7) Nhóm vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế khu vực của Nhà thầu /các Đại lý cập nhật tình trạng vận chuyển đầy đủ thông tin về việc xúc tiến tất cả các Đơn Đặt Hàng.

(8) Nhà thầu cập nhật tình trạng hàng hóa cho Công ty.

6.0. HÀNG HÓA NGUY HIỂM

- 6.1. Phải luôn luôn có phiếu an toàn hóa chất (SDS) của nhà sản xuất và bản dịch Tiếng Việt ở tất cả các lần nhận hóa chất vào kho của CÔNG TY.
- 6.2. Xử lý và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm như diesel, LPG, methanol, Nitrogen, Sơn, Hypochloride, chất ức chế ăn mòn, ... bằng đường hàng không và đường biển PHẢI thực hiện theo Quy chế hàng hóa nguy hiểm của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) & Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (ICAO) và Bộ luật Quốc tế về vận chuyển hàng nguy hiểm đường biển (IMDG). Đối với hàng hóa được vận chuyển bằng đường bộ hay đường thủy nội địa, lái xe và phương tiện vận chuyển phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam (Nghị định 42/2020/NĐCP).

7.0- YÊU CẦU TỐI THIỂU VỀ PHƯƠNG TIỆN

Sau đây là yêu cầu tối thiểu để NHÀ THẦU luôn luôn tuân thủ khi vận chuyển và giao hàng cho các cơ sở của CÔNG TY.

PHƯƠNG TIỆN – ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT TỐI THIỂU:

Thiết kế:

- Các phương tiện được giữ nguyên thiết kế của nhà sản xuất, không nâng cấp, chỉnh sửa và hoán cải mục đích sử dụng (trừ khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép).
- Hàng hóa phải được ràng, buộc, che phủ tránh ảnh hưởng của thời tiết và phù hợp các yêu cầu của luật giao thông đường bộ. Các chốt, móc khóa của công-ten-nơ, kiện hàng luôn được sử dụng đúng cách và đảm bảo an toàn cho hàng hóa, người và phương tiện cùng tham gia giao thông.

Bảo trì:

- Phương tiện không bị rò rỉ dầu ở động cơ, hộp số, v.v.
- Phương tiện và các thiết bị được trang bị cho xe, có trong chương trình bảo trì (với khoảng thời gian không quá 6 tháng) có hồ sơ thích hợp được lưu giữ.

Lốp, Phanh:

- Lốp xe lắp lại không được sử dụng trên trục lái.
- Tất cả các phương tiện đều có hệ thống phanh đầy đủ chức năng có bộ phanh và đĩa phanh đáp ứng dung sai hao mòn tối thiểu.

Tầm nhìn:

- Phương tiện được trang bị gương cánh bên trái và bên phải, và gương lùi cho điểm mù.
- Phương tiện được trang bị đèn chiếu sáng gần và xa, đèn báo rẽ, đèn hiệu đuôi / đèn phanh và cần gạt nước kính chắn gió.

Tầm nhìn xa & Bảo vệ người đi đường khác:

- Phương tiện phải có còi / thiết bị cảnh báo hoạt động được.
- Phương tiện được trang bị báo động phía sau, báo hiệu lùi bằng âm thanh và đèn.
- Phương tiện được trang bị tấm chắn bùn và nắp chắn bùn.

- Phương tiện chuyên chở phải có phía thiết bị bảo vệ phía sau và hai bên sườn để bảo vệ chống lại thiệt hại do va chạm và tránh nguy hiểm cho các phương tiện khác cùng tham gia giao thông

An toàn của lái xe & hành khách:

- Phương tiện được trang bị đai an toàn cho mỗi ghế ngồi.
- Tất cả các cửa sổ (cửa lên xuống, kính chắn gió, và phía sau cabin) được trang bị kính an toàn không làm giảm tầm nhìn, không gây sát thương (tức là kính dạng hạt lựu hoặc 2 lớp có dán keo và không có vết nứt, v.v..)
- Tất cả các thiết bị mà nhà sản xuất lắp đặt trên xe nhằm đảm bảo an toàn cho người, xe và hàng hóa phải hoạt động được và trong tình trạng tốt.

Để đảm bảo an toàn phương tiện phải được trang bị 2 biển báo nguy hiểm hình tam giác Bộ dụng cụ sơ cứu Các công cụ cơ bản, kích nâng, lốp dự phòng / và miếng chèn bằng gỗ, dụng cụ thay bánh xe. Bình chữa cháy phù hợp với chủng loại xe và hàng hóa nếu có sự cố xảy ra.

An toàn tải trọng:

- Tổng trọng lượng hàng hoá không được vượt quá khả năng chịu tải an toàn đã đăng ký của xe và không vượt quá chiều dài, chiều ngang thùng xe đã đăng ký.
- Trong trường hợp hàng quá khổ, quá tải thì phải có giấy cho phép của cơ quan quản lý đường bộ cho phép xe lưu thông theo đường được phê duyệt từ kho của NHÀ THẦU đến kho của CÔNG TY, chiều vượt quá phía sau xe phải được đánh dấu rõ ràng bằng lá cờ đỏ hoặc biển báo được chiếu sáng trong quá trình vận chuyển qua đêm.
- Tải trọng phải được trải đều trên toàn chiều rộng của xe (xe romoóc, sàn phẳng, v.v.)

An toàn xếp dỡ:

- Phương tiện để vận chuyển nguyên vật liệu và thiết bị phải phù hợp với mục đích về kích thước, tải trọng, phương thức bốc dỡ của cả hai bên. Nếu có kiện hàng mà không thể tự xử lý bằng các phương pháp an toàn, thì phương tiện đã chọn phải được dùng để dỡ hàng khỏi các sườn xe (bằng xe nâng) hoặc bằng cần cẩu.
- Nếu chọn phương án xếp dỡ bằng xe nâng thì NHÀ THẦU phải sử dụng xe có thể mở thùng hàng từ 2 bên sườn xe.
- Các kiện hàng thiết kế dùng cho xếp dỡ bằng xe nâng NHÀ THẦU không được chèn, đẩy vào trong xe thùng làm mất an toàn hoặc không thể xếp dỡ khi đến nhà máy, kho bãi của CÔNG TY.

8. CÁC YÊU CẦU KHÁC:

- Khi giao hàng tại địa chỉ người nhận hàng của CÔNG TY, phải cung cấp các giấy tờ sau đây cho người nhận để kiểm tra việc nhận hàng và ký tên:
 - Phiếu Giao Hàng: đánh dấu tất cả các chi tiết hàng hoá: Người gửi hàng/nhận hàng, địa chỉ, Số kiện hàng, trọng lượng, kích thước,, v.v.
 - Phiếu Đóng Gói cùng hóa đơn thương mại, AWB, B/L, v.v.
- Bảng dữ liệu an toàn vật liệu (SDS) phải đính kèm với giấy tờ giao hàng đối với hàng hóa nguy hiểm.



PHẦN 4

GIÁ CẢ HỢP ĐỒNG VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

Hợp đồng số: C-
Cung cấp dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế cho NCSP (02/2026 - 02/2029)



GIÁ CẢ HỢP ĐỒNG VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

1.	KHÁI QUÁT	3
2.	HUY ĐỘNG VÀ GIẢI TỎA NHÂN LỰC VÀ PHƯƠNG TIỆN	3
3.	GIÁ CẢ HỢP ĐỒNG	3
	3.1 Yêu cầu chung.....	3
	3.2 Thanh toán cho các yêu cầu bổ sung.....	4
4.	CÁC DỊCH VỤ CỦA BÊN THỨ BA.....	4
5.	GIÁ CỐ ĐỊNH	4
6.	ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN VÀ HÓA ĐƠN	4
	6.1 Kết toán hàng tháng và phát hóa đơn	4
	6.2 Thanh toán.....	5
7.	PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG	6
8.	BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG	6

Phụ lục 1 – THỦ TỤC VIẾT HÓA ĐƠN

Phụ lục 2 – BẢNG GIÁ

Phụ lục 3 – BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG



1. KHÁI QUÁT

- 1.1 Giá cả được nêu chi tiết ở phần này sẽ bao gồm tất cả các chi phí mà NHÀ THẦU phải chịu khi tuân thủ các điều khoản và điều kiện của HỢP ĐỒNG, và sẽ là tổng giá trị phải trả cho NHÀ THẦU khi xét thấy hiệu quả CÔNG VIỆC tốt.
- 1.2 NHÀ THẦU sẽ được thanh toán theo giá cả quy định trong Bảng giá qui định tại **Điều 7** để thực hiện CÔNG VIỆC theo yêu cầu của ĐẠI DIỆN CÔNG TY.
- 1.3 NHÀ THẦU không được nhận tiền công đối với:
- i. CÔNG VIỆC không được thực hiện theo HỢP ĐỒNG
 - ii. Nhân sự và/hoặc thời gian phục vụ của phương tiện không hiệu quả:
 - (a) do NHÀ THẦU cung cấp thiếu hoặc cung cấp chậm nhân sự, phương tiện, vật tư, thông tin...miễn là CÔNG TY đã gửi thông báo đầy đủ về nhu cầu cung cấp này; và/hoặc
 - (b) do phía NHÀ THẦU thiếu hoạch định miễn là CÔNG TY đã cung cấp thời gian và thông tin hoạch định đầy đủ mà NHÀ THẦU yêu cầu.
 - iii. Khi CÔNG VIỆC không được thực hiện như và khi CÔNG TY yêu cầu do không có nhân sự của NHÀ THẦU hoặc phương tiện của NHÀ THẦU không thể hoạt động được hoặc vì bất cứ lý do nào không phải do sự sơ suất hay lỗi của CÔNG TY, và
 - iv. bất cứ phương tiện và/hoặc nhân sự bổ sung nào mà không được quy định trong HỢP ĐỒNG trừ khi được yêu cầu đặc biệt với giá cả được ĐẠI DIỆN CÔNG TY chấp thuận bằng văn bản.
- 1.4 Tất cả giá cả của hợp đồng đều bằng **Đồng Việt Nam (VNĐ)**

2. HUY ĐỘNG VÀ GIẢI TỎA NHÂN LỰC VÀ PHƯƠNG TIỆN

Trừ khi có quy định khác trong HỢP ĐỒNG, NHÀ THẦU bằng chi phí của mình sẽ chịu trách nhiệm huy động nhân sự và phương tiện từ cơ sở của mình đến các địa điểm của CÔNG TY và ngược lại để thực hiện CÔNG VIỆC/ DỊCH VỤ.

3. GIÁ CẢ HỢP ĐỒNG

3.1 Yêu cầu chung

NHÀ THẦU sẽ cung cấp DỊCH VỤ theo yêu cầu như quy định tại Phần 2- Phạm vi Công việc và tại Bảng giá qui định tại Phụ lục 2 phần này.

Tổng giá trị ước tính của hợp đồng sẽ không vượt quá **(Bảng chữ:)**, đã bao gồm toàn bộ chi phí liên quan như quy định tại Phụ lục 2 (bao gồm VAT).

Thuế suất VAT trong thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được áp dụng theo quy định của Chính phủ tại từng thời điểm xuất hóa đơn.

Việc thanh toán sẽ căn cứ trên thực tế sử dụng dịch vụ. CÔNG TY sẽ từ chối thanh toán bất kỳ hóa đơn nào nếu giá trị cộng dồn tính đến hóa đơn đó kể từ khi bắt đầu thực hiện dịch vụ



lớn hơn giá trị ước tính nêu trên trừ khi có thỏa thuận bằng văn bản chính thức của hai bên.

3.2 Thanh toán cho các yêu cầu bổ sung

Tất cả các dịch vụ, nhân lực mà CÔNG TY yêu cầu bổ sung cho Phạm vi Công việc và không có trong Bảng giá sẽ được thanh toán trên cơ sở thực tế dựa theo báo giá NHÀ THẦU đã đệ trình và được CÔNG TY chấp thuận bằng văn bản trước khi bắt đầu cung cấp bổ sung.

4. CÁC DỊCH VỤ CỦA BÊN THỨ BA

Nếu CÔNG TY yêu cầu các dịch vụ của bên thứ ba theo HỢP ĐỒNG này và NHÀ THẦU cung cấp các dịch vụ đó, thì NHÀ THẦU sẽ được thanh toán trên cơ sở thực tế sử dụng dịch vụ.

5. GIÁ CỐ ĐỊNH

Các mức giá quy định trong Bảng giá là cố định trong thời gian thực hiện HỢP ĐỒNG.

6. ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN VÀ HÓA ĐƠN

6.1 Kết toán hàng tháng và phát hóa đơn

6.1.1 Kết toán hàng tháng: Trong vòng 02 ngày đầu của mỗi tháng, CÔNG TY phải xem xét và phê duyệt Bảng chấm ngày công và số giờ làm thêm của Nhân viên PCCC trong tháng trước đó. Ngay khi thông báo phê duyệt của Công ty được gửi cho Nhà thầu, thì NHÀ THẦU sẽ xuất hóa đơn chính thức của Bộ Tài chính theo Kết toán hàng tháng đã được duyệt và gửi cho CÔNG TY để tiến hành thanh toán. Trong trường hợp cần điều chỉnh thêm về giá trị hóa đơn, như đã bàn bạc và nhất trí giữa các bên, thì sẽ điều chỉnh vào giá trị hóa đơn của tháng tiếp theo và không tính lãi đối với cả CÔNG TY và NHÀ THẦU.

6.1.2 Kết toán CÔNG VIỆC đã thực hiện của Tháng trước sẽ gồm một hóa đơn có ghi số HỢP ĐỒNG, và bộ chứng từ và thông tin có liên quan.

Bộ chứng từ thanh toán bao gồm:

- Hóa đơn tài chính (ghi rõ số HỢP ĐỒNG);
- Bảng tổng hợp các chi phí;
- Bảng chấm công có xác nhận của đại diện NCSP;
- Chứng từ khác liên quan (nếu có)

6.1.3 Các hóa đơn được đánh số seri và nộp cho CÔNG TY theo địa chỉ nêu trong Phụ lục 1 – Thủ tục viết hóa đơn đặc biệt của địa phương.

6.1.4 Trước khi xuất hóa đơn thanh toán cuối cùng, NHÀ THẦU phải đảm bảo rằng tất cả biên lai về nhân lực, thuế, bảo hiểm và các chi phí khác phát sinh khi thực hiện CÔNG VIỆC đều đã được NHÀ THẦU trả đầy đủ hoặc đã trả đầy đủ cho NHÀ THẦU.

6.1.5 Việc NHÀ THẦU nhận thanh toán cuối cùng của CÔNG TY sẽ hủy bỏ vô điều kiện và hoàn toàn tất cả các khiếu nại của NHÀ THẦU đối với CÔNG TY, bất kể quy định nào khác ngược lại trong HỢP ĐỒNG này.



6.2 Thanh toán

6.2.1 Sau khi nhận được hóa đơn và bộ chứng từ thanh toán liên quan, CÔNG TY sẽ thanh toán tất cả các hóa đơn trong vòng 30 (ba mươi) ngày vào tài khoản ngân hàng mà NHÀ THẦU chỉ định. Nếu quá thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn và các chứng từ thanh toán liên quan mà CÔNG TY vẫn chưa thanh toán các hóa đơn không có tranh chấp thì CÔNG TY sẽ phải trả lãi cho số tiền chưa thanh toán theo lãi suất của tiền gửi một tháng bằng đồng Việt Nam theo công bố của Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) tính theo ngày đối với số ngày chậm trễ thanh toán đó.

Nếu trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn thành công việc mỗi tháng mà CÔNG TY không nhận được hóa đơn tài chính hợp pháp, hợp lệ của NHÀ THẦU, CÔNG TY sẽ có quyền từ chối thanh toán cho công việc của tháng đó.

Tài khoản ngân hàng mà CÔNG TY sẽ thanh toán theo HỢP ĐỒNG được nêu chi tiết ở Phụ lục 1 – Thủ tục viết hóa đơn.

6.2.2 Trong trường hợp CÔNG TY có bất đồng về hóa đơn hoặc một phần của hóa đơn thì CÔNG TY trong vòng 10 (mười) ngày khi nhận được hóa đơn sẽ thông báo cho NHÀ THẦU bằng văn bản về hóa đơn hay phần hóa đơn có bất đồng đó và nêu rõ lý do. Việc thanh toán hóa đơn có bất đồng này sẽ dừng lại đến khi giải quyết được bất đồng đó. CÔNG TY và NHÀ THẦU sẽ cố gắng giải quyết các bất đồng đó trong khoảng thời gian hợp lý. Các khoản thanh toán bị dừng lại sẽ không phải chịu lãi như quy định trong mục 6.2.1 trừ khi hóa đơn ban đầu mà NHÀ THẦU xuất sau đó được CÔNG TY chấp thuận là đúng.

6.2.3 Việc CÔNG TY thanh toán các hóa đơn của NHÀ THẦU sẽ không làm hạn chế đến các quyền yêu cầu làm rõ tính chính xác của hóa đơn của CÔNG TY.

6.2.4 Bất cứ chi phí nào mà NHÀ THẦU phải chịu liên quan đến thực hiện HỢP ĐỒNG này mà trong HỢP ĐỒNG này CÔNG TY không có trách nhiệm thì NHÀ THẦU sẽ phải chịu.

6.2.5 Việc CÔNG TY thanh toán bất cứ khoản mục nào mà NHÀ THẦU đệ trình sẽ không miễn hay làm giảm nghĩa vụ của NHÀ THẦU theo HỢP ĐỒNG này hoặc được xem là phê duyệt hay chấp thuận công việc được thực hiện theo khoản mục đó.

6.2.6 NHÀ THẦU phải đảm bảo các hóa đơn tài chính xuất cho CÔNG TY là hóa đơn hợp pháp. Trường hợp hóa đơn của NHÀ THẦU đã xuất cho CÔNG TY bị cơ quan chức năng tuyên bố không hợp pháp dẫn đến phát sinh các tổn thất về pháp lý, về thuế cho CÔNG TY, NHÀ THẦU có trách nhiệm bồi thường cho CÔNG TY toàn bộ các tổn thất đó.

6.2.7 Sẽ không tính phí xử lý hóa đơn cho các dịch vụ của bên thứ ba.

6.2.8 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, NCSP có quyền yêu cầu nhà thầu thưởng cho những nhân viên của nhà thầu có đóng góp tích cực cho NCSP. Khi đó, nhà thầu có



nghĩa vụ chi thường cho những nhân viên này, và NCSP sẽ hoàn trả vào kỳ thanh toán tiếp theo.

7. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG

Nếu NHÀ THẦU chậm trễ trong việc thực hiện DỊCH VỤ thì CÔNG TY có quyền phạt NHÀ THẦU với mức phạt như sau:

- 5% phần giá trị dịch vụ/ ngày cho mỗi ngày trong 7 ngày chậm trễ đầu tiên yêu cầu về tiến độ trong Phạm vi công việc;
- 10% phần giá trị dịch vụ/ ngày cho mỗi ngày chậm trễ tiếp theo

(Phần giá trị dịch vụ được hiểu là giá trị của phần dịch vụ bị chậm trễ)

Nếu việc chậm trễ như nêu trên vượt quá 8 tuần, CÔNG TY sẽ xem xét việc quyết định chấm dứt hợp đồng hay không. Trong trường hợp CÔNG TY quyết định chấm dứt hợp đồng, toàn bộ giá trị Bảo đảm thực hiện Hợp Đồng sẽ bị rút.

Mức phạt vi phạm và bồi thường đã được hai bên thỏa thuận và không cần sự can thiệp của Tòa án hoặc Trọng Tài. Số tiền phạt và bồi thường sẽ được CÔNG TY, hoặc rút Bảo Đảm Thực Hiện Hợp Đồng, hoặc trừ vào hóa đơn của NHÀ THẦU khi thanh toán hoặc trừ vào số tiền mà CÔNG TY còn đang tạm giữ của NHÀ THẦU trong các hợp đồng khác đang có hiệu lực giữa các bên vào thời điểm đó hoặc NHÀ THẦU phải thanh toán ngay, nhưng không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày yêu cầu đầu tiên của CÔNG TY.

8. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này, NHÀ THẦU phải thông báo bằng fax cho CÔNG TY về việc phát hành Bảo đảm thực hiện Hợp đồng (theo mẫu trong Phụ lục số 3 dưới đây là bộ phận không tách rời của hợp đồng này) có giá trị tương đương 3% giá trị Hợp đồng. Bảo đảm này được phát hành bởi Ngân hàng lớn tại Việt Nam được CÔNG TY chấp nhận. NHÀ THẦU cũng phải thông báo cho CÔNG TY số, ngày và toàn bộ nội dung của Bảo đảm. NHÀ THẦU phải đảm bảo rằng bản Bảo đảm thực hiện Hợp đồng gốc sẽ được gửi cho CÔNG TY.

NHÀ THẦU chịu tất cả chi phí liên quan đến việc phát hành Bảo đảm thực hiện Hợp đồng.

Nếu CÔNG TY không nhận được Bảo đảm có hiệu lực trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, CÔNG TY có quyền hủy bỏ Hợp đồng vào bất cứ lúc nào và rút Bảo đảm dự thầu hoặc áp dụng chế tài phạt vi phạm mà không cần có sự can thiệp của tòa án hoặc trọng tài.

Nếu phải gia hạn thêm hiệu lực Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (vì lý do chậm hoàn tất dịch vụ, gia hạn thêm thời gian thực hiện dịch vụ...), NHÀ THẦU phải lập tức yêu cầu Ngân hàng Phát hành sửa đổi Bảo lãnh. Ngân hàng Phát hành phải thông báo cho CÔNG TY tất cả các sửa đổi này thông qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Vũng Tàu.

Nếu CÔNG TY sử dụng quyền rút Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, CÔNG TY phải lập tức gửi cho NHÀ THẦU copy thông báo gửi Ngân hàng.



PHỤ LỤC 1 - THỦ TỤC VIẾT HÓA ĐƠN

- 1.1 Các hóa đơn sẽ được đánh số trước theo quy định của Bộ Tài Chính và được xuất bằng Đồng Việt Nam.
- 1.2 Tất cả các chi phí có thể hoàn trả của địa phương và các khoản phải trả cho (CÁC) NHÀ THẦU PHỤ của địa phương gồm phần kết toán hàng tháng phải có hóa đơn VAT gốc hợp pháp. Chi phí có thể hoàn trả không có hóa đơn VAT sẽ không được CÔNG TY thanh toán.
- 1.3 Tất cả hóa đơn phải có chứng từ chứng minh có chữ ký hợp lệ của Đại diện NCSP. Tất cả hóa đơn chứng từ phải ghi:

Hợp đồng số:

Tên công ty: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM- CÔNG TY CỔ PHẦN-
CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SƠN

Địa chỉ: Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, TP HCM

Mã số thuế: 3500410112-001

và gửi đến CÔNG TY theo địa chỉ nêu trên, người nhận: Kế toán thanh toán – Phòng Kế toán

Nếu không làm đúng hướng dẫn trên, hóa đơn sẽ bị trả lại và có thể dẫn đến việc chậm quyết toán.

- 1.4 Tài khoản ngân hàng để CÔNG TY thanh toán theo HỢP ĐỒNG như sau:

Người thụ hưởng :

Tên Ngân hàng :

Địa chỉ ngân hàng :

Số tài khoản :

Bất cứ thay đổi nào về các thông tin nêu trên phải được điều chỉnh chính thức bằng Phụ lục HỢP ĐỒNG.



PHỤ LỤC 3 – BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên công ty]
(sau đây gọi là công ty)

Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và đã ký hợp đồng cung cấp hàng hóa _____ [mô tả hàng hóa] cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);

Theo quy định trong hợp đồng, nhà thầu phải nộp cho công ty bảo đảm của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] ở _____ [Ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng] (sau đây gọi là “ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu với số tiền là VNĐ (Bằng chữ), tương đương 3% (ba phần trăm) giá trị Hợp đồng.

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho công ty bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [Ghi số tiền bảo đảm] như đã nêu trên, khi có văn bản của công ty thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo đảm này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2027 (ngày kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng cộng 60 ngày)

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



PHẦN 5

QUI ĐỊNH VỀ SỨC KHỎE – AN TOÀN & MÔI TRƯỜNG

(Quy trình An toàn của NCSP số HSE-3000-MP-004)

Hợp đồng số: C-
Cung cấp dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế cho NCSP (giai đoạn 01/01/2025- 31/12/2025)



SITE INSTRUCTION - NCSP TERMINAL AND PIPELINES, VIETNAM

OMS Element 2.5 Working with Contractors

ISO 14001:2015 and ISO 45001:2018 Clause 8.1: Operation Planning and Control

YÊU CẦU VỀ AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG VÀ AN NINH ĐỐI VỚI NHÀ THẦU CỦA NCSP

HỒ SƠ SỐ	HIỆU LỰC	NGƯỜI PHỤ TRÁCH	PHÊ DUYỆT
HSE-3000-MP-0044	2 năm	Trưởng nhóm PSM	Giám đốc công ty

7	12/2022	Sửa theo góp ý của phòng PSCM & thay đổi của pháp luật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Trần Quang Khải	Hoàng Minh
6	12/2021	Cập nhật theo kết luận thanh tra & thay đổi của pháp luật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn Dương Đình Nam	Trần Quang Khải	Hoàng Minh
5	03/2019	Cập nhật phụ lục 4A & 4B, thay một số thông tư, nghị định	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Trần Quang Khải	Hoàng Minh
4	04/2018	Cập nhật theo NĐ44/2016/NĐ-CP	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
3.1	03/2018	Cập nhật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
3	10/2016	Cập nhật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
2.1	26/08/15	Cập nhật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
2	09/06/15	Kết hợp bản dịch tiếng Anh	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
1	25/03/14	Xét duyệt lần đầu	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
A	05/03/14	Bản thảo		Lưu Văn Sơn	-	-
Rev.	NGÀY	CHI TIẾT	PHỔ BIẾN	BIÊN SOẠN	XEM XÉT	PHÊ DUYỆT

MỤC LỤC

1.	ĐỊNH NGHĨA	4
2.	MỤC ĐÍCH YÊU CẦU	4
3.	VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM	5



3.1	VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU	5
3.2	VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN NCSP	5
4.	YÊU CẦU CHUNG	5
4.1	YÊU CẦU VỀ AN TOÀN	5
4.2	YÊU CẦU VỀ SỨC KHỎE	6
4.3	YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	7
4.4	YÊU CẦU VỀ PHÒNG CHỐNG CHÁY, NỔ	7
4.5	YÊU CẦU VỀ AN NINH	8
5.	NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG GIẤY PHÉP LÀM VIỆC.....	8
5.1	LÀM VIỆC TRÊN CAO	8
5.2	LÀM VIỆC TRONG KHÔNG GIAN HẠN CHẾ.....	9
5.3	CÔNG VIỆC SINH RA NGỌN LỬA TRẦN	9
5.4	CÔNG VIỆC ĐÀO BƠI	9
6.	YÊU CẦU VỀ VẬT TƯ, THIẾT BỊ	10
6.1	YÊU CẦU CỦA THIẾT BỊ ĐIỆN.....	10
6.1.1	CÁC YÊU CẦU CHUNG	10
6.1.2	CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ ĐIỆN CẦM TAY SỬ DỤNG NGUỒN PIN HOẶC ẮC QUY	10
6.1.3	CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ SỬ DỤNG NGUỒN ĐIỆN CỦA NCSP	10
6.2	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC	12
6.2.1	YÊU CẦU VỀ MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	12
6.3	NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ VÀ MÁY MÓC NÂNG, HẠ TẢI	13
6.4	SỬ DỤNG GIÀN GIÁO CÔNG NGHIỆP VÀ THANG.....	13
6.5	PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG CƠ GIỚI	14
6.6	YÊU CẦU AN TOÀN VỚI HÓA CHẤT, VẬT TƯ ĐỘC HẠI	16
7.	CÁC QUY TRÌNH BỔ TRỢ & PHỤ LỤC ĐI KÈM	



1. ĐỊNH NGHĨA

NCSP: Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn

HSSE: An toàn – Sức khỏe – Môi trường & An ninh.

Công trường của NCSP: Bao gồm Nhà máy xử lý khí NCS, trạm van Long Hải, trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ, văn phòng TP.HCM, các tuyến đường ống ngoài khơi và trên bờ.

Người đại diện của NCSP/Người bảo lãnh: Trong phạm vi tài liệu này, nhân sự của NCSP được chỉ định làm việc với nhà thầu trong mỗi hợp đồng dịch vụ, người dùng cuối hay một người khác, có được coi là đầu mối liên hệ giữa NCSP và nhà thầu hay không.

Người sử dụng Nhà thầu: Trong ngữ cảnh của tài liệu này, là nhân viên NCSP được phân công làm việc với Nhà thầu thực hiện từng hợp đồng cụ thể tại Công trường của NCSP.

Khách: Là người đến NCSP để gặp gỡ, học hỏi hoặc mục đích thăm quan khác. Khách thăm quan bên ngoài khu vực sản xuất hoặc trạm van phải được sự chấp thuận của Giám sát sản xuất, thăm quan trong khu sản xuất phải được sự chấp thuận của Quản lý vận hành, ngoại trừ các nhân viên khảo sát được đề cập dưới đây. Nhân viên của NCSP phải hộ tống họ trong suốt thời gian thăm quan, khảo sát.

Người khảo sát: Trong quy trình này, mọi người đến các khu vực công trường của NCSP để lấy thông tin chuẩn bị đề xuất giá thầu, đo đạc phục vụ công tác chế tạo và một số vấn đề khác theo yêu cầu của NCSP.

Contractor: Là người đến các công trường của NCSP để làm việc theo hợp đồng dịch vụ đã được ký kết

Bên thứ ba: Người thực hiện nhiệm vụ của mình cho chủ sở hữu khác bên trong công trường của NCSP như EVN, KDN, KVT, ĐNB, v.v.

Nhà thầu dài hạn: Là nhà thầu được thuê thông qua hợp đồng trên 12 tháng để làm việc tại các cơ sở của NCSP hoặc công trường của NCSP.

Nhà thầu ngắn hạn: Là nhà thầu được thuê thông qua hợp đồng bằng hoặc dưới 12 tháng để làm việc tại các cơ sở của NCSP hoặc công trường của NCSP

Quy định của NCSP: Bao gồm các yêu cầu trong tài liệu này, và không giới hạn trong các thủ tục khác có liên quan của NCSP.

2. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

NCSP thiết lập bộ các quy định và yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh đối với Nhà thầu hướng tới mục tiêu “**Không tai nạn – Không gây hại cho con người – Không làm tổn hại môi trường**” khi làm việc trên Công trường của NCSP.

Tài liệu này mô tả các yêu cầu cơ bản và cụ thể về kiến thức, kỹ năng và bằng cấp của nhân lực để có thể được cho phép thực hiện trên từng loại thiết bị khác nhau cũng như các yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị để có thể được cho phép sử dụng trong Công Trường thuộc các Cơ Sở của NCSP. Tài liệu này nhằm các mục đích sau:

- Giúp Nhà thầu hiểu rõ các yêu cầu cơ bản về nhân lực, thiết bị của Nhà thầu nhằm tuân thủ các tiêu chuẩn, yêu cầu của NCSP trước khi tham gia chào thầu cũng như việc thực hiện hợp đồng sau này.
- Giúp các bộ phận chức năng của NCSP thiết lập các yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh trong các hồ sơ mời thầu đồng thời làm cơ sở để đánh giá năng lực của Nhà thầu bao gồm việc tuân thủ pháp luật, quy định an toàn của NCSP, đảm bảo an toàn và hiệu quả, chất lượng công việc.
- Giúp bộ phận phụ trách giám sát công việc của NCSP phối hợp với Nhà thầu đạt hiệu quả cao trong việc phối hợp với Nhà thầu cả về tiến độ lẫn chất lượng công trình qua việc lập tiến độ sát với thực tế và công tác chuẩn bị nhân lực, máy móc, vật tư, thiết bị tốt hơn.
- Giúp Nhà thầu xác định đúng yêu cầu công việc tránh lãng phí thời gian và phối hợp quản lý an toàn thi công đạt hiệu quả cao hơn cho cả Nhà thầu và NCSP.

3. VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM

3.1 Vai trò và trách nhiệm của Nhà thầu

- Đọc và hiểu rõ những quy định và yêu cầu trong bộ tài liệu này, phổ biến chi tiết cho tất cả Nhân viên/Giám sát/Công nhân thực hiện các công việc, dịch vụ trong NCSP.
- Phối hợp chặt chẽ với người đại diện NCSP trong việc quản lý, giám sát chất lượng, tiến độ công việc và đảm bảo các quy định và yêu cầu này được tuân thủ.
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về con người, môi trường, vật tư, thiết bị và tài sản bị tổn hại do Nhân viên Nhà thầu không tuân thủ các quy định và yêu cầu này.

3.2 Vai trò và trách nhiệm của Người đại diện NCSP

- Cùng khảo sát hiện trường với Nhà thầu và cung cấp các hồ sơ, bản vẽ liên quan, là cầu nối giữa Nhà thầu và các Bộ phận liên quan của NCSP.
- Giới thiệu và hướng dẫn Nhà thầu trong việc hiểu rõ và đầy đủ các quy định và yêu cầu trong tài liệu này trước khi tiến hành công việc tại Công trường của NCSP.
- Hỗ trợ Nhà thầu trong việc đào tạo an toàn,
- Hỗ trợ cô lập nguồn năng lượng, xin giấy phép để thực hiện công việc.
- Hỗ trợ giám sát công việc tại công trường.
- Hỗ trợ và hướng dẫn Nhà thầu khi có vấn đề phát sinh theo đúng các quy trình và thủ tục của NCSP.

4. YÊU CẦU CHUNG

4.1 Yêu cầu về an toàn

- Nhà thầu phải đảm bảo: Tất cả nhân viên được Nhà thầu phân công đến làm việc tại các cơ sở của NCSP có hợp đồng lao động và được đóng đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc theo luật định.

- Nhân viên Nhà thầu phải được huấn luyện An toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) phù hợp với công việc theo yêu cầu tại điều 17 của *Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ban hành 15/05/2016 và Nghị định 140/2018/NĐ-CP. Cung cấp chứng chỉ liên quan áp dụng cho nhóm 3; nhóm 4 hoặc nhóm 5 trước khi làm việc tại NCSP (Điều khoản này không áp dụng với chuyên gia nước ngoài)*
- Nhân viên Nhà thầu phải có đầy đủ các văn bằng/ chứng chỉ chuyên môn phù hợp với công việc và xuất trình cho NCSP.
- Nhà thầu lập danh sách Nhân viên/ Công nhân sẽ tham gia cho công việc (**Bảng 1**) gửi cho Phòng an toàn NCSP để sắp xếp thời gian học an toàn, chụp hình và cấp thẻ an toàn hoặc thẻ tạm cho ngày đầu tiên
- Nhà thầu lập danh sách máy móc, thiết bị (**Bảng 2**) trước khi di chuyển máy móc, thiết bị đến công trường NCSP và gửi cho Người sử dụng Nhà thầu để có kế hoạch hỗ trợ kiểm tra.

Ghi chú: Đối với công việc có rủi ro cao (sử dụng dụng cụ/ thiết bị áp lực cao, lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, làm việc trong không gian hạn chế, làm việc ở độ cao trên 50m ...v.v), nhân viên nhà thầu cần được huấn luyện an toàn chuyên sâu

- Tất cả nhân viên Nhà thầu phải được trang bị và sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động (BHLĐ) tối thiểu theo TCVN: Quần áo bảo hộ: TCVN 6689-2000; Giày/ Ủng bảo hộ: TCVN 7653-2007; Nón bảo hộ: TCVN 6407-1998 and Kính bảo hộ: TCVN 5082-1990 khi thực hiện công việc tại các công trình của NCSP. Ngoài ra tùy đặc thù của từng công việc có rủi ro cao cụ thể mà phải được trang bị thêm các trang thiết bị bảo hộ lao động tương ứng theo tiêu chuẩn BHLĐ của NCSP (Xem chi tiết các qui định đối với từng công việc cụ thể bên dưới hoặc trong bản đánh giá rủi ro của từng công việc)
- Công việc chỉ được tiến hành khi có giấy phép làm việc được cấp bởi NCSP và chỉ thực hiện nội dung công việc đã được duyệt trong giấy phép.
- Khi nghỉ giải lao yêu cầu tất cả công nhân ra khỏi khu vực thi công đến khu vực nghỉ giải lao được qui định.
- Ngừng ngay công việc và báo lại cho người giám sát trong trường hợp thời tiết xấu (mưa, giông, sấm sét...) hoặc có những thay đổi trong phương án thi công hay mối nguy hiểm mới phát sinh.
- Khi tạm ngừng hoặc kết thúc ca làm việc phải:
 - ✓ Kiểm tra và tắt toàn bộ máy móc, thiết bị.
 - ✓ Dụng cụ và vật tư sắp xếp gọn gàng, đúng nơi qui định.
 - ✓ Luôn giữ gìn thông thoáng lối đi, cầu thang, cửa thoát hiểm.

4.2 Yêu cầu về sức khỏe

- Nhà thầu chịu trách nhiệm về sức khỏe của tất cả nhân viên của mình trước khi cử họ đến địa điểm của NCSP để thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Nhà thầu phải xuất trình giấy khám sức khỏe cho NCSP hoặc cơ quan chức năng khi được yêu cầu (*tham khảo Thông tư 14/2013/TT-BYT*)

- Đối với những nhân viên làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về sức khỏe (*Làm việc trong môi trường phóng xạ, ở độ cao lớn hơn 50m, làm việc trong không gian hạn chế vv...*), Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra sức khỏe chuyên biệt theo yêu cầu công việc cho nhân viên này tại những cơ sở phù hợp được nhà nước cho phép và gửi kết quả đến NCSP trước khi tiến hành công việc (*tham khảo Quyết định 1613_BYT-QĐ_Tiêu chuẩn phân loại sức khỏe khám bệnh, khám định kỳ*)

Chính sách kiểm soát chất có cồn và chất gây nghiện

- NCSP nghiêm cấm việc tàng trữ, sử dụng, bán hoặc phân phối các chất có cồn, thuốc kích thích, chất gây nghiện tại nơi làm việc
- Không có nồng độ cồn (không có mùi rượu, bia) áp dụng cho tất cả nhân viên làm việc tại Công trường NCSP.

4.3 Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Nếu đã được phân định trách nhiệm trong hợp đồng, Nhà thầu phải đảm bảo chất thải do công việc của Nhà thầu sinh ra được thu gom, vận chuyển ra khỏi công trường và xử lý theo qui định của pháp luật và phải thông qua Phòng AT-SK-MT-AN của NCSP trước khi xử lý.
- Tất cả mọi người đều phải có trách nhiệm giữ gìn nơi làm việc và những vùng phụ cận sạch sẽ, ngăn nắp, vệ sinh nơi làm việc vào cuối ngày. Trường hợp không rõ cách phân loại chất thải thì phải hỏi Giám sát của NCSP.

4.4 Yêu cầu về phòng chống cháy, nổ

Tất cả nhân viên được Nhà thầu phân công đến làm việc tại các cơ sở của NCSP phải được huấn luyện kiến thức và kỹ năng sử dụng các thiết bị, dụng cụ PCCC cơ bản. Đối với công việc trong khu sản xuất của Nhà máy, trạm van Long Hải và trạm phân phối khí Phú Mỹ tất cả nhân viên Nhà thầu phải có chứng chỉ PCCC do cơ quan Cảnh sát PCCC cấp quận/ huyện trở lên cấp (*Tham khảo Nghị định 136/2020/NĐ-CP_điều 33, khoản (d)*)

Ngoại trừ: Tham khảo công văn 187/C66-P3_Hướng dẫn thực hiện qui định pháp luật trong lĩnh vực PCCC_ban hành ngày 11 tháng 12 năm 2016

- Người thực hiện các công việc nguy hiểm không sinh lửa, sinh nhiệt, không tiếp xúc với môi chất nguy hiểm cháy nổ.
- Người thực hiện công việc đơn giản như cắt cỏ, tưới cây, giao hàng, vệ sinh lao động, thợ xây, lắp đặt giàn giáo, đo đạc quan trắc môi trường, đo kiểm tra môi trường lao động và không tiếp xúc với các môi chất nguy hiểm về cháy nổ.
- Các chuyên gia nước ngoài, cán bộ quản lý cơ quan chức năng, khách đến thăm quan và các đối tượng khác đến làm việc, liên hệ công tác.



- Các chuyên gia nước ngoài tham gia làm việc trong bảo dưỡng lớn (TAR), các chuyên gia làm việc theo yêu cầu của dự án/ hợp đồng ký kết với NCSP.
- Công việc trên Hành Lang Tuyến Ống (HALT) không có lửa trần hoặc phát nhiệt không quá 200°C hoặc không mở thiết bị, đường ống có chứa chất cháy.

4.5 Yêu cầu về an ninh

- Giám đốc Nhà thầu phải chịu trách nhiệm và bảo đảm rằng các nhân viên được gửi đến công trường của NCSP phải có nhân thân tốt đặc biệt là đối với các nhân viên Nhà thầu thường xuyên làm việc trong khu sản xuất bảo gồm cả Nhà thầu dài hạn và Nhà thầu ngắn hạn
- Thẻ an toàn của nhân viên Nhà thầu ngắn hạn có giá trị trong vòng 1 tháng; Thẻ an toàn của nhân viên Nhà thầu dài hạn có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ ngày cấp. 5 ngày trước khi thẻ hết hạn Người sử dụng Nhà thầu phải gửi yêu cầu gia hạn thẻ cho Cố vấn an ninh, an toàn.
- Tất cả nhân viên Nhà thầu nhận thẻ an toàn tại cổng chính nhà máy khi đến làm việc và trả lại thẻ khi hết giờ làm. Mọi người phải luôn đeo thẻ an toàn, trong trường hợp làm mất thẻ phải báo ngay cho người đại diện NCSP để được hướng dẫn làm bằng tường trình và cấp thẻ làm việc mới.
- Tất cả các loại vật tư, thiết bị, dụng cụ phải được khai báo tại cổng chính Nhà máy và phải có Giấy phép vật tư ra/vào cổng và bản kê khai hàng hóa đi kèm.

5. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG GIẤY PHÉP LÀM VIỆC

Tất cả các công việc thực hiện trong Công trường của NCSP đều phải được kiểm soát thông qua hệ thống quản lý an toàn công việc (Work Control System OPS-3000-MP-1014). Nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ hệ thống quản lý này

Việc cấp phép làm việc được thực hiện thông qua qui trình cấp giấy phép làm việc (Permit to Work), Giấy phép làm việc phải được chuẩn bị và được xem xét trước khi công việc tiến hành 1 ngày

Nhằm cung cấp cho Nhà thầu hiểu biết các yêu cầu cơ bản về hệ thống quản lý an toàn công việc nêu trên, sau đây là một số nội dung cơ bản. Nhà thầu có trách nhiệm đọc kỹ và hiểu các nội dung cơ bản này. Việc hiểu những nội dung cơ bản này không có nghĩa là Nhà thầu đã hiểu toàn bộ các quy định về quản lý an toàn của NCSP:

5.1 Làm việc trên cao

Tất cả các công việc liên quan đến làm việc ở độ cao trên 2 mét so với mặt đất/sàn làm việc mà không có thiết kế bảo vệ tiêu chuẩn được xác định là làm việc trên cao và chỉ được phép thực hiện khi

- Sử dụng giàn giáo, sàn thao tác hoặc thang theo đúng yêu cầu an toàn, kỹ thuật được mô tả ở mục (6.4)
- Sử dụng thiết bị chống rơi bao gồm:



- ✓ Móc treo tại vị trí thuận tiện, tốt nhất là cao hơn đầu người
- ✓ Dây đeo toàn thân có khóa then kép tự động, dụng cụ giảm sóc.
- ✓ Thiết bị chống rơi phải đảm bảo không để rơi tự do quá 2 mét.
- Đối với công việc làm ở độ cao trên 50m
 - ✓ Nhà thầu phải cung cấp giấy khám sức khỏe của nhân viên cho phòng y tế NCSP ít nhất 3 ngày trước khi tiến hành công việc (giấy khám sức khỏe có kết quả trong vòng 6 tháng trở lại)
 - ✓ Phòng y tế NCSP sẽ tiến hành kiểm tra thực tế một số hạng mục theo yêu cầu về sức khỏe đối với công việc đặc biệt này.

5.2 Làm việc trong không gian hạn chế

- Công việc trong không gian hạn chế phải được tiến hành đánh giá rủi ro với sự hỗ trợ và phê duyệt của NCSP.
- Người làm việc trong không gian hạn chế phải
 - ✓ Được đào tạo và cấp chứng chỉ bởi cơ quan có chức năng theo luật định.
 - ✓ Phải có giấy khám sức khỏe phù hợp và được kiểm tra xác nhận của phòng y tế NCSP.
 - ✓ Phải được đào tạo về sử dụng thiết bị thở cá nhân (SCBA) và bộ khí thở có dây nối dài (BA airline) nếu công việc yêu cầu.
 - ✓ BA airline nên được sử dụng để vào không gian hạn chế cho những người làm việc trong thời gian dài hoặc những nơi chật hẹp.

5.3 Công việc sinh ra ngọn lửa trần

- Không sử dụng bình khí acetylene (Gió đá) trong công tác hàn, cắt. Chỉ được phép sử dụng bình khí Propane hoặc Gas (LPG).
- Tại một thời điểm, chỉ cho phép một công việc sinh ra ngọn lửa trần, ngoại trừ trường hợp công việc phát sinh tia lửa trần được tiến hành trong buồng có áp suất dương (habitat).
- Thường xuyên có người giám sát tại nơi làm việc.
- Trang bị đầy đủ BHLĐ cho công việc hàn, cắt (mặt nạ hàn, kính hàn, găng tay chịu nhiệt...vv).
- Công việc sinh ra ngọn lửa trần phải được tiến hành hợp đánh giá rủi ro với sự hỗ trợ và phê duyệt của NCSP.

5.4 Công việc đào bới

- Tuân thủ nghiêm ngặt Hệ thống quản lý an toàn công việc của NCSP (OPS-3000-MP-1014) tại Phụ lục C: Quy trình và Hướng dẫn cho công việc đào bới và phụ lục 1: Danh Sách Kiểm Tra Các Mối Nguy Cho Công Việc Đào Bới phải được hoàn thành và đính kèm trong Giấy phép làm việc.
- Công việc đào bới, khoan cắt sâu hơn 0,15m so với mặt đất cần phải có chứng chỉ đào bới "Excavation Certificate" do người có thẩm quyền của NCSP cấp.



- Phải kiểm soát sự dịch chuyển của các lớp đất đá, tránh sụt đất bằng các biện pháp chống đỡ, kè bờ, làm dốc theo qui định.
- QCVN 34:2018/BLĐTBXH phải được xem xét và áp dụng cho các công việc đào bới để kiểm soát an toàn khi khu vực làm việc có khả năng trở thành không gian hạn chế.

6. YÊU CẦU VỀ VẬT TƯ, THIẾT BỊ

6.1 Yêu cầu của thiết bị điện

6.1.1 Các yêu cầu chung

- Tất cả các thiết bị điện phải được kiểm tra và dán tem đạt yêu cầu bởi nhân viên có chuyên môn điện của NCS trước khi sử dụng và tem có hiệu lực trong vòng **7 ngày**. Khi hết hạn, thiết bị phải được kiểm tra lại và dán tem mới
- Người thực hiện sửa chữa bảo trì các thiết bị điện phải được huấn luyện và có chứng chỉ an toàn phù hợp.
- Nhân viên vận hành thiết bị điện cao thế (>1000V) phải có chứng chỉ hợp lệ do đơn vị có chức năng và thẩm quyền cấp.
- Khi tiến hành kiểm tra hoặc bảo dưỡng, vận hành thiết bị điện cao thế phải trang bị thêm các trang thiết bị BHLĐ như: Gậy móc cứu hộ, thảm cách điện, găng tay cách điện, ủng cách điện các trang thiết bị này phải có tem kiểm định hợp lệ.
- Đối với máy phát điện và các tủ phân phối nguồn điện phải có thiết bị bảo vệ quá dòng, quá áp và chống dòng rò (CB chống giật)

6.1.2 Các yêu cầu đối với thiết bị điện cầm tay sử dụng nguồn Pin hoặc Ắc quy

- Hộp chứa Pin/Ắc quy phải có nắp che kín và cố định vào các điện cực chắc chắn
- Đối với bình Ắc quy: Tại các điểm nối vào điện cực phải được cố định bằng Bu-lông chắc chắn.
- Dây dẫn nguồn phải đạt cấp điện áp phù hợp và có lớp vỏ cách điện không bị hư hỏng, chấp nối.

6.1.3 Các yêu cầu đối với thiết bị sử dụng nguồn điện của NCSP

a) Ổ cắm và phích cắm

- Khi sử dụng nguồn điện trong các tòa nhà phải dùng phích cắm loại 3 chấu có dây nối đất theo tiêu chuẩn **BS1363** phù hợp nguồn 240V AC, 50hz, 13 Ampere.





- Khi sử dụng nguồn điện trong khu sản xuất phải dùng ổ cắm và phích cắm phù hợp tiêu chuẩn IEC/EN 60309-1/-2 (CEE), IEC/EN 60079-0, IEC/EN 60079-1 và IEC/EN 60079-7 đạt yêu cầu chống cháy nổ . Có 2 loại chính:
 - ✓ Sử dụng ổ cắm và phích cắm 3 chấu (2P+E) loại SolConeX 16 A Series SolConeX 8570 cho nguồn 240VAC, 50Hz, 16A (Hình: 1)
 - ✓ Sử dụng ổ cắm và phích cắm 5 chấu (3P+N+E) loại SolConeX, 63 A Series 8579 cho nguồn 415VAC, 50Hz, 63A (Hình: 2)



Hình: 1



Hình: 2

b) Dây dẫn nguồn:

- Dây dẫn nguồn của thiết bị phải có:



- ✓ Cáp và đầu cắm 3 chấu hoặc cáp và đầu cắm có 2 lớp cách điện (double insulation)
- ✓ Cáp có dòng tải danh định lớn hơn dòng tải của thiết bị và chiều dài dây không quá 15 mét.
- Dây dẫn từ nguồn cấp hiện hữu đến thiết bị cầm tay phải có:
 - ✓ Dòng tải danh định lớn hơn dòng tải của thiết bị
 - ✓ Dây có lớp giáp bảo vệ (steel wire armour hoặc wire braided).
 - ✓ Trường hợp dây không có lớp bảo vệ trên, phải sử dụng các biện pháp khác để bảo vệ chống va đập cơ khí như: dùng ống bảo vệ (conduit), chạy trong mương cáp tạm.
 - ✓ Nếu sử dụng trong khu vực sản xuất liên tục hơn 4 giờ hoặc vượt quá 80 % tải thiết kế thì phải sử dụng dây dẫn có đặc tính cháy chậm (HORF).

6.2 Máy móc và thiết bị áp lực

6.2.1 Yêu cầu về máy móc và thiết bị

- Các máy móc và thiết bị áp lực (máy nén khí, thiết bị nước cao áp, thiết bị thủy lực, thiết bị dùng khí nén, chai khí, bình áp lực, ống áp lực vv...) phải được kiểm tra bởi nhân viên chuyên trách của NCSP trước khi đưa vào khu vực thi công.
- Nhân viên Nhà thầu vận hành máy móc và thiết bị áp lực phải được huấn luyện và được cấp chứng chỉ bởi các đơn vị có chức năng theo luật định.
- Các bình áp lực, chai khí phải có kiểm định còn hiệu lực, có lắp van an toàn đã được kiểm định còn hiệu lực.
- Áp kế gắn trên bình áp lực phải được kiểm định theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Hệ thống khí nén của nhà máy khí Dinh Cố có áp suất là 10barg các thiết bị khí nén của Nhà thầu phải có khả năng hoạt động ở áp suất này hoặc có lắp thiết bị giảm áp thích hợp.
- Các máy móc thiết bị khí nén nên có khớp nối nhanh kiểu Macdonald, khớp nối kiểu 4 vấu (Chân Quạ) có thể sử dụng với điều kiện chúng được khóa lại bằng dây thép hoặc chốt chẻ và khớp nối được bắt chắc chắn vào ống mềm bằng kẹp ống hoặc dùng phương pháp bấm. Không sử dụng kết nối bằng cổ-giê.
- Thiết bị an toàn chống vung (whip check) phải được sử dụng khi kết nối các ống mềm áp lực hoặc kết nối ống mềm vào các thiết bị áp lực khác.
- Các thiết bị sử dụng khí nén phải có cơ cấu dừng khẩn cấp khi có hỏng hóc hoặc sự cố.
- Các ống mềm phải được tiếp địa chống tĩnh điện.
- Các thiết bị bắn cát và phun sơn phải luôn luôn được tiếp địa trong quá trình sử dụng.
- Dây tiếp địa phải là loại dây đồng mềm hoặc cứng nhiều lõi có tiết diện 4mm² bọc nhựa PVC. Dây tiếp địa được bắt chặt vào thiết bị bằng bu lông và có đầu còn lại là kẹp (ví dụ kẹp cá sấu) để bắt vào hệ thống tiếp địa của NCSP



- Các máy móc và thiết bị áp lực sau khi lắp đặt, kết nối xong phải được thử kiểm tra áp lực toàn bộ hệ thống để đảm bảo không rò rỉ và không có hư hỏng trước khi sử dụng.

6.2.2 Yêu cầu về trang bị bảo hộ lao động

- Bắn cát làm sạch:
 - ✓ Mặt nạ thở: Trường hợp bắn cát trong buồng kín, khi sử dụng thiết bị bắn cát cầm tay không có buồng che kín hoặc khi người bắn cát không tách biệt khỏi vật liệu cát nhờ buồng che kín có hút khí thì phải dùng mặt nạ thở có ống cung cấp khí.
 - ✓ Găng tay là loại vải bạt, da hoặc bằng vật liệu Kevlar
 - ✓ Giáp bảo vệ thân (tạp dề).
 - ✓ Trang bị thêm mặt nạ lọc khí nếu bắn cát khô.
- Phun nước áp lực cao (680barg – 1700barg) và cực cao (trên 1700barg) sử dụng trong làm sạch bề mặt
 - ✓ Giáp bảo vệ thân và chân
 - ✓ Tấm chắn bảo vệ mặt
 - ✓ Găng tay vải bạt, da hoặc kevlar

Lưu ý: *Cấm dùng cát thạch anh trong bắn cát vì ảnh hưởng đến sức khỏe
Phải dùng loại súng bắn có 2 cò đạt chuẩn an toàn (Deadman Trigger)*

6.3 Những yêu cầu đối với thiết bị và máy móc nâng, hạ tải

- Đối với Nhân viên vận hành:
 - ✓ Phải được huấn luyện và có chứng chỉ còn thời hạn cho việc vận hành máy móc và thiết bị nâng hạ tải tương ứng.
 - ✓ Phải có chứng chỉ Nghiệp vụ kỹ thuật an toàn thiết bị nâng, hạ do Trung tâm kiểm định & huấn luyện an toàn lao động cấp.
- Đối với máy móc và thiết bị nâng, hạ
 - ✓ Phải có chứng chỉ kiểm định cần cẩu/ thiết bị nâng hợp lệ, có tem kiểm định được dán trên buồng lái hoặc nơi chỉ định trong biên bản kiểm định.
 - ✓ Tất cả các thiết bị dùng cho công việc nâng hạ (palăng xích, cùm, dây, kẹp...vv) phải có chứng chỉ kiểm định và kiểm tra trực quan.
 - ✓ Phải được kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng bởi Nhân viên kỹ thuật của NCSP.

6.4 Sử dụng giàn giáo công nghiệp và thang

6.4.1 Sử dụng giàn giáo công nghiệp

- Tất cả các loại vật tư sử dụng để lắp đặt giàn giáo phải đạt chuẩn BS 1139 hoặc TCXDVN 296-2004.
- Giám sát và Nhân viên lắp đặt hay tháo dỡ, kiểm tra giàn giáo phải được huấn luyện và có chứng chỉ phù hợp còn hiệu lực theo tiêu chuẩn BS 5973 hoặc AS/NZS 4576:1995.



- Giàn giáo sau khi lắp đặt phải được kiểm định đạt chuẩn
- Hàng tuần phải kiểm tra định kỳ bởi người giám sát giàn giáo.
- Giàn giáo phải được treo thẻ an toàn và cho phép sử dụng như hình.



6.4.2 Sử dụng thang

- Chỉ được sử dụng thang chữ A, thang bậc (mobile Platform) có tem kiểm định còn hạn.
- Không được dùng thang tre, thang gỗ, thang tự chế, thang đã bị hỏng hoặc sửa chữa sơ sài, chắp vá.

6.5 Phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới

6.5.1 Các yêu cầu chung đối với xe và người lái xe.

- Xe phải có đầy đủ giấy đăng ký sử dụng xe, kiểm định và bảo hiểm còn hạn.
- Lái xe phải có bằng lái phù hợp với chủng loại xe và còn hiệu lực.
- Dây đai an toàn (seatbelt) phải được trang bị đầy đủ và được sử dụng cho tất cả mọi người trên xe.
- Tất cả các phương tiện đi vào Công trường của NCSP phải được kiểm tra bởi Bảo vệ.
- Các phương tiện vào khu sản xuất, trạm van Long Hải, trạm phân phối khí Phú Mỹ phải được gắn chụp ống xả dập lửa và kiểm tra thêm bởi kỹ thuật viên NCSP.
- Lái xe phải tuân thủ các quy định giới hạn tốc độ trong các cơ sở của NCS (Ngoài khu sản xuất tối đa 25Km/giờ; trong khu sản xuất là 15Km/giờ).
- Lái xe không được sử dụng điện thoại di động hoặc các thiết bị liên lạc hai chiều khác trong khi điều khiển xe.
- Luôn tắt động cơ khi rời khỏi xe (để lại chìa khóa trong ổ nếu xe ở trong khu sản xuất).

6.5.2 Yêu cầu đối với xe chuyên chở hành khách

- Không được chở vượt quá số hành khách quy định của nhà sản xuất.
- Phải được bảo dưỡng định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất.



- Tất cả các bộ phận thiết yếu và cơ cấu an toàn phải được bảo hành và sửa chữa chính hãng bao gồm (*hệ thống lái, hệ thống phanh hãm, hệ thống cân bằng, hệ thống điều khiển điện tử*)

6.5.3 Yêu cầu đối với xe chuyên chở hàng hóa

- Phải được giữ nguyên thiết kế của nhà sản xuất, không nâng cấp, chỉnh sửa và hoán cải mục đích sử dụng (trừ khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép).
- Hàng hóa trên xe phải được cố định chắc chắn, che chắn tránh ảnh hưởng của thời tiết và phù hợp các yêu cầu của luật giao thông đường bộ và hướng dẫn bảo quản của nhà sản xuất.
- Phải có khung bao bảo vệ phía sau và hai bên sườn xe chống thiệt hại do va chạm và tránh nguy hiểm cho các phương tiện khác cùng tham gia giao thông.
- Không được chở hàng quá khổ, quá tải.
- Phương tiện để vận chuyển nguyên vật liệu và thiết bị phải phù hợp với phương thức bốc dỡ tại Công trường của NCSP (thông thường là xe nâng)

6.5.4 Yêu cầu đối với xe cơ giới thi công

- Người lái xe phải có các chứng chỉ vận hành phù hợp với chủng loại xe được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của nhà nước.
- Nếu có hoán cải chức năng, mục đích sử dụng thì phải có hồ sơ hoán cải và phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền của nhà nước.
- Phải sử dụng phương tiện đúng theo mục đích thiết kế của nhà sản xuất.

6.5.5 Yêu cầu đối với xe chở rác thải tại NCSP

Rác thông thường

- Các phương tiện tiếp nhận chất thải thông thường phải tuân thủ các yêu cầu nêu tại mục 6.5.1 - Yêu cầu chung đối với phương tiện và người điều khiển.

Rác nguy hại

- Các phương tiện tiếp nhận chất thải nguy hại có thể ở dạng rắn, lỏng và bùn phải được ghi trong giấy phép xử lý của nhà thầu đủ năng lực. Các phương tiện này phải được đề cập trong giấy phép xử lý của nhà thầu đủ năng lực và được kiểm tra bởi Cố vấn HSSE của bộ phận môi trường trước khi chuyển chất thải nguy hại cho nhà thầu đủ năng lực.
- Khi phương tiện của nhà thầu xử lý đạt yêu cầu đến khu vực NCSP để tiếp nhận chất thải cũng phải tuân thủ các yêu cầu và biện pháp kiểm soát về an toàn, an ninh nêu trong giấy phép làm công việc này do Bộ phận kho lập và các yêu cầu quy định.



6.6 Yêu cầu an toàn với hóa chất, vật tư độc hại

6.6.1 Yêu cầu về an toàn lao động:

- Lái xe, nhân viên áp tải hàng nguy hiểm, hàng độc phải có chứng chỉ huấn luyện nghiệp vụ vận chuyển hóa chất nguy hiểm tương đương theo quy định tại Nghị định 42/2020/NĐ-CP
- Phải có giấy chứng nhận đủ khả năng thực hiện công việc liên quan bức xạ và X-Quang do cơ quan có thẩm quyền cấp khi trực tiếp thực hiện công việc liên quan đến bức xạ hay X-Quang.
- Phải có chứng chỉ do Cục an toàn bức xạ và hạt nhân hoặc Bộ khoa học Công nghệ cấp khi trực tiếp thực hiện công việc liên quan đến phóng xạ, bức xạ.

6.6.2 Yêu cầu về vật tư, hóa chất độc hại

- Tất cả hóa chất sử dụng tại Công trường của NCSP phải có phiếu an toàn hóa chất (SDS – Safety Data Sheet) tương ứng kèm theo.



- Phiếu an toàn hóa chất (SDS) phải được gửi cho người phụ trách quản lý hóa chất của NCSP đánh giá rủi ro và phê duyệt trước khi mang vào công trường của NCSP.
- Chai, lọ, bình chứa hóa chất phải có nhãn mác rõ ràng và đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Thông tư 32/2017/TT-BCT.
- Hóa chất sử dụng không được nằm trong danh mục hóa chất cấm theo quy định của Nghị định 113/2017/NĐ-CP (Trong trường hợp công việc bắt buộc phải sử dụng thì phải có hồ sơ, bằng chứng được sự phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền Nhà nước cho phép sử dụng hóa chất cấm)
- Vật tư độc hại (chất phóng xạ) phải được khai báo và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo hướng dẫn trong Thông tư 02/2022/TT-BKHCHN (*dành cho tham khảo*)
- Khi sử dụng hóa chất phải trang bị đầy đủ vật liệu thấm hút, chống chảy tràn thích hợp nhằm sử dụng trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất.

6.6.3 Yêu cầu đối với thiết bị

- Thiết bị sử dụng trực tiếp, tiếp xúc hay tồn chứa hóa chất phải là loại chuyên dụng và tương thích với hóa chất đó.



- Thiết bị sử dụng cho các công việc liên quan đến bức xạ, nguồn phóng xạ, tia X phải có giấy chứng nhận sử dụng được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền theo hướng dẫn trong Thông tư 02/2022/TT-BKHCN.
- Thiết bị sử dụng cho các công việc liên quan đến bức xạ, nguồn phóng xạ, tia X phải có nhãn mác, ký hiệu rõ ràng trên thiết bị (tên thiết bị, nhà sản xuất, chủng loại thiết bị...).
- Mỗi thiết bị hay cụm thiết bị trực tiếp liên quan đến công việc hóa chất phải có qui trình, hướng dẫn vận hành tương ứng.
- Thiết bị chứa hóa chất lỏng phải giữ đúng hệ số điền đầy quy định theo đặc tính hóa lý của hóa chất đó.
- Phương tiện vận chuyển hóa chất, vật liệu nguy hiểm trên đường bộ phải có Giấy phép vận chuyển do tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định tại Nghị định 42/2020/NĐ-CP.

6.6.4 Yêu cầu về trang thiết bị bảo hộ lao động

Phải trang bị đầy đủ BHLĐ khi làm việc trực tiếp với hóa chất, vật tư độc hại theo yêu cầu trong bảng đánh giá rủi ro của NCSP và phiếu an toàn hóa chất (SDS). Theo một số hướng dẫn cụ thể sau:

- Làm việc với hóa chất, vật liệu độc hại có đặc tính dễ bay hơi phải trang bị mặt nạ phòng độc phù hợp với loại hóa chất độc hại, phù hợp với kích thước người sử dụng và còn hạn sử dụng.
- Tùy theo qui định trong SDS mà người sử dụng chọn loại găng tay chống hóa chất phù hợp, như: Neoprene, Polyvinyl chloride (PVC), Polyvinyl Alcohol (PVA), găng tay cao su tự nhiên, găng tay cao su tổng hợp, găng tay nitrile...
- Đối với các hóa chất nguy hiểm, dung môi mạnh, hóa chất có tính ăn mòn, hóa chất có khả năng gây nổ, văng, bắn, phải trang bị tạp dề chống hóa chất, quần áo chống hóa chất và giày bảo hộ chống hóa chất.
- Khi làm việc với hóa chất nguy hiểm, có tính ăn mòn, có nhiệt độ cao ở dạng khí, hơi, khói, dạng bình xịt, bụi và những hóa chất phản ứng hóa học tạo ra môi trường có cường độ ánh sáng cao, bức xạ nhiệt phải sử dụng thiết bị bảo vệ mắt (kính chống hóa chất dạng kính bơi - goggle)
- Phải sử dụng tấm chắn bảo vệ mặt (face shield) khi làm việc với những hóa chất lỏng nguy hiểm có nhiệt độ cao, có tính ăn mòn, có khả năng phản ứng hóa học mạnh, gây nổ, vung, bắn tóe.



NCSP CAM KẾT SẼ TẠO ĐIỀU KIỆN TỐT NHẤT CÓ THỂ VÀ HỢP TÁC VỚI NHÀ THẦU TRONG VIỆC THỰC HIỆN TỐT CÁC YÊU CẦU VÀ QUI ĐỊNH NÀY



7. CÁC QUY TRÌNH BỠ TRỢ

- OPS-3000-MP-1208 NCSP HSSE Induction Process;
- HSSE-3000-MP-0006 NCSP Security Access Control Procedure
- OPS-3000-MP-1014 NCSP Work Control System;
- HSSE-3000-MP-0013 NCSP Gas Cylinder Management;
- OPS-3000-MP-1405 NCSP Abrasive Wheel Guidelines;
- OPS-3000-MP-1117 NCSP Manual Handling and Lifting Operations;
- HSSE-3000-MP-0015 NCSP Scaffolding Procedure;
- OPS-3000-MP-1116 Entry to NCSP Site's for Vehicles & Portable Diesel Powered Equipment;
- OPS-3000-MP-2016 NCSP PPE Policy;
- SCM-3000-MP-0015 NCSP Contractor Performance Management Procedure.



Bảng 1 – Danh sách Nhân sự nhà thầu làm việc tại NCSP

TT	Họ và Tên	Số Căn Cước Công dân/ CMND (1)	Thư cử người (2)	Giấy khám sức khỏe (3)	Thẻ An toàn (4)	Chứng nhận PCCC (5)	Chứng chỉ / bằng cấp nghề nghiệp (6)
1	Nguyễn Văn A						
2	Trần Văn B						
3							

Ghi chú:

- (2) Thư cử người tới NCSP làm việc có kí tên và đóng dấu của đại diện Ban giám đốc nhà thầu hoặc một email trực tiếp từ người đại diện BGĐ nhà thầu;
 - (3) Giấy khám sức khỏe chỉ áp dụng cho các công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm
 - (4) Được huấn luyện ATVSLĐ cho những công việc theo yêu cầu của pháp luật và được xác nhận hoặc cấp thẻ bởi cơ quan huấn luyện được nhà nước cho phép
 - (5) Chứng nhận PCCC áp dụng với người làm việc trong khu công nghệ, trạm van Long Hải, trạm phân phối khí Phú Mỹ và các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao
 - (6) Chứng chỉ / bằng cấp nghề nghiệp liên quan theo các ngành nghề pháp luật qui định (Tham khảo TT-11-2020_ nghề công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm)
- * Đối với người lao động nước ngoài chỉ cần bản photo passport hay VISA và không áp dụng các yêu cầu còn lại.



Bảng 2 – Danh sách máy móc, thiết bị của nhà thầu sử dụng tại công trường của NCSP

Nhà thầu:.....

Công việc:.....

Ngày..... Tháng.....năm:.....

TT	Tên thiết bị / dụng cụ	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu	Số lượng	Chứng nhận liên quan
1					
2					
3					
4	...				
5					

Người chuẩn bị
(Ký và ghi rõ họ tên)



PHỤ LỤC 1 – PHẦN 6
CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC

CÁC HẠNG MỤC CHÍNH	SỐ ĐIỂM	MÔ TẢ CHI TIẾT CÔNG VIỆC	SỐ ĐIỂM CHO MỖI MỤC	SỐ ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	CÁCH TÍNH ĐIỂM TRONG 02 QUÝ (06 THÁNG)
An toàn	20	Số sự cố hoặc tai nạn xảy ra đối với hàng hóa/con người tại Việt Nam được xác nhận biên bản bởi NCSP & nhà thầu	20		- Không có sự cố hoặc tai nạn xảy ra đối với hàng hóa/con người đạt 20 điểm - Nếu có 1 sự cố hay tai nạn trong 02 quý thì nhà thầu sẽ bị trừ 10 điểm
Kiểm tra hàng hóa - số lượng - mã số hàng hóa - đóng gói	30	Kiểm tra số lượng tất cả các mục đơn hàng (PO)	10		- Có kiểm tra số lượng đạt 10 điểm. - Không có kiểm tra số lượng của đơn hàng, mỗi trường hợp bị trừ 02 điểm.
		Kiểm tra đúng mã số tất cả các mục của đơn hàng (PO)	10		- Có kiểm tra đúng mã số mỗi mục của đơn hàng đạt 10 điểm. - Không có kiểm tra đúng mã số mỗi trường hợp bị trừ 02 điểm.
		Kiểm tra đóng gói	10		- Có kiểm tra đóng gói đạt 10 điểm. - Không có kiểm tra đóng gói mỗi trường hợp bị trừ 02 điểm.
Phản hoạt động	50	Thời gian shipping đối với đơn hàng (PO) bình thường sau khi nhận hàng.	05		Thời gian shipping như sau: - Hàng air về Việt Nam là 07 ngày sau khi nhận hàng đạt 05 điểm - Hàng sea về Việt Nam là 35 ngày sau khi nhận hàng đạt 05 điểm. - Hàng air/sea không về đúng thời gian nêu trên, mỗi trường hợp bị trừ 01 điểm.
		Thời gian shipping đối với đơn hàng (PO) gấp sau khi nhận hàng.	05		- Hàng air về Việt Nam là 03 ngày sau khi nhận hàng đạt 05 điểm - Hàng air về Việt Nam là 01 ngày từ Singapore sau khi nhận hàng đạt 05 điểm - Hàng gấp air không về đúng thời gian nêu trên mỗi trường hợp bị trừ 01 điểm.
		Thời gian làm thủ tục hải quan và giao hàng tại Dinh Cố, Long Điền, BRVT đối với đơn hàng (PO) bình thường	10		Thời gian làm thủ tục hải quan và giao hàng tại Dinh Cố, Long Điền, BRVT đối với po bình thường là 03 ngày đạt 10 điểm. Làm thủ tục hq và giao hàng không đúng thời gian nêu trên, mỗi trường hợp bị trừ 02 điểm.



		Thời gian làm thủ tục hải quan và giao hàng tại Dinh Cố, Long Điền, BRVT đối với đơn hàng (PO) gấp	10		- Thời gian làm thủ tục hq và giao hàng tại Dinh Cố, Long Điền, BRVT đối với đơn hàng (PO) gấp là 02 ngày đạt 10 điểm. - Làm thủ tục hải quan và giao hàng không đúng thời gian nêu trên mỗi trường hợp bị trừ 02 điểm.
		Thời gian làm thủ tục hải quan xuất và shipping 01 lô hàng xuất theo air	10		- Thời gian làm thủ tục hải quan xuất và shipping 01 lô hàng xuất theo air là 07 ngày đạt 10 điểm. - Làm thủ tục hải quan và xuất hàng không đúng thời gian nêu trên mỗi trường hợp bị trừ 02 điểm.
		Cập nhật thông tin & trả lời giải đáp nhanh kịp thời	10		- Nhà thầu có cập nhật thông tin & trả lời nhanh chóng kịp thời về các tình trạng hàng hóa đạt 10 điểm. - Chậm trễ và không cập nhật thông tin & trả lời nhanh chóng kịp thời về các tình trạng hàng hóa, mỗi trường hợp có email phản nản chỉ rõ sẽ bị trừ 01 điểm.
Tổng số điểm	100				



PHẦN 6

QUẢN LÝ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng số: C-
Cung cấp dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hóa quốc tế cho NCSP (giai đoạn 01/01/2025- 31/12/2025)



1. GIỚI THIỆU

CÔNG TY có chiến lược về “Quản lý thực hiện hợp đồng của NHÀ THẦU”. Mục tiêu của việc Quản lý thực hiện hợp đồng của NHÀ THẦU là nhằm quản lý hiệu quả và chất lượng dịch vụ do NHÀ THẦU cung cấp, đảm bảo dịch vụ được thực hiện đúng theo các qui định đã đề ra trong hợp đồng đã ký.

Quá trình Quản lý thực hiện hợp đồng của NHÀ THẦU được thực hiện cơ bản bằng cách xây dựng các Chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI) và thực hiện Quá trình đánh giá hiệu quả công việc định kỳ.

2. CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC & CHẤM ĐIỂM

Chỉ số đánh giá hiệu quả công việc, như nêu tại Phụ lục 1 phần này, được dùng để đánh giá hiệu quả thực hiện hợp đồng của NHÀ THẦU. Chỉ số đánh giá hiệu quả công việc được đo định tính bằng cách sử dụng Bảng điểm dựa vào các mục tiêu đã xây dựng và kiểm tra tiến độ thực hiện công việc trong các buổi họp đánh giá hiệu quả công việc.

Tổng điểm của Chỉ số đánh giá hiệu quả công việc mỗi 6 tháng là 80% hoặc cao hơn sẽ được xem là đáp ứng yêu cầu của CÔNG TY. Trong trường hợp tổng điểm của chỉ số đánh giá hiệu quả công việc mỗi lần đánh giá thấp hơn 80% thì NHÀ THẦU phải thực hiện các biện pháp thích hợp như nêu trong báo cáo Chỉ số đánh giá hiệu quả công việc tương ứng để điều chỉnh việc thực hiện công việc chưa đáp ứng yêu cầu. Nếu điểm của 02 lần đánh giá liên tiếp thấp hơn 80% và NHÀ THẦU không thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt chỉ số đánh giá hiệu quả công việc ở mức 80% hoặc cao hơn, thì CÔNG TY có quyền gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo Điều 17, Phần 2 của Hợp đồng này.

Chỉ số đánh giá hiệu quả công việc, mục tiêu và phiếu chấm điểm được coi là phần không tách rời và là tài liệu sống của HỢP ĐỒNG và do đó có thể sửa đổi định kỳ để phù hợp với tình hình thực tế. Chỉ số đánh giá hiệu quả công việc này được sử dụng để giám sát việc thực hiện hợp đồng và là cơ sở đánh giá để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc sẽ được tiến hành mỗi 6 tháng (2 lần 1 năm) với sự có mặt của Đại diện NHÀ THẦU và CÔNG TY

3. QUÁ TRÌNH ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC

Quá trình đánh giá hiệu quả công việc được CÔNG TY và NHÀ THẦU cùng nhau xây dựng và thực hiện. Nhìn chung, quá trình đánh giá hiệu quả công việc gồm các mức độ sau:

Nói chuyện

Nhân viên của Nhà thầu làm việc cho NCSP được sẽ phổ biến và hướng dẫn cụ thể các yêu cầu về thực hiện công việc.

Các buổi họp

Khi có các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, đại diện CÔNG TY, NHÀ THẦU sẽ có các cuộc họp trao đổi trực tiếp hoặc qua email, fax, văn bản để cùng giải quyết vấn đề.

Mẫu số ____

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư ____ [ghi tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu ____ [ghi tên Bên mời thầu] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên, số hiệu gói thầu] với giá hợp đồng là ____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm ____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng, trường hợp hoàn thiện hợp đồng trên Hệ thống thì nêu rõ];

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ [ghi thời gian ký kết hợp đồng]; tại địa điểm ____ [ghi địa điểm ký kết hợp đồng], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu qui định tại Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại “Biểu mẫu hợp đồng” thuộc E-HSMT].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

